

| | |
|---|-----------|
| Quyển 1: | 1 |
| PHẦN I. | 2 |
| CHƯƠNG I. “Còn cậu ấy là Sherlock Holmes.” | 2 |
| CHƯƠNG II. Suy luận học | 9 |
| CHƯƠNG III. Thảm án Lauriston Gardens | 18 |
| CHƯƠNG IV. Lời khai của John Rance | 29 |
| CHƯƠNG V. Khách không mời | 35 |
| CHƯƠNG VI. Gregson xung trận | 41 |
| CHƯƠNG VII. Ánh sáng cuối đường hầm | 48 |
| PHẦN II. ĐẤT THÁNH | 55 |
| CHƯƠNG I. Cõi hoang vu | 55 |
| CHƯƠNG II. Đóa hoa hoang dại | 62 |
| CHƯƠNG III. Ngả bài | 67 |
| CHƯƠNG IV. Lăn ranh sinh tử | 71 |
| CHƯƠNG V. Những thiên thần báo oán | 77 |
| CHƯƠNG VI. Dòng hồi tưởng của bác sĩ Watson | 82 |
| CHƯƠNG CUỐI. | 89 |

Dự án Dịch sách “**Đưa tang Tuổi Trẻ: Dream a Bigger Dream**”

Quyển 1:

SHERLOCK HOLMES HUYỀN* ÁN

(The Adventures of Sherlock Holmes)

***huyền** trong *huyền bí*, *huyền thoại* và *đàn*

Tác giả: **Arthur Conan Doyle**

Dịch giả: **Nguyệt Quế**

Huyền án #1:

HUYẾT THẨM

(A Study in Scarlet)

PHẦN I.

CHƯƠNG I. “Còn cậu này là Sherlock Holmes.”

Năm 1878, tôi tốt nghiệp Viện Đại học London rồi lặn lội xuống Netley tu nghiệp theo ngạch bác sĩ quân y. Dứt nợ sách đèn, tôi được bổ nhiệm vào trung đoàn Northumberland đang đồn trú tại Ấn Độ. Ngay trước ngày tôi tòng quân, chiến sự Afghanistan lần thứ hai bùng nổ. Cả nhóm vừa chân ướt chân ráo tới Bombay liền nhận lệnh cấp báo: quân đoàn đã xông thẳng vào chiến trường Candahar, toàn đội phải lập tức lên đường chi viện.

Trong khi người người hưởng lộc thắng quan, trận chiến này chỉ ban phát cho tôi đầy rẫy ngón ngang cùng bất trắc.

Tôi được điều sang trung đoàn Berkshires, kẹt giữa chiến trường Maiwand sinh tử. Rồi tôi bị bắn vào vai, gãy vụn xương đòn, đạn sượt ngang động mạch, còn suýt lọt vào tay bọn Hồi giáo Ghazi nếu cậu lính Murray không liều mình xô tôi lên ngựa, phi thẳng về hậu tuyến.

Kiệt sức vì đòn đau, lại thêm thời gian dài ăn sương nằm gió, tôi cùng các thương bệnh binh khác được chuyển về bệnh viện dã chiến ở Peshawar.

Tôi bình phục nhanh chóng, hôm nào cũng đi dạo vài vòng rồi thành thói phơi nắng ngoài hiên. Nhưng Ấn Độ đâu dễ dàng buông tha tôi như thế. Tôi bị nhiễm thương hàn. Đúng vậy, ròng rã mấy tháng trời vật lộn với Tử thần, còn chưa kịp báo bình an lại quay sang sốt thương hàn. Bệnh tình trở xấu đến độ hội đồng Y khoa phải trả tôi về Anh lập tức. Suốt một tháng lênh đênh trên tàu hải quân Orontes, tôi rốt cuộc cũng đặt được chân xuống bến cảng Portsmouth. Mẫu quốc đã đặt cách cho tôi nghỉ ngơi chín tháng để gom lại ba hồn bảy vía.

Tôi không còn người thân ở Anh, đành ngửa tay nhận từng đồng trợ cấp sống lay lắt qua ngày. Được vài hôm thì khăn gói lên London thuê khách sạn trên phố Strand. Mất phương hướng, không nghề nghề, hầu bao lại sắp kiệt cùng, xem

ra tôi chỉ còn hai chọn lựa: hoặc cuốn gói đi hoang, hoặc phải thay đổi hoàn toàn lối sống vô phương vô hướng. Tôi chọn phương án hai nên phải chạy đôn chạy đáo tìm chỗ trọ bình dân hơn.

Tôi đang tần ngần trước quán Criterion thì thành linh bị vỗ vai, ra là đàn em Stamford khóa dưới. Ngày trước bọn tôi chả thân thiết gì đâu nhưng bấy nhiêu năm phiêu bạt, giờ gặp người quen tôi vui như vớ được vàng. Cậu em kia cũng tay bắt mặt mừng xem chừng hồ hởi lắm. Tôi bèn mời Stamford xuống Holborn ăn trưa.

“Anh lẫn lộn kiểu gì mà tong teo như que củi thế?” cậu ấy dò hỏi khi hai chúng tôi len lỏi qua những khu phố sầm uất nhất thủ đô.

Tôi định kể qua quýt cho xong nhưng được lời như cởi tấm lòng, đã đến nơi mà vẫn chưa dứt chuyện.

“Trời đất ơi! Giờ anh định thế nào?”

“Vẫn đang đau đầu chuyện nhà cửa. Thời buổi này kiếm một chỗ vừa ý, giá phải chăng còn khó hơn lên trời.”

“Hôm nay ngày gì thế nhỉ?” Stamford lẩm bẩm. “Chưa đầy buổi sáng mà nghe cùng một chuyện những hai lần. Cậu ta nói y hệt anh luôn!”

“Ai thế?” tôi tò mò hỏi.

“Một cậu hay đến khu hóa nghiệm trong viện em. Sáng giờ cứ cảm râm có một căn ngon lành lắm, đang tìm người ở ghép cho đỡ tiền thuê.”

“May phước!” tôi kích động. “Vừa có chỗ tử tế, vừa không phải lủi thủi một thân một mình.”

Stamford ngó tôi dè dặt. “Anh vừa về nên không biết đấy thôi, cậu Sherlock Holmes đó...”

“Không được bình thường à?”

“Không phải. Nói sao đây? Toàn nghiên cứu mấy thứ lạ lùng. Nhân cách thì không đến nỗi tệ.”

“Hậu bối khóa nào thế?” tôi hỏi.

“Không phải dân Y mình. Chả biết cậu ta học gì luôn. Cực giỏi Giải phẫu học, trình Hóa học thượng thừa nhưng không có lấy một mảnh bằng chính quy. Hở ra là thí nghiệm lung tung, chẳng theo lẽ lối nào hết, toàn tự mày mò học lỏm nhưng kiến thức sâu rộng vô cùng, không chừng còn giỏi hơn mấy bậc cha chú.”

“Sao cậu không hỏi thẳng? Cứ ngồi đấy đoán già đoán non.”

“Em chả dại. Phải biết ý gãi đúng chỗ ngứa, bằng không đừng hòng cậu ta hé răng nửa lời. ”

“Gặp thử xem sao. Giờ anh lại ưa mấy người ít nói. Cái thân đau ốm này chịu không nổi náo nhiệt đâu. Bom gào đạn rú ở Afghanistan là quá đủ. Liên lạc với cậu bạn đó thế nào đây?”

“Giờ này chắc đang còn trong phòng hoá nghiệm. Cậu ta hay biệt tích mấy tuần liền rồi đúng một cái xuất hiện, cảm rề trong đó sáng đêm không chịu về. Nếu anh gấp, ăn xong em dẫn đi luôn.”

“Nhất trí!”

Trên đường đi, Stamford còn tốt bụng giới thiệu thêm cho tôi vài thường thức nữa về anh bạn sắp-cùng-nhà tên Sherlock Holmes.

“Anh này, nhớ mà hai người học hặc, không được đồ hết lên đầu em đâu,” Stamford rào đón. “Lâu lâu bọn em mới xã giao vài câu. Là anh tự đòi gặp, may nhờ rủi chịu đấy nhé.”

“Ô hay cái chú này, không hợp thì dọn đi là xong. Đến cùng là có chuyện gì mà cậu quanh co miết thế? Tính tình cậu ta tệ hại lắm sao? Hay rút cuộc thế nào? Đừng có ậm à ậm ạch vậy chứ!”

“Làm sao diễn tả được những thứ vốn dĩ không có cách nào diễn tả,” Stamford cười ha hả. “Cậu ta phát rồ vì khoa học, bảo vô tình máu lạnh cũng chả sai, cái hạng người sẽ thẳng tay chuốc bạn bè một nắp alkaloid chỉ để quan sát độc tính phát tán tới mức nào thôi ấy. Kiểu như cậu ta, chắc phải đem mạng mình ra thử mới vừa lòng, cái gì cũng đòi rạch ròi từng li từng tí.”

“Nghieten việc chút thôi mà, cậu kêu ca ghê vậy.”

“Cũng vừa phải chứ anh? Còn dám vác gậy đến tận nhà xác, lôi mấy thi thể ra quật bầm dập kia kìa.”

“Cái gì? Cậu có nhìn nhầm không đấy?”

“Em bắt tại trận mà, thấy bảo để kiểm chứng độ gây thương tích sau khi chết.”

“Lại cứ khăng khăng người ta không phải Y sinh!”

“Không phải thật mà anh! Có trời mới biết cậu ta làm nghề gì. Tới rồi, anh tự đi mà chất vấn.” Chúng tôi rẽ qua một hành lang nhỏ hẹp, men theo cửa hông vào bệnh viện của Stamford. Tôi thấy thân thuộc lắm, chẳng cần ai chỉ dẫn cũng dễ dàng ngược lối cầu thang, rảo bước dọc hành lang quét vôi sạch sẽ trở những khung cửa tối màu dẫn vào khu hoá nghiệm.

Căn phòng khá rộng rãi với những dãy kệ chất chồng chai lọ. Trên bàn đầy rẫy ống nghiệm ngổn ngang, những ngọn đèn tiệt trùng Bunsen hắt ra tia lửa lập lòe xanh biếc. Vừa nghe thấy tiếng bước chân bọn tôi, cậu ta quát mắt nhìn đăm đăm rồi đứng phắt dậy, réo lên hoan hỉ. “Tôi tìm ra rồi! Tìm ra rồi này!” Đoạn cậu ấy bỏ nhào về phía chúng tôi, tay hươ hươ ống nghiệm. “Tôi vừa phát hiện một loại thuốc thử chỉ phản ứng với mỗi huyết sắc tố trong hồng cầu.” Phỏng chừng lúc đào trúng mỏ vàng, cậu ta cũng sung sướng đến thế là cùng.

“Đây là bác sĩ Watson. Còn cậu này là Sherlock Holmes,” Stamford giới thiệu.

“Chào anh,” Holmes hứng trí siết mạnh tay tôi, nội lực thâm hậu bất ngờ so với vẻ bề ngoài. “Anh từ Afghanistan về à?”

“Ai bảo cậu thế?” tôi hoang mang hỏi.

“Chuyện vặt thôi,” cậu ta cười khẩy. “Trọng điểm bây giờ là huyết sắc tố trong hồng cầu. Không còn nghi ngờ gì nữa, anh đã thấy hết tầm vĩ đại của phát minh này chưa?”

“À thì về lý thuyết, đúng là không còn nghi ngờ gì nữa,” tôi lầm bầm, “cơ mà tính thực tiễn...”

“Anh còn muốn thực tiễn thế nào? Là kỳ tích trong ngành giám định đấy, thực tiễn đến không thể thực tiễn hơn. Mở to mắt mà xem đây này!”

Cậu ta lôi tôi xềnh xệch đến góc bàn. “Phải lấy ít máu tươi,” Holmes bắt đầu giảng giải, chuẩn xác cắm phập kim vào ngón tay mình rồi dùng ống bơm hút lấy một lượng nhỏ. “Giờ tôi sẽ hòa nó vào một lít nước. Anh nhìn đi, có khác gì nước tinh khiết đâu? Tỷ lệ máu còn chưa đến một phần triệu. Cứ chờ xem, lập tức sẽ xuất hiện phản ứng phân hóa đặc trưng.”

Cậu ta quả quyết, gọn ghẽ thả vào chai những mẫu tinh thể trắng ngà cùng vài giọt chất lỏng trong suốt. Hỗn hợp lập tức chuyển sang màu gỗ trầm, những hạt kết tủa hơi ngả nâu cũng dần lắng xuống đáy chai.

“Ha hả!” cậu ta đắc ý vỗ tay bồm bộp như đứa trẻ vừa bắt được món đồ chơi mới. “Thấy chưa?”

“Tài tình,” tôi cảm thán.

“Là kỳ tích đấy! Dùng Guaiacum rõ quê mùa, còn năm ăn năm thua. Soi kính hiển vi lại càng bết bát, máu khô chừng vài tiếng là đi tong. Phát minh của tôi thì khác, khô tươi, cũ mới đều không thành vấn đề. Từ giờ không sợ thiếu chứng

cứ nữa. Chỉ ít cũng bỏ tù được vài trăm tên.”

“Còn phải nói!” tôi phụ họa.

“Rất nhiều vụ án cứ đến khâu này là bế tắc. Cứ tưởng tượng có một kẻ bị tình nghi giết người. Quần áo hắn ta dính vài vết sẫm nhưng lúc khám xét đã là mấy tháng sau khi án mạng xảy ra, cơ sở nào để cam đoan đó là vết máu, vết bùn, gỉ sắt, hay nhựa hoa quả? Có phát minh của Sherlock Holmes này, lịch sử ngành hình sự sẽ sang trang mới.”

Holmes tuôn một tràng hùng hồn không nghỉ, đôi con ngươi sáng rực như rọi đèn. Cậu ta còn trịnh trọng đặt tay lên ngực trái rồi cúi đầu điệu nghệ như đang đáp tạ trăm nghìn khán giả nồng nhiệt tán dương mình.

“Cậu xứng đáng được nhà nước vinh danh,” tôi thành thật khích lệ dù vẫn còn khá choáng với màn phấn khích của Holmes.

“Năm ngoái ở Frankfort có vụ Von Bischoff, hắn ta nên bị treo cổ mới phải. Rồi vụ Mason ở Bradford, vụ hai tên man rợ Muller và Lefevre ở Montpellier, vụ Samson ở New Orleans nữa. Tính sơ cũng đến vài chục vụ án có thể phá gọn nhờ phát minh vĩ đại của tôi.”

“Cậu cứ như quyền niên giám sống về tội phạm ấy,” Stamford hơn hờ. “Hay cậu thử viết một đầu báo đi. Gọi là gì nhỉ? ‘Hình sự: Dẫn lối từ quá khứ’.”

“Cũng sẽ nổi đình nổi đám cho xem,” Holmes gật gù, thoăn thoắt dán băng gạc lên vết kim đâm ban nãy. “Có kiêng có lành, tôi suốt ngày ăn ngủ với mớ chất độc.” Cậu ta vừa nhìn tôi cười nhàn nhã, vừa phe phẩy đôi bàn tay loang lổ băng cá nhân và những vết chàm do acid đậm đặc lưu lại.

“E hèm, tôi ngắt ngang chút nhé,” Stamford giờ mới có cơ hội vào đề. “Sur huynh tôi đang tìm chỗ ở, cậu lại chưa có bạn thuê cùng. Tôi thấy chi bằng giới thiệu hai người với nhau.”

Stamford chưa kịp dứt tiếng, Holmes đã tỏ ý hài lòng. “Tôi nhìn trúng một căn

trên phố Baker, hai người chúng ta vừa hợp. Anh không ngại thuốc tẩu nạng mùi đấy chứ?”

“Tôi cũng thường hút một loại khá nồng.”

“Thế thì tốt. Còn nữa, tôi hay bày biện hóa chất lung tung, thỉnh thoảng sẽ làm vài thí nghiệm. Có phiền anh không?”

“Không thành vấn đề.”

“Xem nào, nhiều lúc tôi sẽ im như tượng mấy ngày liền. Cứ để yên đấy, sẽ sớm trở lại bình thường thôi. Còn anh, muốn khai báo gì không? Kiên kị gì cứ nói thẳng, sau này mới hòa thuận được.”

Tôi bật cười trước màn hỏi cung chéo của cậu ta. “Tôi có một khẩu súng trường bullpup. Thần kinh khá yếu, không chịu được ồn ào. Giờ giấc ngủ nghỉ khác người. Còn nữa, tôi là con sâu lười chính hiệu. Sau này sức khỏe khá hơn, e sẽ còn nhiều ‘kiên kị’ khác nhưng trước mắt chỉ bấy nhiêu thôi.”

“Tiếng vĩ cầm có tính là ồn ào không?” Holmes tỏ vẻ băn khoăn.

“Còn tùy người chơi,” tôi dè chừng đáp. “Đàn hay thì có lộc nghe rồi, nhờ chẳng tệ quá ...”

“Không phải lo,” Holmes cao hứng chen lời, cười tủm tỉm ra chiều tâm đắc lắm. “Nên dọn vào ở hẳn luôn đi, tất nhiên nếu anh vừa ý.”

“Khi nào chúng ta xem nhà được?”

“Đúng mười hai giờ trưa mai gặp tôi ở đây. Chúng ta sẽ cùng đến đấy.”

“Nhất trí,” tôi hăm hở bắt tay Holmes. Trả cậu ta lại cho đồng hóa chất, tôi và Stamford trở ngược về hướng khách sạn.

“Mà này,” tôi choàng tỉnh, quay phắt sang chất vấn đàn em. “Sao cậu ta biết anh vừa từ Afghanistan về?”

Stamford nhếch môi cười thần bí. “Đó chính là ‘thứ lạ lùng’ ban nãy em nói. Khối người đang hoang mang rối cuộc cậu ta làm thế nào mà chuyện lớn bé gì cũng biết tuốt.”

“Bí ẩn thế cơ à?” tôi không kìm được kích động. “Người anh em, rất cảm ơn cậu đã giới thiệu bọn anh với nhau. Cậu biết mà, ‘Mục tiêu nghiên cứu của loài người chính là bản thân con người’”.

“Anh cứ thông thả nghiên cứu cậu ta đi nhé,” Stamford vừa nói vừa vẫy chào. “Rồi anh sẽ sớm nhận ra Holmes vĩnh viễn là một ẩn số. Tin em đi, anh còn chưa thu thập được gì thì đã bị cậu ta mỗ xẻ tanh bành. Thôi, em về đây.”

“Chào cậu,” tôi chậm rãi tản bộ, cực kỳ hào hứng nghĩ về anh bạn sắp-cùng-nhà tên Sherlock Holmes.

CHƯƠNG II. Ngành Suy luận học

Hôm sau tôi đến gặp Holmes như đã hẹn, cùng cậu ấy vào xem căn hộ số 221B trên phố Baker. Nhà gồm hai phòng ngủ rất tiện nghi. Phòng khách rộng thênh thang, vừa thoáng đãng lại được bày biện hợp mắt vô cùng. Trên tường còn treo hai khung cửa sổ lớn vươn mình hứng trọn khí trời lồng lộng. Tìm đâu ra chốn trú ngụ nào lý tưởng hơn thế này? Quan trọng là giá cả rất phải chăng. Hai chúng tôi tức khắc đưa ra quyết định. Ngay tối đó tôi hì hục mang vác tư trang vào, sáng hôm sau Holmes cũng đủng đỉnh khuân tới một loạt hòm nhỏ, rương to. Liên tục mấy ngày liền, chúng tôi ngụp lặn trong núi đồ đạc, hết tháo dỡ lại bận bịu sắp tới đặt lui. Rối cuộc nhà cửa cũng ổn yên, tôi và Holmes nhàn nhã hòa nhập vào môi trường mới, bắt đầu công cuộc an cư lạc nghiệp.

Holmes chẳng hề ‘khó ở’ như lời đồn. Cậu ấy khá ôn hòa và điềm đạm, lại sống rất khuôn khổ. Hiếm khi tôi thấy Holmes thức khuya, chưa đến mười giờ đã ngủ thẳng giấc. Tờ mờ sáng tôi chưa kịp dậy, cậu ta đã ăn uống thỏa thuê rồi tạt vào

đâu đó mất tăm. Đôi khi Holmes nhốt mình cả ngày trong phòng hóa nghiệm, lúc thì bám trụ nhà xác nửa bước không rời, có những hôm lại chuyển sang thú vui tao nhã là tản bộ dọc theo những khu ổ chuột tạp nham bậc nhất London. Khi đắm chìm vào trạng thái cuồng việc, năng lượng trong người cậu ta ngùn ngụt như chực phun trào nhưng ngay giờ khắc này đây, cậu ta - lại lần nữa - đình trệ mọi phản ứng. Trong vài ngày tới, Holmes sẽ lại nằm ườn trên ghế bành ngoài phòng khách, im lìm như tượng hoặc chuyển phất sang chế độ cú đêm. Mỗi lần nhìn vào đôi con ngươi đờ đẫn ngập sâu trong mộng mị ấy, dù đã tận mắt thấy nếp sống quy củ và chứng cuồng mê sạch sẽ đến khá điên rồ, tôi vẫn không ngăn được mà đẩy lên nghi kỵ: lẽ nào cậu ta nghiện ngập ả phù dung?

Ngày qua ngày, tôi càng lún sâu vào miệng hố tò mò xen lẫn phần khích muốn đào ra bằng được ngọn nguồn nào đã thôi thúc Holmes sống cuộc đời quá đổi kỳ khôi như thế. Mặt khác, vẻ ngoài của cậu ta cũng là đòn trực diện đánh thẳng vào lòng hiếu kỳ của đối phương. Holmes cao hơn mét tám, lại thêm tạng người mảnh khảnh nên trông càng ngất ngưỡng. Cặp mắt sắc hơn dao, mỗi tia nhìn đều sáng quất lên, sâu hoắm hoắm - tất nhiên không tính những thời điểm đình công kỳ quặc tôi vừa đề cập bên trên - cộng thêm chiếc mũi điều hâu gồ rỗ, vừa nhìn đã thấy cốt cách nhảy bén, xông xáo và cương trực. Khuôn cằm của Holmes rành rạnh cạnh vuông, tỏ rõ lập trường cứng rắn và thập phần quyết đoán. Đôi tay cậu ta muôn thuở lấm lem mực nhọ cùng tàn dư hóa chất, vậy mà lại tinh tế và dịu hoặc bất ngờ mỗi khi múa may ngang dọc cùng cây vĩ cầm.

Áng chừng quý độc giả sẽ nghĩ tôi là một kẻ rối hơi tọc mạch khi suốt ngày soi mói nhất cử nhất động của Holmes, lại còn ấp ủ mưu mô cào tróc dáng vẻ âm trầm, khinh khỉnh mà cậu ta thường trực trưng ra trước vạn sự quanh mình. Nhưng hỡi ôi, trước khi nặng lời phán xét, tôi xin nhắc nhớ quý cô, quý ngài về cái cuộc đời quá đổi vô phương hướng mà tôi đang sống, rằng nào có điều gì khác lớn lao hơn để tôi có thể dốc dồn tâm trí vào? Gốc bệnh hãy còn trong mệnh, tôi đâu dám ngược xuôi thăm thú trừ hôm nào thời tiết quang tạnh bất thường. Bằng hữu ư? Chẳng còn ai đủ nhiệt tâm kéo tôi ra khỏi mớ đời tẻ ngắt. Tôi đành bầu víu vào anh bạn cùng nhà lúc nào cũng thần thần bí bí này, dốc hết tâm can để nghiên cứu, mổ xẻ cậu ta.

Stamford nói đúng, Holmes không phải Y sinh, càng không thiết tha mấy luận văn nghiên cứu hay những lời mòn cũ kỹ dẫn vào phần thể giới đã được đào xới hết lên mà lại dành trọn tâm tư cho một số mảnh, nhánh đặc thù. Khó có thể phủ nhận trong phạm vi nghiên cứu dị biệt của riêng mình, Holmes tinh thông cả một kho tàng kiến thức cực kỳ đồ sộ, lại sở hữu bản tính tỉ mỉ quá độ ăn sâu vào trong máu, khiến tôi hết lần này đến lần khác phải há hốc mồm trước óc quan sát tài tình của cậu ta. Thói đời này, để có mấy ai bỏ công học hỏi mà chẳng có mục đích lớn lao gì? Để được mấy người dùng hết tài trí để vật lộn với những thứ vật vãnh mà không vì nguyên cớ nào to tát, cao xa? Khỏi đều từ lửa mà ra cả.

Có điều, độ mông muội của Holmes cũng đồ sộ không kém mặt tinh tường: hoàn toàn mù tịt về văn chương, triết học và các diễn biến chính trị đương thời. Có lần tôi trích dẫn câu phát biểu của đại triết gia Thomas Carlyle, cậu ta như lạc trong sương mù, ngơ ngác hỏi ngược lại tôi: ông Carlyle đó là ai, đang làm chức nghiệp gì. Đỉnh điểm của nỗi kinh hoàng là khi tôi vô tình phát giác Holmes không biết ắt giáp chi về thuyết Vũ trụ Nhật tâm của Copernicus, về khám phá thiên văn học vĩ đại bậc nhất thế kỷ 19: Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

“Trông anh như nuốt phải lưỡi,” Sherlock Holmes cười giễu trước nỗi hoang mang tột độ của tôi. “Nhờ có biết, tôi cũng sẽ tìm mọi cách quên bằng sạch.”

“Quên bằng sạch?”

“Anh cứ tưởng tượng não bộ con người là tầng gác mái, nhỏ hẹp lại trống trơn. Chính ta là người quyết định nên chất vào đó những gì. Kẻ xuẩn ngốc sẽ nhồi nhét cho bằng hết mọi thứ hấn vớ được, đến nỗi tri thức hữu ích bị chôn vùi trong một núi tạp nham, đến khi cần dùng lại chẳng biết mò mẫm trong xó xỉnh nào. Người khôn ngoan thì khác, anh ta sẽ đếm đo từng món kiến thức một rồi mới kỹ lưỡng chọn ra bộ đồ nghề quý giá. Chớ nghĩ não người biết đàn hồi. Rồi sẽ đến lúc tri thức đánh đổi bằng tri thức - để chất vào một mẫu trí tuệ mới, anh phải rút bỏ một lượng cố hữu tương đương. Thế mới nói, tuyệt đối không được để những thứ vật vãnh ngáng đường.”

“Hệ Mặt Trời mà vật vãn à?” tôi bật lại ngay.

“Thế anh bảo tôi nên gói nó đầu giường chắc?” Holmes bắt đầu câu gắt. “Trái Đất có quay quanh Mặt Trăng thì công việc của tôi cũng chả sút sẹo phân nào!”

Tôi định nhảy bổ vào chất vấn rốt cuộc công việc đó là gì nhưng Holmes đang trong cơn hần học, sẽ không thềm đoái hoài đến câu hỏi của tôi. Tôi đành lăm lăm suy suy đoán đoán, quyết chí tự tìm bằng được câu trả lời cho thỏa nỗi tò mò. Cậu ta khẳng khẳng không bao giờ bỏ công tìm tòi bất cứ thứ gì nằm ngoài chuyên môn, đồng nghĩa rằng mọi kiến thức cậu ta sở hữu đều quy về một mối: phụng sự cho công việc kỳ bí đó. Tôi bèn nhắm đếm rồi vớ bút liệt kê một loạt ưu nhược điểm vô tiền khoáng hậu của Holmes, nhin không nổi mà bật cười hí hửng:

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên: **SHERLOCK HOLMES**

1. Thường thức Văn chương: không.
2. Triết học: không.
3. Thiên văn học: không.
4. Chính trị: lơ mơ.
5. Sinh học: nửa vời - biết tuốt về Mạn đà la, thuốc phiện và đại đa số độc dược; mù tịt kỹ năng làm vườn.
6. Địa lý: hạn hẹp nhưng thực tế - vừa nhìn những vệt bùn bắn trên ống quần liền biết đối phương đã tạt qua khu vực nào ở London.
7. Hóa học: cao cấp.
8. Giải phẫu học: chuẩn xác nhưng lan man.
9. Tin tức Hình sự: vô biên - nắm rõ tình tiết mọi vụ án trong thế kỷ.
10. Chơi đàn Vĩ cầm: điêu luyện.
11. Đấu gậy, Đấm bốc và Đánh kiếm: bậc thầy.
12. Tinh thông pháp luật Anh Quốc.

Hí hoáy chán chê, tôi lại nảo nề quẳng mẩu giấy vào lò sưởi, tự nhủ nên bỏ cuộc thôi vì làm gì có loại nghề nghiệp nào yêu cầu kỳ quặc thế này?

Mà hình như tôi hơi kiêu lời về năng khiếu vĩ cầm của Holmes. Phải công nhận mảng này vô cùng xuất sắc và cũng kỳ khôi không kém những ngón nghề khác: Holmes đàn rất mượt nhiều tấu khúc, cả những giai điệu khó nhằn. Tôi đã nhiều lần thử tài bằng cách thỉnh linh yêu cầu cậu ấy kéo vài bản lãng mạn của soạn giả người Đức Mendelssohn và ít bài tôi yêu thích khác, Holmes đều phản đòn được ngay. Nhưng nếu tôi không chủ động réo gọi, Holmes hầu như chẳng đoái hoài gì đến cây đàn, càng không thiết tha chuyện diễn xướng. Họa hỡn lắm mới được vài đêm cậu ta ngồi ườn trên ghế, đặt đàn vắt vẻo lên chân rồi lim dim mắt, tay khua loạn xạ - khi là những nhạc khúc sâu úa não nề, lúc lại réo vang ngập tràn sinh khí.

Rõ ràng tiếng đàn là lời cảm thán thay cho tiếng lòng của cậu ta. Tôi chỉ không rõ liệu âm nhạc là chất xúc tác khiến cậu ấy thăng hoa hay chỉ đơn giản là kết quả của một ý tưởng vụt qua hoặc một nỗi niềm lớn lao nào đó tôi không dò ra được. Tôi còn định biểu tình phản đối, may mà Holmes có chút lương tâm, lúc nào cũng kết thúc gọn ghẽ màn phô bày cảm xúc bằng những đoạn nhạc tôi tâm đắc như một món bồi thường nho nhỏ cho lòng kiên nhẫn vô biên của vị thánh giả độc nhất này.

Cũng gần chục hôm từ khi dọn vào, nhà chúng tôi chưa ai đến viếng. Tôi vừa mới sinh nghi - lẽ nào Holmes cũng tịch liêu, không bè không bạn như mình - thì thỉnh linh dạo gần đây, khách khứa ùn ùn tới thăm, hóa ra cậu ta giao thiệp rộng rãi lắm: một anh bạn nhỏ con mắt sẫm, mặt choắt như chuột chủ tên gọi Lestrade đập cửa tù tì ba bốn chặp; một thiếu nữ váy vóc tân thời ngồi tỉ tê hơn cả giờ; một ông bác tóc hoa râm nhìn xơ xác như kẻ bán hàng rong; một cụ bà ăn vận lôi thôi lếch thếch; một quý ông đứng tuổi trông sang trọng vô cùng; có cả anh phu khuân vác còn mặc nguyên bộ đồng phục sân ga. Hễ lần nào có khách đến chơi, Sherlock Holmes đều tử tế nhờ tôi nhượng lại phòng khách. Tôi chẳng thấy phiền hà gì, chui tọt vào phòng mình nghỉ ngơi nhưng xem chừng cậu bạn không buông được áy náy. “Anh thông cảm nhé. Khách hàng cả, phải tiếp đãi đàng hoàng.” Cơ hội là đây! Nhưng rút cuộc tự thấy cần rút lương tâm, tôi lại không nỡ ép dồn Holmes khai báo. Tôi thậm chí còn hình dung ra viễn cảnh Holmes dùng vô vàn lý do để sống chết bảo vệ đời tư, có ngờ đâu vào một ngày đẹp trời nọ, cậu ta lại thần nhiên tự khai ra bằng hết.

Hôm ấy là ngày 4 tháng 3 - tôi nhớ như in vì trời xui đất khiến thế nào lại dậy sớm hơn hẳn mọi khi, vừa vặn bắt gặp Holmes đang loay hoay bên bữa sáng. Bác chủ nhà do đã quá quen với thói ngủ nướng của tôi nên chưa kịp bày biện gì. Tự dưng tôi phát cáu, bực dọc lắc chuông gọi điểm tâm rồi chộp lấy tờ báo trên bàn, cố nghiền ngẫm để giết thời gian. Holmes vẫn ngồi lặng thinh, nhâm nhi mẩu bánh mì nướng. Tôi đang hăm học lật tới xem lui thì vô tình liếc thấy một dấu hoa thị đánh bằng bút chì ngay đầu tiêu đề một mục báo có tên rất kêu: ‘Bách khoa Cuộc đời’.

Nội dung chủ yếu là tăng bốc khả năng suy luận thần sầu của tác giả về vạn vật trên đời chỉ dựa vào tư duy logic. Nghe cũng cao siêu đấy nhưng tôi cứ thấy phi lý thế nào! Lập luận sắc bén nhưng các thủ pháp suy diễn lại quá mức cường điệu và viển vông. Người viết tuyên bố hùng hồn rằng chỉ cần bắt được một biểu cảm thoáng qua trên mặt, một giây cựa quậy chân tay hay một tia nhìn khác lạ ánh lên trong mắt là đủ để dò ra suy nghĩ ẩn sâu trong tâm thức đối phương. Ông ta còn cam đoan không đối trá nào qua mặt được một nhà quan sát và phân tích thực thụ, rằng những đúc kết kia cũng thuyết phục tuyệt đối như các định lý Toán học của Euclid. Quá xa vời và mạo hiểm! Đọc xong thế nào người ta cũng nghĩ tay tác giả này là thầy bà đội lốt, chuyên dùng bùa chú hay các phép gọi hồn.

“Từ một giọt nước bất kỳ,” bài báo ghi rõ, “nhà logic học có thể suy thẳng ra gốc gác của nó là từ Đại Tây Dương hay thác Niagara mà chẳng cần đến tận nơi khảo nghiệm hay thu thập thông tin từ trước. Cuộc đời vốn là một chuỗi xích nối cỡ đại, ta chỉ cần giữ chặt một đốt móc, tự khắc sẽ liên kết được bản chất của toàn bộ sợi dây. Cũng giống những lĩnh vực khoa học khác, ngành Phân tích và Suy luận học chỉ trao thưởng vinh quang cho những nỗ lực học hỏi và nghiên cứu trường kỳ. Nhưng tôi buộc phải thừa nhận: vòng đời ngắn ngủi của loài người là không đủ để đạt đến cảnh giới cao nhất của bộ môn này. Trước khi luận bàn về đạo đức nghề nghiệp hay trí năng thấu cảm, nên nhập cuộc bằng những tiểu tiết sơ đẳng nhất: đọc vị xuất thân và nghề nghiệp của bất kỳ ai chỉ qua một ánh nhìn.

“Nghe có vẻ tầm thường nhưng phương pháp này giúp mài giũa khả năng quan sát vô cùng hiệu quả, rèn cho ta phản xạ nên nhìn cái gì và nhìn vào đâu - móng tay, ống tay áo, giày dép, gối quần, những vết chai trên đầu ngón cái và ngón trỏ, nét mặt đổi thay chớp nhoáng, cả cổ tay áo và gấu quần - những chi tiết tưởng chừng vụn vặt sẽ giúp lật mở toàn cục bức tranh. Một khi sợi xích đó liên lạc, nhà phân tích hoàn toàn có thể làm chủ bất cứ tình huống nào.”

“Điều toa!” tôi châm biếm, quăng bộp tờ báo xuống bàn. “Nhảm nhí vậy mà cũng cho đăng được.”

“Anh làm bầm gì miết thế?” Holmes ngờ vực hỏi.

“Lại một tên coi trời bằng vung,” tôi nhắc thìa trở băng quơ lên bàn. “Cậu cũng đọc rồi nhỉ? Tôi thấy dấu hoa thị. Lập luận không tồi nhưng tôi chả ưa cái giọng dạy đời của hắn. Chắc là hạng vô công rồi nghề, không có gì làm nên bày đặt suy suy đoán đoán đây mà. Viên vông hết sức. Hề mà gặp hắn trên tàu, tôi bắt đoán nghề nghiệp của hết thầy hành khách cho xem. Thế nào cũng lòi mặt chuột.”

“Coi chừng gây ông đập lưng ông,” Sherlock Holmes cười giễu. “Vì gã đó chính là tôi.”

“Gì chứ? Sao lại là cậu?”

“Sao không? Tính tôi trời sinh ưa quan sát và suy luận. Anh chê bai cho lắm vào, miếng cơm manh áo của tôi đấy.”

“Cậu nói rõ xem!”

“Tôi là thám tử cố vấn. Nghề này cả thế giới chắc chỉ mình tôi làm. Anh chưa nghe bao giờ nhỉ? Đất London này đầy rẫy thanh tra công và thám tử tư. Mỗi khi bế tắc, họ đến đây giải trình chứng cứ, tôi sẽ lòi trong não ra những món đồ nghề phù hợp để kéo công tác điều tra về đúng quỹ đạo ban đầu. Tội ác ấy mà, đa phần đều nhang nhác cả. Nếu anh nắm trong tay tình tiết của một nghìn vụ án, chẳng lý do gì không phá được vụ thứ nghìn lẻ một. Tay Lestrade hôm nọ là

thanh tra nhà nước, tiếng tăm không tồi, bí quá rồi nên phải vác mặt đến cầu cứu tôi.”

“Thế còn những người khác?”

“Khách từ các văn phòng thám tử tư. Tôi nghe họ kể, họ nhận lời khuyên, rồi tiền đầy túi.”

“Gượm đã, ý cậu là bọn họ nắm hết chứng cứ mà vẫn chịu thua. Cậu thì không cần rời nhà nửa bước vẫn phá án được?”

“Chính xác là vậy. Gọi là gì nhỉ? Thiên bẩm chăng? Thịnh thoảng cũng có vài vụ hơi căng não, tôi phải đến tận hiện trường xem xét tình hình. Còn ‘đồ nghề’ tôi không hề thiếu. Những nguyên tắc suy luận đó trong mắt anh chỉ đáng ba xu nhưng với tôi, chúng là vũ khí thượng hạng. Còn nhớ lần đầu gặp nhau không? Tôi vừa nhìn liền biết anh vừa từ Afghanistan về.”

“Có người mách cậu trước chứ gì?”

“Đâu ai rảnh? Mà tôi cũng chả cần. Luyện mãi thành quen, liếc một phát, biết ngay chân tướng. Kể ra cũng có dò có dọc cả đấy: ‘Anh bạn này tác phong như bác sĩ lại có dáng dấp nhà binh - đích xác là bác sĩ quân y. Mặt mày sạm đen nhưng cổ tay tái nhợt - dân Anh chính cống vừa trôi dạt từ mấy vùng nhiệt đới. Người ngòm phờ phạc như muốn gục đến nơi - vừa qua cơn bạo bệnh, lại phải lao lực nhiều. Tay trái bị thương, cử động cứng đờ. Tiền đồn nào có thể dày dạn một vị bác sĩ quân y ra nông nổi này? Chỉ có thể là Afghanistan.’ Toàn bộ mạch suy luận là vậy, tòn chưa đến nửa giây. Lúc tôi hỏi, anh rõ kích động còn gì?”

“Nghe đơn giản nhỉ, tôi cứ nghĩ phải lắt léo lắm cơ. Cậu cứ như bản sao bằng xương bằng thịt của thám tử Dupin trong tiểu thuyết Edgar Allan Poe ấy.”

Sherlock Holmes nhàn nhã châm thuốc. “Anh đang khen đấy phỏng? Tôi xin, nhưng gã Dupin đó chẳng ra thể thống gì. Ép người ta im thin thít trong mười lăm phút để hắn bày trò đọc suy nghĩ, đang diễn tuồng chắc? Ừ thì anh ta cũng

có vài ba mảnh lời nhưng đến mức huyền thoại như ông Poe đó tả thì quá phô trương rồi.”

“Thế cậu đọc truyện của Gaboriau chưa? Lecoq thì sao? Đủ ‘thể thống’ chứ?”

Sherlock Holmes khinh thường ra mặt. “Rất một gã hậu đậu đáng thương. Được mỗi tính nhiệt tình. Quyển đó làm tôi phát ốm. Tôi chỉ cần hai mươi tư tiếng để truy đích danh hung thủ giữa một băng nghi phạm, giao cho tên Lecoq chắc phải nửa năm. Nên đổi tựa sách thành ‘Thám tử: Những sai lầm sơ đẳng’ mới đúng.”

Tôi bất mãn cực độ khi hai thần tượng của mình bị Sherlock Holmes bôi tro trát trấu nên hậm hực lần ra cửa sổ, nhìn lom lom xuống phố xá chật ních người. “Tài cán ra sao còn chưa biết mà ở đây coi trời bằng vung,” tôi thầm sỉ vả.

“Độ này trời yên biển lặng quá,” Sherlock Holmes lại nhả ngọc phun châu. “Trí tuệ kiệt xuất của tôi còn đâu đất để dùng? Dám cá với anh trong lịch sử toàn ngành hình sự, tôi xếp thứ hai không ai dám xếp thứ nhất. Nhưng tài năng xuất chúng cũng vô ích thôi. Không có nổi một vụ án xứng tầm cho tôi động não, quanh đi quẩn lại chỉ có vài trò cón con, đám thanh tra quèn ở Scotland Yard cũng mò ngay ra được.”

Hết chịu nổi rồi! Cậu ta nghĩ mình là ai mà nói năng bạt mạng thế chứ? Phải lái ngay sang đề tài khác, để cậu ta tiếp tục lải nhải khéo tôi không kìm được mà gây chuyện mất thôi.

“Ông anh kia đang tìm nhà ai nhỉ?” tôi chỉ bừa người đàn ông cao lớn ăn vận giản đơn đang dáo dác ngó nghiêng phía bên kia đường. Anh ta cầm khur khur một phong bì xanh biếc, hẳn là bưu tá đang phát thư.

“Anh bảo viên Trung sĩ thủy quân lục chiến đã giải ngũ kia ư?” Holmes băng quơ hỏi.

“Lại nữa! Bốc phét vừa thôi,” tôi nói thầm. “Cậu biết tôi không cách nào kéo anh ta lại đối chất nên tha hồ khoác lác chứ gì?”

Tôi còn chưa dứt tiếng lòng thì người bưu tá đó đã trừng mắt nhìn thẳng về phía căn hộ của chúng tôi rồi chạy một mạch sang bên này đường. Chỉ vài giây sau đã nghe chuông cửa réo ồm ồm, rồi giọng người chào hỏi ồm ồm kéo theo tiếng gót giày nện cầu thang cồm cộp.

“Ngài Sherlock Holmes có thư,” anh ta cẩn trọng trao ra phong bì.

Đây là cơ hội ngàn năm có một để cào rách bộ mặt hồng hách kia. “Anh này, cho tôi hỏi chút,” tôi nhỏ giọng tiếp cận. “Anh làm nghề gì thế?”

“Bưu tá, thưa ngài. Đồng phục tôi đang gửi sửa.”

“Thế lúc trước có làm gì khác không?” tôi vừa hỏi vừa đảo mắt liếc xéo cậu bạn cùng nhà.

“Quân nhân thưa ngài, lính thủy đánh bộ hải quân hoàng gia Anh, hàm Trung sĩ. Ngài cần hỏi gì thêm không?”

Không thấy tôi phản ứng, anh ta nghiêm trang giẫm mạnh gót giày, vụt tay lên trán nghech chào đúng chuẩn nhà binh rồi nhanh nhẹn rời đi, chổng vánh hết như lúc đến.

CHƯƠNG III. Thảm án tại Lauriston Gardens

Tôi buộc-phải-thừa-nhận: những lập luận ‘thực tiễn đến không thể thực tiễn hơn’ của Sherlock Holmes đã dọa tôi khiếp vía. Độ sùng bái với năng lực suy đoán của cậu ấy tăng vọt theo cấp số nhân. Tuy vẫn còn hồ nghi tất cả chỉ là màn kịch do cậu ta cố tình sắp đặt hòng làm tôi lóa mắt nhưng suy đi nghĩ lại, lờ tôi thì được lợi ích gì? Tôi vừa kịp hoàn hồn thì Holmes đã đọc xong thư. Đôi con ngươi sáng quắc thường ngày bị phủ mờ một lớp hoang mang, nghi hoặc.

“Cậu suy kiểu quái gì mà ra được thế?” tôi hỏi thẳng.

“Suy gì chứ?” Holmes lại cộc cằn.

“Thì cái ông lính thủy đánh bộ ban nãy.”

“Tôi không rảnh lo việc tầm phào,” cậu ta gất gông, thiếu điều muốn hét vào mặt tôi nhưng chỉ một giây sau đã giả lả làm hòa. “Ngại quá, ai bảo anh cắt đứt mạch suy luận của tôi. Sao nào, vẫn nhìn không ra người ta là thủy quân lục chiến?”

“Tôi chịu.”

“Suy luận thì dễ, kể ra mới khó. Hệt như làm Toán ấy. Ai chẳng biết hai thêm hai là bốn nhưng bảo chứng minh từ nguồn ngọn sẽ áp a áp úng ngay. Lúc anh ta còn lóng ngóng bên kia đường, tôi đã liếc thấy vết xăm hình mỏ neo trên mu bàn tay, rõ ràng là dân bám biển. Dáng dấp lính tráng, râu cạo không lệch một li, kết luận đầu tiên: thủy quân lục chiến. Vô cùng tự tin lại có tố chất lãnh đạo, nhìn cách anh ta ngoảnh cổ thẳng tắp là biết. Cương trực, ngay thẳng, trên dưới bốn mươi, kết luận hai: từng đeo hàm trung sĩ.”

“Siêu phàm!” tôi tròn mắt khen ngợi.

“Thường thôi,” miệng nói không quan tâm nhưng tôi cá Holmes đang thầm phồng mũi vì được tôi sùng bái. “Vừa mới trách trời yên biển lặng, ra là dọn đường đón bão ập vào. Xem đi ông bạn!” Cậu ta ném bộ phong thư về phía tôi.

Chỉ lướt qua mấy dòng đầu, tôi đã phát hoảng gào lên: “Ghê rợn thế!”

“Rốt cuộc cũng có một vụ xứng tầm,” giọng Holmes điềm tĩnh lạ lùng. “Anh đọc to lần nữa hộ tôi.”

Nội dung thư như sau:

“GỬI ANH SHERLOCK HOLMES,

Vừa xảy ra một vụ trọng án tại căn hộ số 3 khu Lauriston Gardens đường Brixton. Căn đó vốn không ai ở nhưng tầm hai giờ sáng nay, một cảnh vụ đang đi tuần phát hiện bên trong có ánh đèn. Nghi có điểm bất thường, anh ta xông vào thì thấy cửa không khóa, phòng ốc trống trơn, trên sàn là thi thể một người đàn ông ăn vận sang trọng, danh thiếp đề tên ‘Enoch J. Drebbler, thành phố Cleveland, bang Ohio, Mỹ’. Không có dấu hiệu bị cướp hay chỉ chứng nguyên nhân cái chết. Máu vấy khắp phòng nhưng trên người nạn nhân không có vết thương nào. Cũng không ai biết vì sao đêm hôm khuya khoắt ông ta lại một mình đến đó. Bọn tôi đang bế tắc. Anh thu xếp tới đây trước mười hai giờ được không? Nếu đang bận quá, tôi sẽ gửi hồ sơ vụ án qua. Lần này anh phải đích thân ra tay mới được.

Tranh thủ đến nhé.

TOBIAS GREGSON.”

“Gregson cầm trùm ở Scotland Yard,” bạn tôi châm chọc. “Cậu ta và Lestrade đúng kiểu ngư ngu tầm ngư mã tầm mã: hai thằng chột mắt giữa một đám mù. Bảo thủ khủng khiếp, chỉ được cái xông xáo. Lại còn thích đâm chọt sau lưng nhau như mấy cô ả làng chơi. Phen này hai tên đẩy cùng hợp tác, có khối trò hề để xem rồi.”

Tôi như ngồi trên đồng lửa mà Holmes cứ mãi ba hoa. “Không còn sớm nữa. Tôi gọi xe cho cậu nhé?”

“Chưa chắc tôi nhận lời. Lại lên con lười kinh niên.”

“Cậu trông mãi mới có cơ hội trở tài, còn chân chờ chi nữa?”

“Tôi có phá được án, bao nhiêu công cán sẽ bị đám Gregson và Lestrade nâng tay trên. Dân đen khổ thế đấy.”

“Nhưng chính anh ta viết thư nài nỉ cậu mà!”

“Thì vậy. Gregson không ngại nhận thua với tôi nhưng trước mặt người thứ ba,

hắn thà cắn lưỡi còn hơn phải chính miệng khen ngợi Sherlock Holmes này tài trí. Cứ đến xem thế nào. Tôi cũng không phải loại ham công trạng. Xuất phát!”

Holmes chộp vội chiếc áo bành tô, biểu tình thập phần sốt sắng như thể cậu ta và vị bệnh nhân mạn tính ban nãy là hai người hoàn toàn khác biệt.

“Đi thôi.”

“Tôi được theo cùng à?”

“Nếu anh không bận.”

Một phút sau bọn tôi đã yên vị trên xe ngựa, phi nước đại xuống đường Brixton.

Sáng hôm ấy trời ngập ngựa sương mây. Những mái ngói nhấp nhô như bị phủ lên một tấm màn voan mờ đục, hệt như gương ảnh được soi chiếu từ mặt đất bùn bụi lấm lem. Cậu bạn tôi đang hứng trí bưng bưng, huyền thuyên không ngừng về mấy hãng vĩ cầm thượng hạng, hết Cremona lại đến Stradivarius rồi Amati. Tôi nghe câu được câu mất, tâm tình chùng hẫng vì vụ thảm án lẫn cái tiết trời u uất, ảm ương.

“Đang lúc nước sôi lửa bỏng, cậu còn tán dóc được à?” tôi nhin không được mà cắt đứt màn diễn thuyết dông dài của Holmes.

“Đã có manh mối nào đâu? Sai lầm sơ đẳng nhất khi bắt tay vào điều tra là tự tiện vạch ra giả thiết khi chưa nắm vững toàn bộ chứng cứ, rất dễ đưa đến những kết luận chủ quan, phiến diện.”

“Chứng cứ của cậu kia rồi. Đã tới đầu đường Brixton, chắc là khu đó.”

“Thế à? Táp vào đi bác phu!” Còn cả trăm mét nữa mới tới hiện trường nhưng Holmes cứ nằng nặc đòi đi bộ.

Ngôi nhà số 3 khu Lauriston Gardens khoác lên mình tấm áo choàng héo hon, lại trông như đang phồng mang trợn má. Nó nằm thụt hẳn vào so với mặt

đường, thuộc dãy bốn căn liền kề. So với hai căn đã có chủ, nhà số 3 và anh hàng xóm cạnh bên trông vừa hẩm hiu lại ghê rợn với ba dãy cửa sổ lớn trống tan hoang sơn lem luốc mấy chữ “Cho Thuê”. Giữa các căn phân cách nhau bằng mảnh vườn bé tí chỉ lác đác vài nhánh cây đã cạn khô sức sống. Lối vào nhỏ hẹp được trải một lớp đất sét vàng ệch trộn cùng sỏi mịn. Sau trận mưa rào rích đêm qua, cả khu nhìn tàn tạ hẳn. Bao quanh mảnh vườn là bức tường gạch cao tầm một thước, bên trên cắm đầy cọc gỗ. Một viên sĩ quan cao lớn đứng dựa sát tường, ngó chừng nhóm người hiếu kỳ đang hăng say rướn cổ hòng dò la chút thông tin.

Những tưởng Sherlock Holmes sẽ chạy ào tới hiện trường rồi bắt tay ngay vào điều tra, dè dặt cậu ta chẳng buồn sốt ruột. Cái điệu bộ thanh thoi đó làm tôi bức cả mình, gì mà cứ lượn tới lượn lui, ngó trời trông đất rồi nhìn quanh quất những căn hộ phía đối diện và mấy bờ rào. Thăm thú chán chê, cậu ta lại uể oải giậm từng bước trên khoảnh cỏ ven đường, mắt ghim như đóng đinh xuống đất. Chưa đầy trăm mét mà khựng lại những hai lần, cười tủm tỉm một lần, còn réo lên ra chiều vừa bụng lắm. Có vài vết hằn trên đất nhưng phía cảnh sát hẳn đã điều tra qua, e là bạn tôi không thu thập được gì. Nhưng Sherlock Holmes là ai cơ chứ? Bộ não siêu phàm kia chắc chắn sẽ tìm ra chân tướng bị lấp vùi trong màn sương đục.

Một người đàn ông bề vệt da dẻ tái nhợt, tóc tai sáng màu đang đứng tần ngần trước lối đi, trên tay lăm lăm quyển sổ. Nhác thấy bọn tôi, anh ta liền bỏ nhào tới, chộp vội tay Holmes bắt lấy bắt đề. “Xem ai tới đây này! Tôi giữ nguyên hiện trường cho anh đây.”

“Trừ chỗ này ra!” cậu bạn tôi trở thẳng lối vào. “Một đàn trâu bò phóng qua cũng không tan hoang tới vậy. Chắc các anh đã khám xét đâu ra đây mới dám bỏ liều, thanh tra Gregson nhỉ?”

“Tôi bận túi bụi trong này, đành giao phía ngoài cho Lestrade,” anh ta ngang nhiên đổ sạch trách nhiệm cho đồng đội.

Holmes nhướn mày mỉa móc, tranh thủ liếc tôi như muốn nhắc tôi-đã-nói-rồi-mà. “Đã có anh và Lestrade thụ lý, cần gì Sherlock Holmes này.”

Gregson vâng vâng đôi bàn tay ra chiều tâm đắc lắm. “Cơ bản đã xong xuôi hết. Tôi sức nhớ anh ưa mấy vụ lạ lùng nên mới gọi tới xem.”

“Anh đánh xe ngựa đến đây à?”

“Đâu có.”

“Còn Lestrade?”

“Cũng không.”

“Vậy phiền anh tránh đường, bọn tôi muốn vào trong xem.” Tuôn một tràng không ăn nhập, Holmes bước vội vào nhà. Gregson liền quỳnh quáng chạy theo, mặt mũi ngô nghê thấy tội.

Hành lang ngắn ngủi được lót ván giản đơn dẫn thẳng vào bếp cùng hai gian phòng phải, trái đối xứng: một bên cửa đóng then cài, bên còn lại là phòng ăn - hiện trường vụ thảm án. Holmes nhanh nhẹn bước vào, tôi lẻo đẻo theo sau. Mùi chết chóc nhuốm đầy khoang não.

Căn phòng vuông vức, vốn đã rộng rãi lại vắng bóng đồ đạc nên càng thênh thang. Bốn bức tường được phủ tạm bợ bằng loại giấy dán rẻ tiền lem nhem meo mốc. Bên dưới những mảng bong tróc lộ ra lớp vôi cũ kỹ đã ố sặc vàng. Giữa không gian ảm đạm, chiếc lò sưởi cần cẩm thạch trắng nằm lù lù phía đối diện cửa trông càng lạc điệu. Trên giá đỡ đặt chéch trong góc phòng vẫn còn sót lại một chân nến đỏ đứng thu lu. Ánh sáng yếu ớt của ngày u ám đang cố cựa quậy để len qua bằng được khung cửa sổ vấy bụi đen ngòm, hắt lên cả gian phòng một mảnh tái tê, ngầu đục.

Những tiểu tiết đó mãi về sau tôi mới đủ bình tâm quan sát. Ngay lúc này đây, toàn bộ giác quan của tôi đều bị chế ngự bởi thi thể nằm sóng soài trên ván sàn lạnh lẽo, đôi con người vô hồn ngó trừng trừng lên trần nhà bạc thếp phai màu. Nạn nhân khoảng 43, 44 tuổi, người tầm thước, vai rộng, tóc đen dày xoắn tít, cằm lún phún râu, ăn vận hết sức chỉnh tề: áo bành tô và ghi lê đều dệt từ vải

poplin thượng hạng, quần âu sáng màu, cổ áo và hai bên cổ tay sạch sẽ phẳng phiu, chiếc mũ chông chơ bên cạnh cũng bóng hời không vương chút bụi. Hai cánh tay người chết rã rời buông thõng, đôi bàn tay rúm ró còn chân cẳng cũng co quắp, cứng đờ - hẳn đã vật vã trong một trận cuồng phong sinh tử. Nét mặt anh ta hằn nguyên nỗi kinh hoàng cực độ, vừa hiểm ác vừa vụn vẹo thảm thương, cộng thêm ngũ quan thiếu hài hòa - trán thấp, mũi bè, xương hàm bạnh thô - hệt như loài linh trưởng đang trong cơn quần quại. Tôi từng chứng kiến không ít cảnh tang thương nhưng mức độ này đã vượt ngưỡng chấp nhận của người thường, lại còn xảy ra giữa ngoại thành London tấp nập.

Thanh tra chuột chù Lestrade vừa thấy chúng tôi đã vội tay bắt mặt mừng.

“Dư luận sẽ rùm beng lên hết cho xem,” anh ta nhận xét. “Vào ngành lâu nay, lần đầu tôi nhận một vụ oái ăm thế này, đúng là vô tiền khoáng hậu.”

“Không có tí manh mối nào sao?” Gregson dò hỏi.

“Chịu thôi.”

Sherlock Holmes tiến sát tới nạn nhân, quỳ sụp xuống, căng mắt xem xét từng li từng tí. “Trên người anh ta không có thương tích gì à?” cậu ta vừa hỏi vừa chỉ những vết máu bắn tung tóe.

“Không hề!” đôi bạn cảnh sát cùng đồng thanh.

“Chắc chắn có kẻ thứ hai ở hiện trường. Nếu tra ra mưu sát, hẳn chính là hung thủ. Anh còn nhớ vụ Van Jansen ở Utrecht năm 34 không Gregson?”

“À thì...”

“Về lục lại hồ sơ đi. Trời đất bao la, làm gì có chuyện vô tiền khoáng hậu.”

Vừa nói, Sherlock Holmes vừa huơ ngang dọc đôi tay gầy mảnh, hết sức sạo chỗ này lại dò xét chỗ kia nhưng đôi con ngươi vẫn thủy chung một ánh nhìn xa vắng. Khám nghiệm hoàn tất chỉ trong vài phút ngắn ngủi, chóng vánh đến đáng

ngờ. Bước cuối cùng, cậu ấy thận trọng ngửi môi người chết rồi ngó chòng chọc để giày anh ta.

“Thi thể không bị dịch chuyển đây chứ?”

“Không hề.”

“Đưa về nhà xác đi,” bạn tôi kết luận.

Gregson lập tức điều bốn cấp dưới khuôn cáng tới. Cả đội vừa hí hục nâng lên, một chiếc nhẫn rơi ‘keng’ xuống sàn, lẩn lờng lỏc. Lestrade nhào tới chộp ngay.

“Kẻ thứ hai anh vừa nói là phụ nữ,” anh ta hét toáng. “Là nhẫn cưới của nữ giới.”

Viên thanh tra đặt chiếc nhẫn trong lòng bàn tay, cả đám bọn tôi tụ lại ngó chăm chăm. Đúng thật, vòng tròn vàng kim này từng tô điểm cho ngón áp út của một cô dâu.

“Căng rồi đây,” Gregson than vãn.

“Nhìn tới tới cũng vô dụng thôi,” Holmes nhắc nhở. “Nạn nhân còn tư trang gì khác không?”

“Để tôi xem: đồng hồ quả quýt mạ vàng hãng Barraud khắc số hiệu 97163; dây đeo vàng ròng của hãng Albert, nặng phết đấy; nhẫn vàng khắc biểu tượng hội Tam điểm; ghim cài áo trở hình đầu chó cũng bằng vàng nốt, hai con mắt đính cả hồng ngọc cơ. Còn nữa, một hộp danh thiếp bọc da của Nga, bên trong đề tên Enoch J. Drebbel, ngụ tại thành phố Cleveland. Khăn tay thêu tắt E. J. D. Bảy bảng Anh nhưng không có ví. Tiểu thuyết ‘Mười ngày’ của Giovanni Boccaccio khô bỏ túi đề tặng Joseph Stangerson. Hai phong thư, một cho E. J. Drebbel, bức kia gửi tới Joseph Stangerson.”

“Địa chỉ người nhận?”

“Sở Chứng khoán Mỹ, phố Strand. Gửi từ hãng tàu Guion, thông báo ngày giờ khởi hành đến Liverpool. Chắc nạn nhân chuẩn bị về lại New York.”

“Liên lạc được với người tên Stangerson chưa?”

“Tôi đã cho đăng tin khắp các báo, cử cả cấp dưới tới Sở Chứng khoán dò la nhưng chưa thấy cậu ta về.”

“Còn bên Cleveland?”

“Vừa đánh điện sáng nay.”

“Anh viết gì trong đó?”

“Kể sơ bộ tình hình. Tôi cũng yêu cầu bên kia hợp tác, phát hiện gì mới họ sẽ báo ngay.”

“Không hỏi thông tin mấu chốt à?”

“Thì tung tích ông Stangerson đấy thôi.”

“Bấy nhiêu sao đủ? Đánh thêm bức nữa đi.”

“Điều gì cần thiết tôi đã liệt kê hết rồi,” Gregson hậm hực vì bị khinh bỉ.

Sherlock Holmes nhếch môi cười gằn, vừa định thuyết giảng một trận thì thanh tra Lestrade nãy giờ lặn mất tăm thình lình cất tiếng, biểu tình thập phần huênh hoang.

“Gregson quý hóa của tôi ơi, xem bạn anh tìm được gì này! May là tôi tỉ mỉ sẫm soi từng góc ngách. Hời hợt như anh bỏ sót là phải rồi.”

Mắt anh ta sáng trưng. Dẫn trước đồng đội một bàn mà vui hơn thắng cược. Viên thanh tra nhanh nhẩu quệt diêm dí sát tường, cất giọng đắc chí.

“Mọi người thấy chưa?”

Nói mới thấy, khuất trong góc phòng có một mảng tường bong tróc lộ hẳn vôi vữa ố vàng, bên trên nguệch ngoạc những con chữ viết bằng máu thẫm:

Rache

“Sao nào?” giọng anh ta huênh hoang như đang trong phiên đấu giá. “Góc này tối nhất phòng, mọi người bỏ qua là phải. Chắc cũng là máu của hung thủ, có thể loại trừ khả năng tự sát. Nhưng vì sao hắn lại chọn chỗ này? Nghe cho kỹ đây! Các anh có thấy chân nền kia không? Lúc án mạng xảy ra, nền đang cháy, góc này nghiêm nhiên sáng nhất phòng chứ không tối thui tối thích như bây giờ.”

“Tóm lại là sao?” Gregson mất kiên nhẫn.

“Còn sao nữa? Kẻ sát nhân định viết tên *Rachel* nhưng nửa chừng bị ngắt ngang. Các anh cứ chống mắt lên xem, thể nào trong số nghi can cũng có một cô tên Rachel. Nhất là anh đấy Holmes, cứ ở đấy mà giễu cợt.”

“Xin lỗi nhé,” Holmes cố nhin cười. “Thanh tra Lestrade đây đã xuất sắc chứng minh có kẻ thứ hai ở hiện trường. Xin phép ngài cho kẻ bắt tài này khám nghiệm thêm bận nữa.”

Không đợi trả lời, Sherlock Holmes đã nhanh nhẹn lôi ra cuộn thước dây và một chiếc kính lúp khổ lớn, thoăn thoắt rà soát khắp phòng. Thỉnh thoảng cậu ta còn quỳ sụp xuống rồi trườn dài sát mép sàn, mãi mê đến độ hoàn toàn lơ lửng sự hiện diện của chúng tôi, tha hồ chìm đắm trong vương quốc của riêng mình: tự hào cảm thán, tự rên rỉ lầm bầm, tự huýt sáo huênh hoang rồi ngông nghênh đắc ý. Tôi không nhin được mà liên tưởng ngay đến loài chó săn thuần chủng đang trừng mắt dựng tai lần theo dấu tích con mồi.

Tầm hai mươi phút sau, Holmes chuyển sang đo đạc khoảng cách giữa những vật chứng vô hình mà tôi không tài nào nhìn thấu. Cậu ta còn tỉ mẩn nhặt nhạnh một nhúm bụi tro vương vãi trên sàn, không quên cầm kính lúp sẫm soi từng

con chữ rướm máu. Xong việc, cậu ấy thở hắt một hơi thỏa mãn, thông thả cất lại đao cụ vào túi quần.

“Có người từng nói vĩ nhân chỉ hơn phàm nhân ở sức chịu đựng phi thường,” Holmes cười nhàn nhả. “Với ai tôi không biết nhưng vận vào nghề thám tử, một chữ cũng không sai.”

Bộ đôi thanh tra nhà nước Gregson và Lestrade này giờ ngó cậu bạn nghiệp dư của tôi chăm chăm, biểu tình lộ rõ tò mò xen lẫn mỉa mai. Nhất cử nhất động của Holmes đều chuẩn xác, gãy gọn và có mục đích, vậy mà cặp người trần mắt thịt đó lại tỏ ý xem thường.

“Sao rồi anh bạn?” cả hai đồng thanh hỏi.

“Nghiệp vụ của hai ngài đây quả là kiệt xuất, tôi có tài cán mấy cũng không dám chen ngang,” giọng Holmes sắc mùi châm biếm. “Có phát hiện gì mới, phiền hai ngài báo một tiếng giùm. Nhân tiện, tôi muốn gặp người đầu tiên phát hiện ra thi thể. Anh biết cậu ta ở đâu không?”

Lestrade lật tìm trong sổ tay. “Xem nào, là John Rance. Hôm nay không có ca trực. Nhà số 46 đường Audley, gần công viên Kennington.”

Sherlock Holmes nhanh tay ghi chép.

“Đi thôi Bác sĩ. À khoan, có chút quà nhỏ tặng hai vị đây: Vụ này trăm phần trăm là mưu sát, kẻ thủ ác là đàn ông, cao hơn mét tám, không quá năm mươi tuổi. Cỡ chân khá nhỏ, ăn vận tuềnh toàng, đi ủng mũi vuông, hút xì gà Trichinopoly. Hắn và nạn nhân cùng ngồi xe kéo tới đây, ba trong số bốn móng ngựa đã cùn, mỗi vó phải chi trước vừa được thay mới. Mặt tên này đỏ kè, móng tay phải dài ngoằng. Tiểu tiết cả thôi, mong là giúp được các sếp.”

Lestrade và Gregson ngờ vực nhìn nhau.

“Vậy thủ pháp gây án là gì?”

“Đầu độc,” Holmes đáp gọn. “Mà Lestrade này, ‘Rache’ trong tiếng Đức nghĩa là ‘báo oán’. Quên cô Rachel đó đi, công cốc thôi.”

Nã xong phát chí mạng, Sherlock Holmes uốn ngực rời đi, bỏ lại hai ngài thanh tra đang há hốc mồm nhìn nhau kinh hoàng.

CHƯƠNG IV. Lời khai của John Rance

Lúc chúng tôi rời khỏi hiện trường đã là một giờ chiều. Holmes tạt vào bu rục gần đây đánh một bức điện rõ dài. Xong việc cậu ta nhanh nhẹn ngoắc xe, thẳng tiến đến địa chỉ thanh tra Lestrade vừa cung cấp.

“Bằng chứng là chính yếu nhưng lời khai của nhân chứng cũng quan trọng không kém.”

“Suy luận ban nãy của cậu có chủ quan quá không?”

“Sai một câu tôi đi bằng đầu,” Holmes trả lời đánh thép. “Thứ đầu tiên đập vào mắt tôi là hai rãnh bánh xe sâu hoắm do ghi cương ngựa. Cả tuần nay trời tạnh khô, mỗi tối qua mưa tầm tã, những vết lún đó chắc chắn mới lưu lại trong đêm. Trên đất còn hằn vó ngựa, một dấu rõ hơn hẳn ba vết kia, chắc vừa thay móng mới. Chiếc xe tới hiện trường lúc nửa đêm, giờ lại mất dạng, nạn nhân chết rồi, chắc chắn có người thứ hai đến cùng anh ta. Chính hắn đã đánh xe đi.”

“Cậu nói tôi mới đề ý. Còn chiều cao của hung thủ?”

“Đo sải chân là biết. Dấu giày nạn nhân đầy trên lối ra và sàn nhà, tính nhẩm chưa đến nửa giây. Lại thêm mấy chữ trên tường, thường khi đứng viết tay sẽ hạ ngang tầm mắt. Chữ *Rache* đó cách mặt đất chừng mét tám, cộng thêm khoảng trán là ra thôi. Dễ hơn ăn kẹo.”

“Thế chuyện hắn ta chưa đến năm mươi?”

“Ngoài vườn còn đọng một vũng nước mưa rộng tầm mét rưỡi. Dấu giày da cho

thấy nạn nhân đã cẩn trọng đi vòng còn hung thủ mang ủng mũi vuông lại phóng ào qua. Nhanh nhẹn phết, năm mươi đồ lại là cùng. Điều nhờ mớ lý thuyết sáng nay anh chê ‘viên vông’ đấy. Còn lần cần gì không?”

“Móng tay dài và xì gà Trichinopoly?”

“Chữ trên tường do hung thủ nhúng ngón trỏ vào máu rồi khắc lên, giấy dán xung quanh bị cào xước nhẹ, rõ mồn một trong kính lúp. Tàn thuốc Trichinopoly lẫn trong đám bụi bám trên sàn. Tôi vốn hứng thú với cả thuốc lá và thuốc tẩu, lúc trước còn soạn hẳn một quyển khảo cứu. Giờ chỉ cần liếc một phát là phân biệt được ngay. Thế mới nói cách biệt giữa thám tử thực thụ và bọn thanh tra vườn như Gregson và Lestrade là một trời một vực.”

“Còn vụ mặt mày đỏ kè?” tôi hỏi đến cùng.

“Cái đó hơi liều thật nhưng tôi dám lấy danh dự ra cam đoan, đúng trăm phần trăm.”

“Đầu tôi quay mòng mòng rồi đây này. Càng nghĩ càng rối. Ban đêm ban hôm hai người đàn ông kéo tới nhà hoang làm gì? Nhỡ họ thuê xe, thêm ông phu nữa chẳng nhẽ có đến ba người? Hung thủ dùng mảnh khoe nào để ép nạn nhân uống thuốc độc? Chỗ máu đó từ đâu ra? Không phải cướp giật vậy động cơ gây án là gì? Còn chiếc nhẫn kia? Rồi chữ *Rache* nữa chứ, sao lại dùng tiếng Đức? Tôi nghĩ nát óc vẫn không ra.”

Sherlock Holmes gật gù.

“Khá khen ông anh, xoáy toàn chỗ hiểm. Còn vài thứ phải dò la thêm nhưng cơ bản tôi đã nắm hết rồi. Chữ *a* trên tường đúng y mẫu Đức nhưng người Đức chính cống luôn viết theo kiểu Latin. Rõ ràng hắn muốn đánh lạc hướng điều tra. Đáng tiếc trò trẻ con này chỉ lừa được Gregson gà mờ. Tới đây thôi, phù thủy mà huych toẹt hết thì còn gì thần bí? Biết rõ ngọn ngành, anh chẳng thèm sùng bái tôi nữa cho xem.”

“Đời nào có chuyện đó,” tôi nói như tuyên thệ. “Cậu đã đưa suy luận thuần túy lên ngưỡng khoa học thực thụ. Khắp thế giới chưa ai đạt đến đẳng cấp này.”

Holmes cư nhiên lại đỏ mặt! Cậu ta khoái trá vô cùng trước màn tôn vinh thành khẩn của tôi. Tôi để ý mấy lần rồi, cậu bạn này nhạy cảm cực kỳ với những lời tăng bốc, hết mấy cô nương chăm chăm tô son trát phấn chờ được tán dương.

“VẬY còn được, một điều nữa thôi đây. Người đi giày da và kẻ mang ủng mũi vuông cùng đánh xe đến khu Lauriston Gardens rồi cuốc bộ vào căn hộ số 3, áng chừng thân cận lắm. Rồi họ đi lui đi tới khắp phòng. Chính xác là người mang giày da đứng yên một chỗ, chỉ có kẻ mang ủng đi tới đi lui. Sau đó hẳn đột ngột kích động, hò hét không ngừng. Rồi thảm kịch ập tới. Tôi biết đến thế thôi. Nhanh nhanh kéo lại nhớ buổi hòa nhạc chiều nay của Norman Neruda.”

Xe phóng băng băng qua những con hẻm ngập ngựa và nhóp nhóp. “Tới đường Audrey rồi,” anh phu thỉnh linh ra hiệu. Hóa ra đích đến còn tồi tàn hơn quãng đường ban nãy, vừa ọp ẹp lại cũ rích, tối tăm. “Tôi chờ hai ngài ngoài này nhé.”

Lối đi nhỏ hẹp dẫn bọn tôi đến khoảng sân vuông vức lát đá tảng thô. Nhà cửa xung quanh căn nào cũng đìu hiu, xập xệ. Tôi và Holmes chật vật len qua đám trẻ con nhem nhuốc cùng mấy dây quần áo phấp phới bay, lần mò mãi mới tìm được căn hộ số 46. Tấm biển đồng thau cũ mèm treo lủng lẳng trên cửa vẫn chưa mờ tên chủ hộ: Rance. Viên tuần cảnh còn đang ngủ, chúng tôi đành sang phòng khách ngồi chờ.

Nhân chứng uể oải bước ra, mặt mũi hầm hầm vì bị đánh thức. “Tôi trình báo hết rồi mà.”

Holmes lấy ra một đồng tiền, khoa trương nhắc lên đặt xuống. “Bọn tôi muốn nghe chính miệng cậu nói.”

“Tất nhiên rồi, được ngài đây quan tâm là vinh hạnh của tôi,” cậu chàng lập tức đổi thái độ, mắt nhìn chòng chọc đồng vàng.

“Cứ kể hết những gì cậu thấy.”

Rance ngồi sụp xuống sofa, mặt mày quả quyết như muốn dốc sạch gan ruột.

“Tôi trực ca mười giờ đêm đến sáu giờ sáng. Tầm mười một giờ có trận ẩu đả ở quán Hươu Trắng, còn lại chẳng có gì khả nghi. Khoảng một giờ sáng trời bắt đầu mưa, ngó thấy Harry Murcher trực khu Holland Grove, tôi rủ cậu ta tấp vào góc đường Henrietta tán dóc. Chừng một tiếng sau, tôi lại lôm côm xuống đường Brixton. Khu gì vừa bần vừa vắng ngắt, quanh đi quẩn lại chỉ có vài ba chiếc xe ngựa băng qua. Đang cơn thèm rượi, tự dưng tôi thấy có ánh đèn hắt ra. Tôi là thổ địa khu này. Tôi biết chắc hiện giờ căn đó không có người ở, ông chủ vừa mới chết do sốt thương hàn. Chắc chắn có điều khuất tất, tôi chạy ào đến xem thì...”

“Sao nửa đường cậu khựng lại rồi trở ngược ra vườn?” Holmes mắt kiên nhẫn ngắt ngang.

Rance chột dạ nhảy dựng, tròn mắt nhìn lom lom người đang thẩm vấn mình.

“Sao ngài biết? Ờ thì tôi đã tới trước cửa nhưng chung quanh im ắng quá, cứ thấy rờn rợn kiêu gì. Lỡ cái ông nhiễm thương hàn đó hiện hồn về thì sao! Tôi hoảng quá, phóng ra vườn định tìm Murcher nhưng không thấy ai hết.”

“Không ai hết?”

“Chó cũng chả có một con. Tôi ráng hoàn hồn rồi trở ngược vào. Đẩy cửa thì thấy không khóa. Tôi lần theo ánh đèn vào tận phòng trong. Ra là nền sập đỏ chứ không phải đốt đèn, nương theo ánh sáng tôi thấy...”

“Tôi biết cậu thấy những gì. Cậu đi lòng vòng rồi quỳ xuống cạnh xác nạn nhân. Cậu còn thử mở cửa phòng bếp, sau đó...”

Lần này tới lượt Rance ngắt ngang, đôi con ngươi ngập tràn ngỡ vực. “Ông tròn trong xó nào mà thấy hết vậy? Ông đã ở đó đúng không?”

Holmes cười khẩy, ném bộp danh thiếp về phía đối phương. “Tôi là chó săn, không phải sói đói. Không tin cứ đến hỏi thanh tra Gregson hoặc Lestrade. Rồi sao nữa?”

Rance bần thần ngồi xuống, mặt mũi chưa hết hoang mang. “Tôi vừa ra cổng liền lập tức thôi còi, Murcher và hai đồng nghiệp nữa lục tục chạy tới.”

“Ngoài các cậu ra, vẫn không có ai lai vãng trên đường à?”

“Vâng. Tính ra là có, nhưng cũng vô dụng thôi.”

“Là sao?”

Viên cảnh sát nhe răng cười hềnh hếch. “Sống ở đây lâu nay, còn dạng say xin nào tôi chưa gặp? Nhưng gã đó phải nói là quắc cần câu. Lúc tôi tới cổng vừa hay hắn xoẹt ngang, đứng còn không vững, cứ trượt tới trượt lui trên hàng rào, không ngừng gào thét mấy câu khẩu hiệu gì đó muốn điếc óc. Cái thân hắn còn lo chưa xong, giúp gì nổi bọn tôi.”

“Tặng người hấn thế nào?”

Cảnh sát John Rance liên tục bị ngắt lời, tức muốn nổi xung thiên. “Thì cái dạng say xin quắc cần câu chứ còn thế nào? Không vương vụ này, tôi đã gô cổ hắn về đồn.”

“Còn mặt mày? Quần áo?” Holmes gắt lại.

“Cũng cao phết, mặt mũi đỏ lừ, người ngợm...”

“Đủ rồi. Sau đó hắn thế nào?”

“Đang cấp bách, ai rảnh mà trông chừng hắn? Lớn xác rồi, chẳng nhẽ không tự mò được đường về?”

“Nói vào trọng tâm đi. Quần áo thì sao?”

“Bánh tô, màu nâu.”

“Có cầm roi da chứ?”

“Không có!”

“Chắc để quên đâu rồi,” bạn tôi lầm bầm. “Quanh đó có xe nào đang đỗ không?”

“Không hề.”

“Tiền công đây,” Holmes thong thả đứng lên, tay mân mê chiếc mũ. “Vận cậu rủi thật đấy, xem chút đã được thăng hàm. Gã say xỉn kia chính là hung thủ. Giờ có biết cũng muộn rồi. Đi thôi, Bác sĩ.”

Hai chúng tôi quay lại chỗ đỗ xe, bỏ mặc nhân chứng đứng chết trân.

“Ngốc không chịu được, mỡ dăng tới miệng mà còn chê.”

“Đau đầu quá. Tên bọm nhậu đó hoàn toàn trùng khớp với mô tả của cậu. Nhưng sao hắn dám quay lại hiện trường? Nếu là hung thủ, gây án xong phải lo thoát thân ngay chứ?”

“Là chiếc nhẫn. Hắn muốn nhặt lại chiếc nhẫn cưới. Bí quá tôi sẽ dùng nó làm mồi nhử. Anh cứ chờ đi, Sherlock Holmes này mà giăng lưới, hắn có chạy đằng trời. Cảm ơn nhé! Anh không thúc chưa chắc tôi nhận vụ này, rồi lại tiếc nuôi cho xem. Gọi là gì cho thi vị nhỉ? ‘Huyết Thảm’ được không? Cái màu đỏ đọc sẫm quánh kia chính là sợi chỉ giết chóc lẫn vào cuộn len đời vốn không nhuộm sắc màu. Ta sẽ nắm nó thật chặt, lần từng gút nối rồi giật bung nó ra, soi tường tận từng mẩu tơ một. Giờ thì ăn trưa rồi đi xem Norman Neruda diễn tấu đã. Ngón đàn của cô ta mượt lắm, chơi bài Tra-la-la-lira-lira-lay của Chopin nghe mát cả tai.”

Sherlock Holmes nhàn nhã tựa lưng vào thành xe, ngân nga khúc ca yêu thích. Còn tôi vẫn miên man bất định, không tài nào dứt khỏi vòng luẩn quẩn của thế thái nhân tình.

CHƯƠNG V. Khách không mời

Suốt cả buổi chạy đôn chạy đáo, tôi mệt mỏi đến kiệt sức. Mặc cho Holmes hớn hở đi xem hòa nhạc, tôi nằm phịch xuống sofa định đánh một giấc thẳng đến tối nhưng không tài nào chợp mắt nổi, cứ lảo lộn, trằn trọc suốt. Đầu óc là một mảnh hỗn độn rối ren, nửa phấn khích, nửa nghi kỵ, hồ đồ. Tôi vừa chực mơ màng thì nét mặt rúm rỏ kinh hoàng của nạn nhân thỉnh thoảng hiện ra, giật hết cả mình! Có lẽ cả đời này tôi cũng không quên được biểu cảm dữ tợn ngập sâu trong hoảng loạn của nạn nhân tên Enoch J. Drebber đó. Công lý nhất định phải được thực thi. Hung thủ nhất định phải bị luật pháp trừng trị thích đáng.

Mà càng nghĩ tôi càng hoang mang. Thực sự là đầu độc à? Holmes từng gửi môi người chết, chắc đã phát hiện manh mối đắt giá rồi, lại thêm anh ta không hề bị hành hung hay siết cổ. Nhưng nói đi cũng phải nghĩ lại, vậy chỗ máu ngập ngựa đó từ đâu ra? Hiện trường không có dấu hiệu xô xát, nạn nhân cũng không mang theo vũ khí gì. Cứ dùng đẳng kiêu này, khéo mấy ngày sắp tới cả tôi và Holmes đều vô phương ngon giấc. Nhưng bộ dạng cậu ta đặc ý thế kia, hẳn đã khám phá ra chân tướng cuối cùng - cái chân tướng mà đầu óc tầm thường như tôi không tài nào thông suốt được.

Tối mịt Holmes mới trở về. Nhạc hội gì mà kéo dài tận nửa đêm khuya khoắt? Thức ăn trên bàn đã nguội ngắt từ lâu.

“Mãn nhĩ vô cùng,” Holmes tươi tỉnh ngồi vào bàn. “Darwin từng chứng minh thủy tổ loài người biết sáng tạo và thưởng thức âm nhạc trước cả khi biết nói. Chẳng thế mà bậc hậu bối chúng ta say mê nó như lẽ đương nhiên, chắc trong sơ đồ di truyền vẫn còn tàn tích của thời ăn lông ở lỗ.”

“Vĩ đại ghê,” tôi khen lấy lệ.

“Con người cũng phải vĩ đại như Tự nhiên mới mong hiểu được hết thế giới Tự nhiên. Sao vậy? Chẳng giống anh chút nào. Lại nghĩ tới vụ án sao?”

“Ừ,” tôi thành thật khai báo. “Cứ tưởng mấy năm lăn lộn ở Afghanistan, thần kinh phải sắt thép lắm rồi. Hồi giáp lá cà ở Maiwand, đồng đội nổ tan tành như thịt vụn tôi cũng không chớp mắt, giờ lại...”

“Tôi hiểu. Vụ này còn bỏ ngỏ nên anh mới tưởng tượng thế nọ thế kia. Một khi sáng tỏ rồi, chẳng còn gì ghê rợn nữa. Đã đọc tin tối chưa?”

“Vẫn chưa.”

“Thuật lại vụ án khá chi tiết nhưng không hề nhắc tới chiếc nhẫn, vừa đúng ý tôi.”

“Tại sao?”

“Đọc thì biết. Rời khỏi hiện trường là tôi gửi đăng ngay.”

Cậu ta chuẩn xác ném bộp cho tôi tờ báo. Tin nhắn của Holmes chêm chệ ngay đầu mục ‘Nhật được của roi’: “Tìm thấy một chiếc nhẫn cưới bằng vàng trên đường Brixton sáng nay, đoạn từ quán Hươu Trắng đến góc đường Holland Grove. Vui lòng liên hệ bác sĩ Watson từ tám đến chín giờ tối nay tại số 221B phố Baker để nhận lại.”

“Thông cảm nhé,” Holmes giải thích. “Dùng tên tôi kiểu gì cũng đánh động đám người ở Scotland Yard, phiền lắm.”

“Có gì đâu. Nhưng bên cảnh sát đã tịch thu chiếc nhẫn, lỡ người ta tới thật thì sao?”

“Thì đưa ra chiếc này,” xem chừng Holmes đã dự trù mọi phương án. “Nhái y hệt.”

“Thế ai sẽ đền chuộc nó?”

“Còn ai vào đây nữa? Gã đi ủng mũi vuông, mặc áo bành tô nâu sẫm, mặt mũi đỏ kè như say rượu. Cũng không loại trừ khả năng gã sai đồng phạm tới.”

“Không sợ đứt dây động rừng sao?”

“Nếu tôi không nhầm thì hang cộp hắc cũng dám vào. Lúc hắc chồm lên người nạn nhân, chiếc nhẫn đã rơi ra nhưng vội quá nên không phát hiện. Chuồn khỏi nhà một đoạn hắc mới sực nhớ, quỳnh quáng trở lại tìm. Rủi là đám John Rance đã phong tỏa hiện trường, hắc bèn đóng giả bộm nhậu để thoát thân, cũng nhanh trí phết. Nếu anh là hắc, đang xoắn xuýt liệu có đánh rơi dọc đường không, anh sẽ làm gì đầu tiên? Tất nhiên là lục tung mấy trang tin tức. Ngó thấy lời nhắn của tôi, đảm bảo sập bẫy ngay. Thông cáo từ Sở Cảnh sát không hề đề cập đến chiếc nhẫn, tôi lại không nhắc nửa chữ tới khu Lauriston Gardens. Hắc cần gì phải sợ? Hắc sẽ đến. Phải đến. Đang trên đường đến. Tầm nửa tiếng là cùng.”

“Phải đối phó sao đây?”

“Cứ để tôi. Anh có gì phòng thân không?”

“Còn vài băng đạn.”

“Lên nòng đi anh bạn. Tay đó không còn gì để mất, liều cả mạng không chừng. Cần thận vẫn hơn.”

Tôi nhận lệnh chạy ào vào phòng chuẩn bị ứng chiến, trở ra liền thấy Holmes loay hoay với cây vĩ cầm.

“Thú vị rồi đây,” cậu bạn tôi hớn hờ. “Phía Cleveland vừa hồi âm. Suy luận của tôi trúng phóc.”

“Cậu nói rõ xem nào?” tôi giục.

“Lại phải thay dây đàn. Anh cất súng đi. Cứ tiếp đón hắc bình thường, còn lại để tôi lo. Tự nhiên vào, coi chừng hắc sinh nghi.”

“Tám giờ rồi đây,” tôi nhắc nhở.

“Tới ngay thôi. Hé cửa ra tí, đúng rồi. Cắm chìa khóa vào nữa. Tuyệt! Tôi vừa mua được quyển ‘De Jure inter Gentes - Luật pháp Quốc tế’ in năm 1642.”

“Nhà xuất bản nào thế?”

“Philippe de Croy. Bìa phụ có ghi ‘Bộ sưu tập của Guliolmi Whyte’, một luật gia nổi danh thời đó. Tới rồi.”

Holmes vừa dứt tiếng, chuông cửa liền réo vang. Cậu bạn tôi chồm dậy, đẩy ghế về phía đối diện cửa.

“Tôi tìm bác sĩ Watson,” chất giọng sang sảng nhưng khá chói tai. Lập tức có tiếng bước chân chạm cầu thang lộp cộp, nghe sao cũng thấy dè dặt, không một chút ngang tàn. Mặt Holmes lộ rõ sừng sốt. Hắn đến rất gần rồi.

Cộc cộc.

“Mời vào,” tôi cố bình tâm.

Hoàn toàn không phải gã đàn ông cục súc mà bọn tôi trông ngóng, vị khách không mời này là một bà lão lợm khộm, da dẻ nhăn nheo. Dường như bị ánh sáng trong phòng dọa sợ, bà cụ lão đảo cúi chào, không ngừng hấp háy đôi mắt mờ đục nhuốm đầy ghen, những ngón tay run lẩy bẩy chậm chạp lặn mò trong túi áo. Cậu bạn tôi như ngáp phải ruồi, biểu tình không giấu nổi thất vọng.

Cụ bà chìa ra tờ tin đã lật sẵn trang thông báo. “Chiếc nhẫn cưới bằng vàng hai cậu nhặt được trên đường Brixton là của con gái lão. Con bé tên Sally, mới lấy chồng được một năm. Con rể lão là thủy thủ, giờ vẫn đang theo tàu. Nhưng nó sắp về rồi. Đi biên biệt quanh năm, lúc về lại thấy vợ mình không đeo nhẫn cưới, nó sẽ nghĩ thế nào đây? Bình thường ai cũng khen thằng nhỏ tốt tính, nhưng rượu vào lại bậm trợn không ai bằng. Thật ra tối qua con bé đi xem xiếc với...”

“Bà xem có phải chiếc nhẫn này không?” tôi điềm tĩnh ngắt lời.

“Chúa phù hộ con gái lão! Đúng nó rồi, thưa cậu.”

“Bà đang sống ở đâu ạ?” tôi chớp vội chiếc bút chì.

“Số 13, đường Duncan, khu Houndsditch. Xa lắm đấy.”

“Từ Brixton tới Houndsditch không hề có rạp xiếc nào,” Sherlock Holmes thẳng thừng lật tẩy.

Bà lão không hề biến sắc, quắc đôi mắt sung húp nhìn thẳng bạn tôi. “Cậu đây vừa hỏi địa chỉ nhà lão. Còn Sally đang thuê phòng trong khu Mayfield, quận Peckham.”

“Cụ tên gì ạ?”

“Gọi bác Sawyer được rồi. Sally từ khi theo chồng đổi sang họ Dennis. Thằng Tom chồng nó tháo vát lắm, nhưng chỉ trên biển thôi. Lên bờ thì đủ tật, nào gái gú nào rượu chè...”

“Của bác đây, bác Sawyer,” tôi ngậm nhận lệnh ngắt ngang.

Bà lão tuôn một tràng cảm tạ sáo rỗng rồi tươi tỉnh rời đi, không quên nhét kỹ chiếc nhẫn vào sâu trong túi. Cửa vừa đóng, Sherlock Holmes liền phi thẳng vào phòng, vài giây sau đã áo mũ chỉnh tề nhào ra. “Bà ta là đồng phạm, chắc sẽ tới chỗ hẹn báo cáo với hãn. Tôi phải đi một chuyến. Khoan ngủ đã, đợi tôi về.” Nói rồi cậu ta vụt chạy không còn tăm hơi. Tôi phóng như bay về phía cửa sổ thì thấy bà cụ đang bước lảo đảo bên kia đường, cậu bạn tôi kín đáo bám theo sau. “Lần này đúng hướng thật rồi,” tôi tự nhủ. Yên tâm đi anh bạn, cậu còn chưa về thuật lại tình hình, lòng dạ nào tôi lẩn ra ngủ chứ?

Lúc Holmes rời khỏi vừa hơn chín giờ, chẳng nói rõ sẽ đi bao lâu. Tôi ngồi lỳ xuống sô pha ngâm thuốc tẩu, thông thả lật cuốn ‘Vie de Bohème’ của Henri

Murger để giết thời gian. Đồng hồ điểm mười giờ, cô giúp việc lục đục kiểm tra cửa nẻo chuẩn bị đi ngủ. Mười một giờ, bác chủ nhà cũng chậm rãi về phòng nghỉ ngơi. Mãi đến mười hai giờ cậu bạn tôi mới lộ dạng nhưng xem chừng đại sự không mấy tron tru. Khuôn mặt kia vừa khôì hài vừa thống khổ, vắn vẹo một hồi lại sặc sụa phá lên cười.

“Chuyện này mà đồn ra ngoài, Gregson và Lestrade biết giấu mặt vào đâu,” Holmes ngồi phịch xuống ghế. “Cả tôi cũng đáng bị bêu riếu lắm.”

“Đã xảy ra chuyện gì?” tôi tò mò cực độ.

“May cho anh là tôi không giấu dốt. Bà lão đó đi được một quãng thì đau chân nên đã gọi xe kéo. Tôi định liều chen lên nghe lén địa chỉ, ai ngờ bà ấy hét rõ to ‘Số 13, đường Duncan, khu Houndsditch’. Giống hệt lời khai ban nãy nên tôi tin ngay. Ngó chắc bà cụ đã yên vị, tôi phóng nhào lên đuôi xe nắp kỹ. Đã theo ngành hình sự, buộc phải tinh thông mấy ngón nghề bám đuôi. Ngựa phi nước đại suốt dọc đường, tôi canh nhảy xuống ngay đầu ngõ. Chuyện gì tới cũng tới, mui xe bật lên, anh phu hồi hả mở cửa rồi đứng chết trân. Không có ai bước xuống. Tôi chạy tới thì khoang xe đã trống hoác, bác tài rửa xả mười tám đời kẻ quyet tiền. Tôi và anh ta lập tức đập cửa nhà số 13 hỏi cho ra nhẽ. Chủ nhà tên Keswick, chuyên nhận dán tường và đương nhiên không hề biết bà Sawyer hay cô Dennis nào hết.”

“Cái khi gì vậy,” tôi gào lên. “Trước có phu xe, sau có cậu rình, bà ta lại già nua, lợm khộm, tẩu thoát kiểu gì được chứ?”

“Già nua cái con khỉ!” Sherlock Holmes cũng gào. “Bị người ta xỏ mũi dắt đi, tôi mới là ông già lợm khộm! Tên đó hẳn còn khá trẻ, thân thủ không tồi, dân kịch nghệ cũng nên. Lốp hóa trang sống động như thật. Rõ ràng đã biết bị bám đuôi nhưng vẫn to gan dằn mặt tôi. Kẻ sát nhân không hề cô độc như tôi dự đoán, ngược lại có hẳn một đám sẵn sàng liều mạng vì hắn ta. Anh cũng mệt rồi, nghỉ sớm đi Bác sĩ.”

Mệt thì tính là gì, tôi sắp gục đến nơi luôn ấy. Tôi ậm ừ lết vào phòng, nhường lại bếp lò tí tách cho Holmes có dịp bình tâm. Thật lâu sau khi chìm vào giấc

ngủ, tôi vẫn còn nghe loáng thoáng tiếng vĩ cầm sâu muộn, náo nức. Holmes trắng đêm không ngủ, tự vùi mình vào mớ hỗn độn của vụ án học búa khôn lường.

CHƯƠNG VI. Gregson xung trận

Sáng hôm sau, tin tức về ‘Thảm án đường Brixton’ lan tràn khắp các mặt báo, vài tờ còn thêm thắt những tình tiết đầu đầu, tôi đây lẫn lộn cả buổi ở hiện trường mà còn không biết. Tôi chọn lọc rồi lưu lại hết những mẫu tin nóng để tiếp tục điều tra.

Tờ *Nhật Báo* nhấn mạnh: ‘Lịch sử ngành hình sự chưa từng chứng kiến thảm kịch nào rung động đến thế.’ Tác giả liệt kê một loạt trọng điểm: nạn nhân mang họ Đức, động cơ gây án chưa rõ, dòng chữ tuyệt mệnh bằng máu trên tường rồi kết luận nguyên nhân sâu xa là thanh trừng băng đảng. Người viết còn thuật lại nhiều minh chứng để củng cố thêm lập luận: tòa án trung cổ Vem Gericht, vụ đầu độc bằng Aqua Tofana đầu thế kỷ 17, đảng Cách mạng tự phát Carbonari ở Ý, các vụ giết người hàng loạt của nữ hầu tước người Pháp De Brinvilliers, án mạng trên đường cao tốc Ratcliff, cả Thuyết Tiến hóa của Darwin và Thuyết Dân số của Malthus. Cuối cùng, nhà báo quy hết trách nhiệm cho chính phủ, kiến nghị phải giám sát người nhập cư thật gắt gao.

Tờ *Ngon cò đầu* cũng xoáy sâu vào những bất ổn chính trị và sự suy thoái của bộ máy cầm quyền kèm một số thông tin về đời tư nạn nhân: mới sang Anh vài tuần, đi cùng trợ lý tên Joseph Stangerson, trọ tại nhà bà Charpentier ở quận Camberwell, vừa trả nhà tối ngày 3, định bắt tàu tốc hành đi Liverpool. Có nhân chứng trông thấy hai người họ ở ga Euston nhưng sau đó không ai biết gì thêm. Hiện trường cách nhà ga rất xa, cảnh sát cũng chưa liên lạc được với ông Stangerson. Cuối bài còn nhấn mạnh: ‘Đáng mừng là bộ đôi thanh tra tài trí của Scotland Yard - ngài Lestrade và ngài Gregson - sẽ trực tiếp chỉ đạo công tác điều tra, vụ án sẽ sớm ngày sáng tỏ.’

Tờ *Điểm tin sáng* cũng nêu luận điểm tương tự: ‘Chế độ chính trị cực đoan ở các nước lân cận đã gây nên làn sóng nhập cư ồ ạt vào Anh. Nhóm người này

vẫn còn ám ảnh với quá khứ đau thương ở quê nhà nên sống tách biệt với dân bản xứ, tự đặt ra luật ngầm, bất cứ ai vi phạm đều bị xử tử. Ưu tiên hàng đầu là tìm bằng được trợ lý Stangerson để đối chứng. Nói tiếp chuỗi chiến tích lẫy lừng, thanh tra Gregson đã xuất sắc tìm ra chỗ trọ của nạn nhân. Ngài là niềm tự hào của sở cảnh sát Scotland Yard.'

Tôi và Holmes vừa ăn sáng, vừa nhàn nhã đọc tin. Cậu bạn tôi không thêm che đậy vẻ trào phúng ngập tràn khinh bỉ.

“Tôi nói rồi, đám Lestrade và Gregson sẽ nặng tay trên hết. Trong vương quốc mù, thằng một mắt làm vua.”

“Chạy giặc à?” Tôi chưa kịp đáp đã nghe dưới cầu thang vọng lên tiếng bước chân dồn dập, chí ít cũng phải năm, bảy người.

“Tổ trọng án phố Baker, cộng sự đặc lực của tôi đây,” Holmes trình trọng giới thiệu. Vừa dứt tiếng, một bảy trẻ nít rách rưới lũ lượt kéo vào phòng.

“Nghiêm!” cậu bạn tôi hô lớn, sáu đứa nhỏ lập tức rón người xếp thành hàng thẳng tắp hết một dãy tượng đồng. “Sau này một mình Wiggins lên báo cáo thôi, mấy đứa cứ đứng dưới chờ. Tìm thấy chưa Wiggins?”

“Báo cáo sếp, chưa!” cậu nhỏ đồng dục.

“Không ngoài dự đoán. Tiếp tục tìm kỹ vào. Thù lao đây.” Holmes trả lũ nhóc những một hào.

“Điều tra cẩn thận đây. Ta không muốn nghe ‘chưa’ lần nữa đâu.”

Holmes phát tay ra hiệu, ‘Tổ trọng án’ liền ủa xuống phố, lú lú như chim sổ lồng.

“Chớ coi thường, bọn nhỏ còn hữu dụng hơn một tá thanh tra. Tâm lý chung ấy mà, thấy cảnh sát đến hỏi cung, ai cũng sợ phiền phức nên im như phỗng. Bầy

nhóc này thì khác, chỗ nào cũng vào tuốt luốt, chuyện trên trời dưới đất gì cũng nghe ngóng được.”

“Tụi nhỏ đang ‘điều tra’ vụ Brixton à?”

“Tôi cần chút manh mối, chuyện sớm muộn thôi. Ai như Gregson kia? Trên trán dán hẳn hai chữ ‘sung sướng’. Lại ba hoa gì nữa đây?”

Chuông cửa bị giật sắp đứt, ngài thanh tra phóng một bước ba bậc thang, đập cửa xông thẳng vào phòng.

“Chúc mừng tôi đi ông bạn!” anh ta chộp lấy tay Holmes lắc lia lịa. “Tôi, Tobias Gregson, đã phá được án!”

Cậu bạn tôi thoáng hoang mang.

“Có phát hiện mới sao?” Holmes hỏi.

“Hung thủ đã bị bắt!”

“Hắn tên gì?”

“Arthur Charpentier, Thiếu úy Hải quân Hoàng gia Anh,” Gregson cười không khép được mồm.

Sherlock Holmes thở một hơi nhẹ nhõm, khôi phục điệu bộ nhàn nhã thường ngày.

“Ngồi xuống kể đầu đuôi đã. Làm một điều không? Whiskey luôn nhé?”

“Gì cũng được. Mấy hôm nay mệt bỏ hơi tai, không có thời gian để thờ. Anh biết mà, bọn lính lác mới chạy việc tay chân, cỡ tôi và anh là phải dùng đầu óc, căng hết não chứ chả đùa.”

“Tôi làm sao so sánh với anh được,” Holmes cố tình nhấn giọng.

Viên thanh tra vênh mặt ngồi vào ghế, khoa trương rít xì gà rồi thỉnh thoảng ‘bóp’ một phát ra chiều tâm đắc lắm.

“Tên Lestrade ngu ngốc đó lúc nào cũng tự cho mình là số một, không thèm thương lượng với tôi đã kéo người đi bắt bố trợ lý Stangerson. Người ta có biết ắt gặp chi đâu!”

Bạn mình đi sai hướng mà anh ta sung sướng hơn bắt được vàng, ngựa cổ cưỡi ha hả rồi bị sặc khói thuốc, họ muốn rách cuống họng.

“Sao anh biết cậu Charpentier là hung thủ?”

“Là vậy. À, chuyện này tôi chưa kể với ai, nội bộ chúng ta biết thôi nhé bác sĩ Watson. Khâu đầu tiên là xác minh lý lịch nạn nhân. Tôi không như ai kia đăng ba cái tin vớ vẩn rồi rung đùi chờ cá cắn câu. Nhớ cái mũ cạnh xác chết không?”

“Mua ở cửa hàng John Underwood trên phố Camberwell.”

Gregson chột dạ. “Anh cũng biết à? Đã đến đó chưa?”

“Vẫn chưa.”

“Ừay,” anh ta thở phào rồi cao giọng dạy đời. “Manh mối nhỏ đến mấy cũng không thể coi thường.”

“Đương nhiên, chí lớn không chê nghiệp nhỏ,” Holmes bật lại ngay.

“E hèm, tôi xuống tận cửa hàng điều tra. Họ lưu thông tin người mua chi tiết lắm, vài giây là có ngay chỗ trọ của nạn nhân.”

“Xuất sắc!” Sherlock Holmes tặc lưỡi.

“Tôi chạy ào sang đây. Bà chủ Charpentier mặt mày tái mét, cô con gái cũng như người mất hồn. Tôi mới mào đầu ‘Ông Drebber người Mỹ có trọ ở đây không? Ông ta vừa bị giết’ là cô ta run như cây sậy. Kinh nghiệm bao năm nay, tôi biết ngay có chuyện. Gọi là gì quên mất rồi? À, linh cảm! Càng tới gần chân tướng, thần kinh tôi cứ giật bần bật như dây đàn! Tôi hỏi tiếp ông Drebber trả nhà lúc mấy giờ thì bà chủ lấp bắp khoảng tám giờ. Trợ lý Stangerson bảo bọn họ bắt chuyến tàu chín giờ mười lăm rồi lên tiếp chuyến mười một giờ. Tôi gần giọng ‘Đó là lần cuối bà nhìn thấy họ đúng không?’ thì mặt bà ta xám ngoét, ậm ừ mãi mới lấp bắp đáp ‘Phải’ rồi im bật. Vài phút sau cô con gái mới chịu khai.

“‘Mình nói thật đi mẹ, giấy làm sao gói được lửa? Thưa ngài, ông Drebber có quay lại đây.’

“‘Con ơi là con,’ bà Charpentier hét toáng. ‘Mày giết anh mày rồi!’

“‘Anh Arthur không làm gì sai hết.’

“‘Hai người mau khai thật đi, đừng tưởng cảnh sát chúng tôi không biết gì!’

“‘Con với cái!’ bà mẹ lại chì chiết cô con gái, tên Alice thì phải, đoạn rầu rĩ quay sang tôi. ‘Ngài đừng hiểu lầm, không phải mẹ con tôi có tật giết mình đâu. Thằng Arthur vô tội! Tôi chỉ sợ các ông chưa xem xét rõ mà đổ oan cho nó. Con tôi từ nhỏ đến lớn là đứa ngay thẳng, nghề nghiệp đàng hoàng, ngàn vạn lần không phải quân giết người.’

“‘Vô tội hay không phải điều tra mới biết.’

“‘Con về phòng đi Alice. Thưa ngài, tôi xin thề không dám thêm bớt nửa lời. Hai cậu ấy trọ chỗ tôi gần ba tuần. Chắc đi công cán một vòng châu Âu, trên hành lý vẫn còn tem nhập cảnh vào Copenhagen, Đan Mạch. Cậu Stangerson rất đứng đắn, còn cậu Drebber... Tôi không muốn nói xấu người chết nhưng thằng đó là quân mất dạy. Vừa mới tới đã say xỉn sáng đêm, giữa ban ngày ban mặt lại đi khắp nơi ve vãn mấy đứa hầu. Khốn nạn nhất là dám chọc ghẹo con Alice nhà tôi. Có lần còn vỗ con nhỏ định giờ trò đùa bại, may là cậu Stangerson bắt quả tang rồi chửi cho một trận, đáng đời.’

“Sao bà không đuổi cô hân?”

“Tôi mà biết nó dễ tiện đến thế, dễ gì tự rước sói vào nhà. Có điều mùa này đang ế, thằng đó chưa vào thuê đã trả tiền cái rúp. Tôi... là tôi tham quá nên mờ mắt. Cậu cũng thấy rồi, nhà này mẹ góa con cô, thằng Arthur còn đang tại ngũ, trăm thứ phải lo nên tôi mắt nhắm mắt mở cho xong. Ai ngờ nó dám giở trò với con Alice. Tôi đuổi thằng cô! Chứ không phải nó tự trả phòng đâu.”

“Thế cơ à?”

“Tôi đâu dám kể cho thằng Arthur, nó nóng nảy lắm, lại cứng em như trứng mỏng. Cứ tưởng đuổi cô là xong, ai dè chưa đầy một tiếng thằng khốn kia lại lù lù đập cửa, người ngợm nồng nặc mùi rượu, bảo nhớ tàu gì đấy. Nó xông tới trước mặt con Alice lè nhè: ‘Cô em đến tuổi rồi, theo anh đi, kệ xác con mụ già này. Anh sẽ cung phụng cung như bà hoàng, tiền bạc muốn xài bao nhiêu thì xài, anh bao hết!’ Con nhỏ sợ xanh mặt, định bỏ chạy thì bị thằng ôn dịch đó túm cổ tay, xô thẳng vô cửa. Tôi hoảng quá gào lên kêu cứu, vừa lúc thằng Arthur về. Nó lao vào đánh thằng quý kia túi bụi, la hét om sòm hết. Tôi sợ quá ngồi thụp xuống không dám nhìn. Rồi tự nhiên im bật, tôi hết hồn ngược lên thì thằng Arthur đang cầm cây gậy làm bầm: ‘Dám chạy hả? Coi mày còn dám bén mảng tới đây nữa không? Để con đi xem thế nào. Mẹ ngủ trước đi.’ Rồi hôm sau tôi nghe tin thằng khốn nạn đó bị người ta giết chết.”

“Bà ta nói câu được câu mất, nặng xì hết cả lên, tóc ký muốn bỏ hơi tai.”

“Thú vị thật,” Holmes khen lấy lệ, uể oải ngáp một hơi. “Rồi sao nữa?”

“Tôi hỏi đêm đó mấy giờ Arthur trở về thì bà ta kêu không biết. Dám giỡn mặt Gregson này! Kinh nghiệm thâm vắn bao nhiêu năm nay, tôi vắn lại ngay.”

“Không biết là thế nào?”

“Nó có chìa khóa cửa sau, chắc vào lối đó.”

“Nghĩa là lúc bà còn thức cậu ta vẫn chưa về?”

“Vâng.”

“Thế mấy giờ bà ngủ?”

“Khoảng mười một giờ.”

“Con bà ra ngoài ít nhất hai tiếng?”

“Vâng.”

“Cũng có thể là bốn, năm tiếng?”

“Vâng.”

“Cậu ta làm gì trong khoảng thời gian đó?”

“Làm sao tôi biết được?”

“Các anh không thấy đâu, mặt bà ta cắt không còn giọt máu. Tôi lập tức điều hai thuộc cấp tới bắt Arthur Charpentier. Vừa mới vỗ vai yêu cầu hợp tác, cậu ta đã sỗ toẹt ra luôn. ‘Các người tình nghi tôi có liên quan tới cái chết của thằng súc sinh Drebber đó chứ gì?’ Chưa đánh đã khai mới sợ chứ.”

“Công nhận,” Sherlock Holmes phụ họa.

“Hắn vẫn đang cầm cây gậy hung khí đeo từ gổ sồi.”

“Rồi anh suy luận thế nào?”

“Hắn ta đã bám đuôi tới tận đường Brixton. Hai bên tiếp tục xô xát. Hắn phang cây gậy vào bụng nạn nhân, một phát chí mạng, lại không gây thương tích. Đêm đó mưa lớn nên không ai ra đường, hắn bèn lôi nạn nhân vào căn nhà vô chủ. Cả

cây nến, vũng máu, chữ *Rache* rồi chiếc nhẫn đều do hấn cố tình sắp đặt để đánh lạc hướng điều tra.”

“Thật không hổ danh át chủ bài của Scotland Yard,” Holmes khích lệ.

“Tôi cũng tự phục mình. Tên Arthur khai rằng nạn nhân phát hiện bị hấn đuổi theo nên bắt xe trốn mất, hấn hậm hực bỏ về thì vô tình gặp lại bạn cũ rồi rủ nhau làm vài chén. Tôi hỏi thông tin người bạn đó thì cậu ta lấp bắp không nói được. Mọi tình tiết đều ăn khớp. Mà cứ nghĩ tới Lestrade là tôi không nhịn được cười. Khổ ghê, đầu óc kiểu gì mà lại bảo... Uầy, mới nhắc Tào Tháo là Tào Tháo tới ngay!”

Đúng là thanh tra Lestrade thật. Nhưng nét mặt tự mãn thường ngày bị phủ kín một tầng rồi rấm xen lẫn hoang mang, áo quần cũng lồi thoi lệch thếch, rõ ràng là đến để cầu viện Sherlock Holmes. Nhác thấy bóng dáng thân quen của đồng nghiệp, anh ta nhụt chí hấn, cứ ghì chặt cái mũ đứng tần ngần, mãi một lúc sau mới mở lời.

“Đây là vụ án phức tạp nhất, à không, kỳ dị nhất mà tôi từng phá.”

“Anh tự nhận thua đây à?” Gregson giễu cợt. “Thế đã bắt được quý ngài trợ lý Joseph Stangerson chưa?”

“Quý ngài trợ lý Joseph Stangerson,” Lestrade gằn từng tiếng, “đã bị mưu sát sáu giờ sáng nay tại khách sạn Halliday.”

CHƯƠNG VII. Ánh sáng cuối đường hầm

Quả là tin chấn động! Tôi nhất thời ngây ra như phỗng, Gregson đang ngồi ườn trên ghế cũng giật bắn mình, thuận đà đập bay ly whiskey đang uống dở. Holmes bản lĩnh nhất hội cũng không tránh khỏi bất ngờ, hai đầu lông mày xoắn tít lại, môi mím chặt không nói một lời.

“Trợ lý Stangerson cũng bị giết rồi sao?” tôi thảng thốt. “Càng lúc càng rối rắm.”

“Một ông Drebber đã đủ hết hơi,” Lestrade rầu rĩ. “Có khác gì đánh trận đâu.”

“Anh... anh điều tra kỹ chưa đây?” Gregson cố vớt vát.

“Tôi là người đầu tiên phát hiện xác nạn nhân, ra khỏi khách sạn liền chạy tới đây ngay.”

“Thanh tra Gregson nghi ngờ con trai bà chủ trọ là hung thủ giết Drebber,” Sherlock Holmes nhắc khéo. “Anh thấy sao?”

“Ngay từ đầu tôi đã thấy tay trợ lý có vấn đề. Khoảng tám rưỡi tối ngày 3, bọn họ vẫn đi cùng nhau, hai giờ sáng hôm sau Drebber lại bị giết ở Brixton. Stangerson đã ở đâu, làm gì suốt bảy tiếng đồng hồ đó? Tôi gửi bảng mô tả nhận dạng qua Liverpool, nhờ họ lưu ý mấy chuyến tàu sang Mỹ. Tôi cũng rào hết khách sạn và nhà nghỉ quanh khu Euston. Nếu bọn họ lỡ tàu rồi tách ra giải quyết việc riêng, chắc anh trợ lý sẽ thuê một phòng gần đây để hôm sau ra ga cho tiện.”

“Tôi cũng nghĩ bọn họ hẹn gặp đâu đó,” Holmes gật gù.

“Tôi chạy đôn chạy đáo cả đêm, sáng nay quần thêm một vòng, cuối cùng tạt vào khách sạn Halliday đầu đường George. Định hỏi cho đủ lượt thôi, ai dè họ bảo có khách tên Stangerson thật. Lễ tân nói anh ta chờ bạn hai hôm rồi, còn tưởng tôi là người kia. Thằng bé đánh giày dẫn tôi lên tầng hai, nó vừa định trở xuống thì tôi phát hiện máu từ khe cửa chảy rùng rùng khắp hành lang, còn đọng thành một vũng bầy nhầy tanh ngấy, tôi giật mình hét toáng, thằng nhỏ cũng hét hồn. Hai vụ này thật quá sức chịu đựng, bằng hai chục năm trong ngành gộp lại chứ chả đùa. Phòng bị khóa trái, bọn tôi chật vật mãi mới xông vào được. Người chết nằm vắt vẻo trên bệ cửa sổ, còn mặc nguyên đồ ngủ, tứ chi cứng ngắc, đã chết một lúc rồi. Tôi vừa lật cái xác lại, thằng bé nhận ra

Stangerson ngay. Một nhát thẳng tim, gục tại chỗ. Nhưng ghê rợn nhất là... Đố các anh có gì trên bệ cửa?”

Tôi bất giác lạnh sống lưng, cảm giác chết chóc buốt lên tới óc. Giọng Holmes điềm tĩnh lạ lùng.

“Là chữ *Rache* viết bằng máu.”

“Nó đấy,” Lestrade rầu rĩ, mọi người cũng trầm ngâm theo.

Cả hai vụ án đều dã man bất thường, cực kỳ tàn nhẫn và còn nhiều bỏ ngỏ. Đầu tôi lại đau nhói từng cơn.

“Lần này có nhân chứng mục kích,” Lestrade nói tiếp. “Thằng bé giao sữa hôm nào cũng đi ngang khách sạn. Nó bảo sân sau có cái thang, thường ngày toàn để dưới đất nhưng sáng nay lại dựng sát tường. Nó ngó lên thì thấy cửa sổ tầng hai đang mở, rồi một người đàn ông từ trong phòng lồm cồm leo xuống. Thằng nhỏ tưởng thợ máy, nhìn bộ dạng cũng đàng hoàng, người rất cao, mặt mũi đỏ lựng, khoác áo bành tô màu nâu. Chậu nước trong phòng đỏ ngòm, chắc hẳn đã nán lại rửa tay. Ga trải giường còn nguyên dấu chùi máu trên con dao hung khí.”

Hoàn toàn trùng khớp với lời Holmes miêu tả. Tôi vội liếc sang nhưng cậu bạn chẳng màng nhúc nhích.

“Còn manh mối gì không?” Holmes hỏi.

“Nạn nhân giữ ví của Drebber, chắc thường ngày đứng ra thanh toán. Còn cả thấy bảy mươi đồng nên tôi đoán không phải trộm cướp. Có một bức điện đánh từ Cleveland ghi vồn vện ‘J. H. đang ở châu Âu’, không ký tên người gửi.”

“Còn đồ đạc trong phòng?”

“Dưới gối có một quyển tiểu thuyết, tủ thuốc để hờ giữa ghế, trên bàn có ly nước đang uống dở. Còn một cái hộp nhỏ trên bệ cửa sổ, bên trong có hai viên con nhộng.”

Sherlock Holmes bật dậy với tốc độ ánh sáng. “Đòn chí mạng! Phá án được rồi.”

Hai ngài thanh tra trở mắt nhìn nhau.

“Tôi đã nắm toàn bộ chân tướng, từ lúc hai người bọn họ tách nhau ra đến khi trợ lý Stangerson bị giết, mọi chi tiết đều sáng tỏ. Hai viên thuốc đâu rồi?”

“Đây,” Lestrade thuận tay lấy cái hộp trắng ngà nhỏ xíu. “Có cả ví và bức điện, anh xem luôn không? Tôi định mang chúng về đồn. May cho anh phút cuối tôi đổi ý chứ cái hộp tầm thường này thì có liên quan gì.”

“Thuốc thôi,” Holmes đáp gọn. “Thấy sao Bác sĩ? Có tầm thường không?”

Không hẳn. Chúng tròn vo, vỏ ngoài xám ngoét nhưng đặt dưới nắng lại trong veo như ngọc. “Kết cấu thể này chắc tan được trong nước.”

“Chính xác. Hôm qua bác chủ nhà nhờ chúng ta tiễn cụ chó già về châu Diêm vương. Anh dặt nó lên hộ tôi.”

Tôi chạy ào xuống bể ‘cụ’. ‘Cụ’ thở chẳng ra hơi, mắt mờ hết cả, râu mõm trắng xóa như tuyết, cũng đến lúc đoàn tụ với tổ tiên rồi. Tôi cẩn thận đặt ‘cụ’ lên tấm thảm.

“Tôi sẽ cắt đôi viên thuốc,” Holmes nói như thuyết giảng. “Phần này để đẩy phòng hờ, pha chỗ còn lại vào một thìa nước. Bác sĩ nói không sai, tan rồi kìa.”

“Hay đấy,” Lestrade thận trọng, sợ lại bị chê cười. “Nhưng liên quan gì tới cái chết của Stangerson?”

“Cứ từ từ! Để tôi pha thêm chút sữa cho ‘cụ’ đây dễ uống.”

Cụ chó liếm hăng say. Nhìn dáng vẻ chắc cú mười mươi của Holmes, ba người chúng tôi không dám hé răng nửa lời, chỉ căng mắt quan sát nhất cử nhất động

của ‘cụ’. Một phút trôi qua. Rồi hai, ba, năm, mười phút. Không có gì bất thường cả. Cụ chó vẫn nhón nhơ nằm ườn trên thảm.

Holmes bắt đầu sốt ruột, liên tục liếc đồng hồ, tay gõ nhịp dồn dập trên mặt bàn, bất an tràn trong đáy mắt. Đôi bạn cảnh sát khoải trá ra mặt.

“Chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên sao?” Holmes bực dọc đi lui đi tới. “Không đời nào! Ngay từ đầu tôi đã khẳng định Drebber bị hạ độc, giờ lại có hộp thuốc trong phòng Stangerson. Không thể sai được! Sao con chó cứ trơ trơ thế nhỉ? Lẽ nào... Đúng rồi! Phải nghĩ ra từ đầu chứ?”

Holmes giật phắt hộp thuốc trong tay Lestrade rồi cắt đôi viên còn lại, thao tác y hệt ban nãy. Nhưng lạ thay, cụ chó vừa liếm hai phát liền ngửa bụng rên hừ hừ, tứ chi co quắp run lẩy bẩy, mấy giây sau thì cứng đờ, không buồn động đậy nữa. Chết thật rồi.

Sherlock Holmes thở một hơi nhẹ nhõm, quạt vội tăng mồ hôi trên trán. “Nếu có mắc xích nào trật nhịp, lẽ ra phải bình tĩnh thay đổi góc nhìn, chưa chi tôi đã mất lòng tin, bậy quá. Tôi chủ quan cả hai viên đều có độc, hóa ra không phải, là viên có viên không.”

Tôi bắt không kịp suy nghĩ của Holmes nhưng nhìn cụ chó chết gục trước mắt, tôi biết màn sương mờ đục kia đã đến lúc tan biến rồi.

“Vừa bắt tay vào điều tra, các anh đã xác định sai chứng cứ then chốt, chệch hướng là phải. Tôi may mắn nhìn thấu ngay từ đầu, cứ thế suy ra thôi. Hễ có manh mối gì mới, mọi người lại loạn hết cả lên. Tôi thì ngược lại, càng nhiều bằng chứng, suy luận càng vững. Còn nữa, lạ lùng và thần bí là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Những vụ án báo chí hay làm quá lên thực ra chẳng có gì mới lạ hay đặc biệt cả. Cũng may hai nạn nhân đều bị giết trong phòng kín, chứ ở ngoài đường là mệt rồi. Không có mấy tình tiết lạ lùng kia, chưa chắc tôi phá được án.”

Gregson chịu hết nổi, lớn giọng ngắt ngang. “Tôi biết Sherlock Holmes ngài tài trí hơn người nhưng ưu tiên hiện giờ là tóm cổ hung thủ, mấy chuyện khác nói

sau đi. Lestrade theo sát Arthur Charpentier, chắc chắn anh ta không ra tay với Stangerson được. Suy luận của tôi cũng sai bét. Anh khá nhất hội, thứ cho tôi nói thẳng: anh biết hung thủ là ai thì huych toẹt luôn cho rồi.”

“Gregson nói không sai,” Lestrade phụ họa. “Bọn tôi nhận thua, được chưa? Anh có kể thì kể cho trót chứ.”

“Đúng đây Holmes,” tôi cũng chen ngang. “Cứ đây đưa hoài, lỡ hấn giết ai nữa thì sao?”

Không nghĩ đến cả ba chúng tôi cùng hợp lực công kích, Holmes thoáng thất thần. Nhưng chỉ vài giây sau lại đi tới đi lui, mặt cúi gằm, hai hàng lông mày lại xoắn tít.

“Không ai chết nữa đâu. Đúng, tôi biết đích danh hung thủ. Tôi là người mong hấn bị bắt nhất đây này! Nhưng tên đó cực kỳ quỷ quyệt, lại có một gã đồng phạm hết sức mưu mô. Giờ mà lộ ra đã bứt dây động rừng, hấn sẽ lập tức thay tên đổi họ rồi mất hút giữa bốn triệu người, đồ mà tìm được nữa. Vả lại, ‘thứ cho tôi nói thẳng’, hai gã đó thừa sức dắt mũi cả đám các anh. Vụ này tôi phải tự mình ra tay, may nhờ rủi chịu. Tôi chuẩn bị xong cả rồi. Chớ có táy máy mà hư đường hư bột hết.”

Gregson và Lestrade tất nhiên không vừa lòng, người thì tự ái đỏ bừng mặt, kẻ lại trợn trắng mắt muốn chửi thẳng cậu bạn tôi. Nhưng chưa ai kịp phản ứng đã có tiếng gõ cửa dồn dập, ra là nhóc Wiggins - tổ trưởng tổ trọng án phố Baker.

“Báo cáo! Xe đang đỗ trước nhà!”

“Giỏi,” Holmes dịu giọng khen ngợi rồi quay sang hai vị thanh tra. “Scotland Yard cũng nâng cấp đồ nghề là vừa. Nhìn xem, ấn phát ăn ngay.” Holmes lôi ra cái còng tay trong ngăn kéo.

“Cám ơn, bọn này quen xài đồ cũ. Tân tiến cho lắm vào, đã bắt được ai mà đòi còng?”

“Xong!” Holmes triệt để làm lơ. “Wiggins, cháu gọi bác phu lên đây khuôn đồ hộ ta.”

Holmes định đi đâu à? Sao không nói với mình tiếng nào nhỉ? Cậu bạn tôi khê nê lôi ra một rương hành lý, loay hoay buộc dây nhợ tứ phương. Ngay lúc này, anh đánh xe lăm lũi đi vào.

“Giúp tôi một tay với, khóa mãi không được,” Holmes đang quỳ thụp xuống, không buồn ngẩng đầu lên.

Anh phu thoáng ngờ vực nhưng cũng nhanh nhẹn tới giúp.

‘Cụp.’

Là âm thanh dứt khoát lúc khóa còng.

Holmes ngạo nghễ đứng phắt dậy. “Xin giới thiệu với toàn thể quý vị, đây là ngài Jefferson Hope, hung thủ đã giết Enoch Drebber và Joseph Stangerson.”

Mọi chuyện chớp nhoáng đến nỗi không ai biết đường nào mà lần. Biểu cảm và giọng điệu đặc ý của Holmes rồi cả nét mặt hung hãn ngập trong hoảng loạn của anh đánh xe khi trở mắt nhìn chính mình bị còng tay phát một. Tôi và hai viên cảnh sát cứ thế đứng đực tại chỗ. Rồi ầm một cái, tên đó vùng khỏi tay Holmes, đâm sầm vào cửa sổ. Nào gõ, nào kính thi nhau nát vụn. Bộ ba bất-đắc-đĩ lập tức hoàn hồn, phóng như bay ghì hấn lại ngay. Bốn người túm tụm thành một đoàn vật lộn điên cuồng, tôi cũng xông vào giúp sức. Tên này vừa khỏe vừa liều mạng, một chọi bốn mà không nao núng gì. Mặt mũi tay chân hấn bị cửa sâu hoắm, máu tuôn đầm đìa nhưng vẫn chống trả quyết liệt như lên cơn động kinh, mãi đến khi bị Lestrade luồn tay vào bóp cổ, hấn mới chịu đầu hàng. Nhưng để chắc ăn, bọn tôi vẫn phải chia nhau trói gô hấn lại. Xong xuôi, cả đám mệt đừ đừ, ngồi phịch xuống không nói nổi một câu.

“Sẵn xe hấn đang đậu bên dưới,” Sherlock Holmes hỏn hên. “Đánh về Scotland Yard cho tiện. Ai muốn hỏi gì cứ hỏi, hạ màn rồi.”

PHẦN II.

ĐẤT THÁNH

CHƯƠNG I. Cõi hoang vu

Giữa lòng Bắc Mỹ rộng dài vô tận lại chễm chệ một dải đất quanh quẽ đến hoang tàn, nếm trải trăm ngàn biến binh văn thủy chung quay lưng với nền văn minh của nhân loại. Trải dài từ dãy Sierra đến tiểu bang Nebraska, từ con sông Đá Vàng lưng chừng mạn bắc xuôi thẳng xuống Colorado nam tận chỉ im lìm một mảnh tẻ ngắt, điêu linh. Mẹ Thiên nhiên thế nhưng không hề bạc đãi đưa con cô quanh này: nối dài những dãy núi tuyết trùm trắng xóa là bạt ngàn thung lũng âm u, là những nhánh sông ôm ghì bao rặng đá, là bình nguyên bất tận đông ngập ngụa tuyết nhưng, hạ mịt mù sương muối - tất cả tụ thành bức phong nền trăm năm không đổi: căn cỗi và héo hắt đến thâm sâu.

Tới độ không ai thềm bén mảng, họa hoằn lắm mới có vài thổ dân săn bắn quanh rìa ngoài. Chưa ai dám nhúng chân vào tận chốn rừng thiêng nước độc, quanh đi quẩn lại chỉ có con sói hoang chui rúc trong bụi cây, vài con ó nặng nề đập cánh và một anh gấu xám lông lũi nhặt từng nhánh củi khô về ủ tổ cho hết mùa đông.

Có lòng cả thế giới cũng không ra khung cảnh nào chết chóc hơn góc nhìn từ triền đồi phía bắc dãy Sierra Blanco. Mịt mù trước mắt là đầm muối phủ bụi ngút đầu bị đám cây lùm lùm cắt ngang xẻ dọc. Tít tắp phía chân trời là những đỉnh núi phủ tuyết quanh năm. Không có lấy một thanh âm báo hiệu sự sống. Hoàn toàn tĩnh lặng. Im ắng vô biên.

Nhưng nếu bảo đó là vùng đất chết thì chưa đúng lắm. Lấp ló bên dưới dãy Sierra Blanco có một lối mòn khúc khuỷu ngụp lặn trong sương mờ, lúi lại vài bước liền vô phương thấy rõ. Từng có không ít người, xe đạp diu qua lại, hai bên đường la liệt hài cốt trắng hếu nổi bần bật dưới ánh dương tàn.

Ngày 4 tháng 5 năm 1847, một kẻ lang bạt đứng tần ngần trên mỏm núi, đưa mắt nhìn dáo dác quang cảnh dưới chân mình. Thật khó để đoán chính xác ông ta bao nhiêu tuổi. Bốn mươi? Mà cũng có thể đã sáu mươi. Khuôn mặt hốc hác đầy dầu giông gió, bao nhiêu xương xẩu dưới lớp da đen sạm gồ hết cả lên, râu tóc đã lún phún nhiều sợi bạc, hốc mắt trũng hẳn vào, đôi con ngươi sáng quắc dị thường hết như hai hòn lửa, bàn tay gân guốc đang ghì chặt khẩu súng trường như muốn nã đạn bất cứ lúc nào. Dáng người cao ngất, vai rộng lưng dài đôi lập hoàn toàn với bộ mặt hằn sâu khắc khổ, cộng thêm quần áo rách rưới tả tơi: người này sắp gục đến nơi, vì trường kỳ đói khát.

Ông ta khỏ sở tụt xuống trèo lên bao nhiêu sườn dốc hòng moi móc vài giọt nước hiêm hoi. Nhưng bốn bề chỉ toàn muối là muối, không một nhánh cây ngọn cỏ thì biết phải thế nào? Bàng hoàng nhận ra mình đã đến bước cùng, ông ta bất lực ngồi phịch xuống lều bầu trong phần uất: “Tại sao chứ? Lăn lộn suốt hai mươi mấy năm, giờ lại kết thúc giữa chốn đồng không mông quạnh thế này.”

Người đàn ông chạt vật hạ bóng súng, vô tình làm trượt tay nải đang đeo bên vai phải xuống đất ‘phịch’ một tiếng. Lập tức có tiếng khóc tí tê. “Đau quá!”

“Ôi, ta không cố ý.” Ông ta lật đật tháo túi đồ, lộ ra khuôn mặt trẻ thơ ngập tràn sợ sệt đang huơ hai nắm tay bé tí. Cô nhóc chừng năm tuổi, mặc yếm hồng viền đăng ten, đi đôi hài điệu đà nhỏ xíu, hẳn đã được mẹ hết mực yêu chiều. Đứa trẻ mặt mũi bơ phờ nhưng trông lanh lợi lắm, vẫn còn khỏe chán so với ông bác vật vờ cạnh bên.

“Bớt đau chưa?” ông ta hoang mang hỏi vì cô nhỏ vẫn đang xuýt xoa mấy lọn tóc vàng ươm rối bung sau đầu.

“Hôn vào liền khỏi, mẹ làm vậy suốt. Mà mẹ cháu đâu?”

“Mẹ đi rồi. Cháu sẽ sớm gặp mẹ thôi.”

“Đi rồi ạ? Sao không tạm biệt gì hết? Máy lần sang nhà dì uống trà, mẹ đều tạm biệt cơ mà! Những ba ngày mà mẹ vẫn chưa về. Bác ơi cháu đói! Khát nước nữa.”

“Ráng lên. Tựa vào bác này. Mà cháu đang cầm gì đấy?”

“Xinh lắm ạ!” cô bé hươ loạn xạ hai mảnh mica óng ánh dưới ánh chiều tà.
“Về nhà cháu sẽ khoe với anh Bob.”

“Chỉ chút nữa thôi,” ông bác thăm thì. “Hôm trước vượt sông, còn nhớ bác nói gì không?”

“Nhớ ạ.”

“Cứ tưởng sẽ sớm tìm thấy con sông khác, ai ngờ... Nước mỗi ngày một ít, chỉ còn vài giọt cho mấy đứa, nên...”

“Nên mặt bác bản như mèo!”

“Uống còn không đủ, dư dả đâu mà rửa ráy? Ông Bender đi trước nhất, tới Pete, bà McGregor, Johnny Hones rồi... mẹ cháu.”

“Mẹ cũng chết rồi ạ?” đứa nhỏ òa lên khóc nức nở.

“Ừ, còn mỗi bác cháu mình. Ta cứ nghĩ hướng này có nước nhưng xem ra không ổn rồi.”

“Mình sắp chết sao bác?”

“Ừ.”

“Sao bác không nói sớm?” cô bé tươi tỉnh hẳn. “Chết là được gặp mẹ rồi.”

“Ừ nhỉ? Cháu sắp gặp mẹ rồi, thích nhé.”

“Để cháu dẫn bác theo. Mẹ sẽ đón chúng ta ngay trước cổng thiên đường. Cháu sẽ kể với mẹ bác tốt ời là tốt! Mẹ sẽ làm thật nhiều kẹo kiều mạch, cả món bánh nướng cháu và anh Bob mê nhất. Sắp chưa bác?”

“Sắp rồi.” Người đàn ông giương mắt nhìn chân trời bạc thếp đằng xa. Trên ‘thiên đường’ ấy bỗng hiện ra ba đốm đen ngo ngoáy vút thẳng về phía hai bác cháu. Thành linh chúng bung xoải đôi cánh nhuộm màu bùn rồi vỡ phành phạch trên đầu hai con người khốn khổ. Ra là lũ kền kền, tôi tớ trung thành của Thần Chết.

“Ở đây cũng có gà à? Xùy xùy.” Đứa bé khoát tay đuổi như đang trong vườn nhà. “Chúa tạo ra nơi này hờ bác?”

“Chắc vậy,” ông ta thoáng bối rối.

“Không phải đâu. Chúa tạo ra Illinois và Missouri thôi, chỗ này chắc có Chúa khác. Nhìn chẳng đẹp gì cả. Chúa đó còn quên biến ra nước với cây cỏ nữa chứ.”

“Bác cháu mình cùng cầu nguyện nhé?”

“Chưa tới mà.”

“Chúa không để bụng đâu. Cháu đọc bài kinh mọi người hay cầu ấy.”

“Sao bác không tự đọc?”

“Quên hết rồi. Bỏ lâu quá, từ hồi cao bằng cây súng này. Giờ đọc lại chắc chưa muộn nhỉ? Cháu đọc đi, ta nhẩm theo.”

“Bác quỳ giống vậy này, chắp tay lại. Đúng rồi.”

Hai con người phiêu bạt thành kính quỳ sát cạnh nhau. Cả người lớn gian khổ trần ai và đứa nhỏ ngây thơ ngo ngác cùng nhìn về thiên đường xa thẳm không một gợn mây mù. Chát giọng trong trẻo hòa cùng thanh âm khàn đục ngân nga

khúc kinh cầu từ ái. Rồi hai bác cháu lại bám víu cái bóng đổ từ tảng đá thô, ngồi thừ ra đợi chiều lặn. Em bé dần thiếp đi trên bờ vai vững chãi của người vệ sĩ dạn dày sương gió. Mẹ Thiên nhiên dường như quá hà khắc với đứa con trai gan góc này. Suốt ba ngày ba đêm băng núi băng rừng không ngơi nghỉ, mí mắt ông ta dúi cả lại, đầu gục dần xuống. Hai bác cháu đáng thương chậm rãi chìm sâu vào giấc ngủ không mộng mị.

Giá mà ông ta gắng gượng thức thêm chục phút nữa, hẳn sẽ khiếp vía với cảnh tượng lúc này. Xa xa phía đầm muối nổi lên một đám bụi mù. Thoạt đầu rất mờ hồ, nhìn hoài không rõ nhưng chỉ ít giây sau liền bành trướng thành một con lốc khổng lồ, áng chừng có thể cuốn phăng mọi thứ trên đường nó đi. Sức công phá có thể sánh ngang một đàn bò mộng nhưng giữa đồng không mông quạnh, ruồi muỗi còn không có, lấy đâu ra trâu bò? Không phải đợi lâu, chân tướng đã dần hé lộ - ra là đoàn xe ngựa đang rong rã đổ về miền Tây. Nhưng quy mô thế này thì quá kinh khủng khiếp! Mấy cỗ xe đầu đã phóng tới chân núi, vậy mà những chiếc cuối vẫn ẩn hiện tí phía chân trời. Nào người, nào ngựa, nào xe chen chúc nhau không đếm xuể. Đàn ông thì sốt sắng cầm cương, chị em phụ nữ ai cũng gồng gánh nách mang tay xách, đám trẻ con lăm chằm quanh chân mẹ, có đứa còn nghịch ngợm vén mảnh nhìn lên mấy thùng xe. Trông bọn họ không giống thương nhân, hẳn đã chịu áp bức cùng cực chốn quê nhà nên mới lăm lũi dắt díu nhau đi tìm vùng đất mới. Tiếng người nhón nháo la hét, tiếng ngựa hí vang trời, tiếng bánh xe vọng vang cồm cộp, hỗn loạn đến long trời lở đất mà hai bác cháu khổ sở kia vẫn thẳng giấc say sưa.

Nhóm tiên phong gồm khoảng hai mươi người choàng áo nâu sồng đơn bạc, tay lăm lăm súng ống đã lên sẵn nòng. Vừa đến chân núi, cả hội tụ lại bàn tiếp lộ trình.

“Bên phải có nhiều mạch nước ngầm,” người vừa nói râu ria nhẵn nhụi, tóc tai rối bù.

“Phía đó có dãy Sierra Blanco, vượt hết sẽ đến sông Rio Grande,” một người khác bổ sung.

“Không cần sợ! Đấng đã chọn chúng ta, Ngài sẽ dẫn lối để cả đoàn đến đích an toàn,” người thứ ba động viên.

“Amen! Amen!” cả nhóm cùng đồng thanh.

Đoàn người chuẩn bị rời đi, đột nhiên người trẻ tuổi nhất ‘A!’ lên một tiếng, trở vào tảng đá lù lù ngay phía trên họ, đúng hơn là trở vào tấm khăn lụa hồng phấp phới bay. Cả đoàn theo bản năng siết chặt tay súng, lũ ngựa cũng bị dọa sợ mà hí vang. Mọi người bắt đầu bàn tán: “Chết rồi, là bọn da đỏ.”

“Không phải,” người cao tuổi nhất khẳng định. “Đám thổ dân không dám bén mảng tới đây.”

“Để tôi đi một vòng thăm dò thử, được không huynh trưởng Stangerson?”

“Tôi đi nữa!”

“Tôi nữa.”

Chừng chục giọng hô hào.

“Được rồi, bọn đệ đi sớm về sớm, mọi người sẽ đợi dưới này.”

Đám thanh niên nhanh nhẹn phóng xuống ngựa rồi lồm cồm leo lên sườn dốc, không dám khinh suất gây bất cứ tiếng động nào. Đoàn người bên dưới cũng rướn cổ dõi theo. Cậu trai hô ‘A!’ ban nãy xung phong mở đường, nhóm còn lại dán mắt chờ tín hiệu. Thành linh cậu ta khựng lại, loạn xạ khua tay, cả nhóm phóng ào tới rồi cũng đứng ngây ra sững sốt.

Một người đàn ông cao ngất nhưng gầy rộc, râu ria rậm rạp, mặt mũi xương xẩu đang tựa vào tảng đá ngủ say sưa. Bé con cạnh bên choàng tay quanh cổ ông ta, mái tóc vàng ươm tung bay phơ phất. Đôi môi đỏ hồng he hé, lộ ra hàm răng nhỏ xíu trắng tinh, bất giác nhoẻn nụ cười như mơ thấy điều gì đẹp đẽ lắm. Đôi chân nhỏ xỏ tất trắng chĩnh chu, mang hài bóng loáng, trái ngược hoàn toàn với bạn đồng hành xác xơ bên cạnh. Ba chú kền kền vẫn toan xé xác con mồi nhác

thấy đám người hùng hổ kéo tới, chỉ biết rống một tiếng oán giận rồi hậm hực bay đi.

Hai bác cháu giật mình tỉnh giấc. Người đàn ông loạng choạng bật dậy, sững sờ nhìn đoàn người, ngựa đông như mắc cửi bên dưới. Rõ ràng ban này một cái bóng cũng không có mà? Ông ta hí hục dụi mắt mấy lần rồi lẩm bẩm: “Đói tới mê sảng rồi sao?” Đứa nhỏ thì sợ tái mặt, túm chặt gấu váy không dám nhúc nhích.

Mấy cậu thanh niên phì cười giải thích, một người nhanh nhẹn cõng bé gái lên vai, hai cậu khác nhanh chóng dìu ông bác sắp lả đi vì đói khát xuống chân núi.

“Tôi tên John Ferrier. Cả đoàn có hai một người, chết cả rồi, còn mỗi bọn tôi.”

“Cô bé này là con ông à?”

“Không phải. Nhưng tôi cứu nó, từ giờ nó sẽ là con tôi, là Lucy Ferrier. Các cậu là ai? Đi đâu mà đông thế?”

“Cũng khoảng vạn người. Đều là con chiên khổ hạnh của Đức Chúa, do đích thân thiên thần Merona tuyển chọn.”

“Merona à? Chưa nghe bao giờ. Mà ngài ấy chọn hơi quá tay nhỉ?”

“Phạm thượng!” một người trong nhóm gằn giọng. “Chúng tôi là dân Nauvoo, thờ thần Joseph Smith trong thành cổ Palmyra. Cả đoàn đang hành hương về Đất Thánh.”

John Ferrier vừa nghe đến Nauvoo liền trầm mặc vài giây rồi kết luận. “Các cậu thuộc giáo phái Mormon?”

“Thánh giáo Mormon! Thánh giáo Mormon!” đám người đồng thanh hô hào.

“Thế Đất Thánh ở đâu?”

“Chỉ mình Giáo chủ được biết. Chúa phái Ngài ấy dẫn đường cho chúng tôi. Mau đến diện kiến để Ngài định liệu.”

Cả nhóm lục tục leo xuống. Đám giáo dân vẫn kiên nhẫn đứng chờ - mấy chị em phụ nữ mặt mũi tái nhợt, lũ trẻ nô nức cười đùa, cánh đàn ông vẫn chưa hết hoài nghi. Ngó thấy hai bác cháu, à không, là hai bố con nhà Ferrier bộ dạng lam lũ, nhiều người không nén nổi xót thương. Nhóm thanh niên đưa họ đến một cỗ xe trông tươm tất, rộng rãi nhất đoàn để ra mắt Giáo chủ. Người này chỉ chừng ba mươi tuổi nhưng mặt mũi thập phần uy nghiêm. Trông thấy mọi người nhốn nháo, anh ta thông thả đặt quyển sách đang đọc xuống sàn xe, mặt không biến sắc nghe thuộc hạ trình bày rồi quay sang đàm phán với hai bố con.

“Chỉ giáo dân mới được theo đoàn,” anh ta nhấn giọng. “Ta thà nhìn các người phơi thây ngoài hoang mạc còn hơn để Giáo hội nhục nhơ. Cha con ông tự quyết định đi.”

“Chúng tôi đồng ý,” John Ferrier không cần suy nghĩ nửa giây, Giáo chủ đương nhiên rất vừa lòng.

“Tốt. Hữu đệ Stangerson, mang cho họ ít thức ăn rồi thu xếp dạy giáo lý càng sớm càng tốt. Trễ rồi, lên đường thôi. Tới Đất Thánh Zion!”

“Tới Đất Thánh Zion! Tới Đất Thánh Zion!” Cả vạn người thoáng chốc đồng thanh như đang niệm chú. Những cỗ xe phiêu bạt lại nối đuôi nhau thành một dãy bất tận ngoằn ngoèo. Huynh trưởng Stangerson dẫn hai bố con đến xe của mình, bày sẵn một bàn đồ ăn nóng sốt.

“Các người đời này kiếp này không được ly khai giáo hội. Cứ yên tâm tịnh dưỡng cho mau lại sức. Giáo chủ Brigham Young là người truyền tin của thánh Joseph Smith. Ngài ấy chính là sứ giả của đức Chúa Trời.”

CHƯƠNG II. Đóa hoa hoang dại

Suốt hành trình dằng dặc xuôi từ sông Mississippi đến sườn tây của dãy Rocky

cao hơn bốn nghìn thước, đoàn người phải kinh qua trùng điệp gian khó, nguy nan. Tầng tầng lớp lớp thú hoang bủa vây rồi cướp bóc, đói khát và bệnh tật triển miên đã làm chùn chân và nhũn nát những trái tim Anglo-Saxon ngang tàn nhất. Cơ cực trăm bề, rốt cuộc thung lũng Utah vàng ruộm nắng mai cũng trải ra trước mắt. Không ai bảo ai, tất cả tự động quỳ sụp xuống gào vang khúc kinh cầu hậu tạ đáng bề trên. Giáo chủ Brigham Young đồng đặc hô vang từng chữ: “Kể từ hôm nay, đất đai màu mỡ này là của Giáo hội chúng ta, muôn đời muôn kiếp.”

Anh ta cực kỳ quyết đoán và có tài lãnh đạo, quy hoạch cận kẽ đâu ra đấy, tự tay thiết kế từng bản vẽ, gôn ghẽ phân việc và chia đất cho mỗi giáo dân. Thương nhân tiếp tục ngược xuôi buôn bán, thầy thợ được huy động dựng xây các công trình. Thị trấn đã bắt đầu nên hình nên dáng, phố xá thẳng thớm, làng hoàng. Vùng ngoại thành cũng sớm đủ đầy giậu rào, cổng rãnh, nhà nhà hăng hái trồng trọt, chăn nuôi. Chỉ sau một vụ mùa, màu vàng ươm của lúa mì trĩu hạt đã nhuộm đầy dải đất Utah. Ngôi đền chính đặt giữa trung tâm thành phố ngày càng nguy nga, đồ sộ. Từ sáng tinh mơ đến tối mịt mờ luôn văng vẳng tiếng cưa, tiếng búa quyết đục đẽo tượng Ngai thật trang nghiêm thay cho lời cảm tạ thiêng liêng nhất.

Bố con John Ferrier theo chân giáo hội Mormon đến tận Đất Thánh. Lucy bé bỏng đã sớm hòa nhập với kiếp sống rong ruổi tha hương. Cô bé nhanh chóng làm thân với ba bà vợ và cậu con trai mười hai tuổi của huynh trưởng Stangerson. Đứa nhỏ không còn quá đau buồn trước cái chết của thân mẫu, lúc nào cũng tươi tắn như hoa khiến các bà các cô cưng chiều không ngớt. John Ferrier cũng đã bình phục hoàn toàn, xông xáo góp sức góp công, lại có tài săn bắn siêu hạng nên dễ dàng nổi bật giữa vạn người. Cả giáo hội nhất trí cấp thưởng cho ông một mẫu đất to tướng, chỉ kém giáo chủ Young và bốn vị đại huynh trưởng Stangerson, Kemball, Johnston và Drebber.

Bố John tự tay xây cất một mái nhà vững chãi rồi quần quật làm ăn, chỉ vồn vện vài năm đã tu sửa thành một dinh thự bề thế. Vừa có tầm nhìn xa rộng lại thoáng vác, không ngại nhọc nhằn, việc lớn bé gì cũng tận tâm nên chỉ sau ba năm đã bắt đầu dư dả, sau sáu năm phát lên hẳn so với hàng xóm láng giềng, hết chín

năm thì chạm ngưỡng phú ông, mười hai năm không dài không ngắn đã đường hoàng vang danh khắp thành phố.

Duy chỉ có một điểm cố kỵ ông thà bị giáo hữu chì chiết chứ quyết không phụng mệnh: tục đa thê. Không giải thích dài dòng, chỉ khẳng khẳng một mình một bóng. Có kẻ lên án ông không ngoan đạo, người lại phỉ báng ‘tay này ham mê của cải, sợ bị bòn rút đây mà’, thậm chí còn moi ở đâu ra một thiên tình sử dầm lệ rằng ông vẫn nhớ thương người tình cũ đã bỏ mạng bên bờ Đại Tây Dương. Bố John đương nhiên không màng đến, kiên quyết sống đời thanh bạch, nghiêm chỉnh chấp hành mọi giáo điều khác như bất kỳ ai.

Lớn lên trong sự bao bọc vững vàng của người bố giỏi giang, lại thêm gió núi đại ngàn và hương thông trầm quện trong da thịt, Lucy Ferrier ngày càng rực rỡ và tươi tắn. Vóc người cao ráo, uyển chuyển thoát ần thoát hiện giữa những cánh đồng vàng rồi phóng hiên ngang lên lưng ngựa làm biết bao người say mê. Nụ hoa nhỏ xíu mười hai năm trước giờ đã nở bung thành một đóa yêu kiều, lại thêm tiếng tăm lừng lẫy của bố John, tiểu thư nhà Ferrier nghiêm nhiên trở thành niềm mong ước của thanh niên khắp chốn. Nhưng có lẽ cả bố John lẫn Lucy đều không lường hết được chuỗi thảm kịch hãi hùng mà số kiếp hồng nhan bạc mệnh đã sớm an bài.

Hôm ấy là đầu tháng Sáu, nắng vàng như rơm. Giáo hội đang tụ tập bình bầu linh ấn, từ nhà ra ngõ ai cũng bàn tán xôn xao. Từ hồi cơn sốt vàng ở California bùng phát, đường Overland thường tấp nập người, ngựa lại qua. Đoàn du mục chen chúc giữa bầy gia súc không ngăn nổi tiếng thúc ngựa hào sảng của Lucy. Đôi má nàng hây hây dưới nắng, suối tóc vàng như phát sáng cứ phấp phới bay. Cô gái trẻ phi nước đại để không nhớ việc bố giao, khí thế bừng bừng tràn căng sức sống. Người qua đường tròn mắt chiêm ngưỡng, đến những thổ dân với quy chuẩn nhan sắc khác xa cũng thán ngợi khen vẻ kiều diễm của nàng.

Vừa ra tới ngoại thành, Lucy bị một đoàn gia súc chắn ngang. Gấp rút quá, cô nàng liều mạng thúc ngựa xông thẳng, chẳng mấy chốc bị vây hãm giữa một đám trâu bò. Quá quen hô hoán lũ nhóc trong chuồng nhà, cô gái chủ quan không lường hết nguy hiểm. Một chú bò mộng thành linh húc thẳng vào sườn ngựa, con thú nhỏ gào rú rồi phát điên bạt ngựa ra sau. Lucy hốt hoảng bám ghì

trên yên, giờ mà ngã xuống thể nào cũng bị cả bầy tùm lại dẫm cho tan nát. Biết là vậy nhưng chỉ ít giây sau, con gái rượu của bố John bắt đầu đuổi sức, đôi tay ghì cương đã mỏi nhừ, lại còn bị bụi đất mịn mù xộc thẳng vào mặt. Ngay thời khắc ngàn cân treo sợi tóc, một đôi tay rắn chắc chộp lấy sợi dây cương, mạnh mẽ đưa Lucy xông qua đàn thú dữ.

“Em không sao chứ?” chàng trai ngỏ lời lịch sự.

Cô gái ngẩng đầu nhìn thẳng khuôn mặt nâu giòn ánh lên nét cương nghị của người thanh niên vừa cứu mình thoát chết, sáng khoáy phá lên cười. “Hú vía! Em là con nhà tông đấy, hôm nay tổ trác rồi.”

“Không sao thì tốt,” chàng trai thở phào một hơi, dáng người dong dong ngồi thẳng tắp trên lưng ngựa, mặt mày nghiêm túc, choàng áo khoác đỏ sẫm, khẩu súng trường đeo chéo trên lưng. “Em là con gái bác John Ferrier đúng không? Lúc nãy anh thấy em đi ra từ hướng đó. Em hỏi giúp anh bác có quen ai tên Jefferson Hope ở St. Louis không. Nếu đúng thì bố anh và bố em hồi trẻ thân nhau lắm đấy.”

“Sao anh không ghé hỏi thẳng bố em luôn?” cô nàng thoáng thẹn thùng.

Được lời như cời tấm lòng, chàng trai phấn chấn hẳn. “Chắc để lần sau. Hai tháng nay lẫn lộn dọc đường, người ngợm thế này, e là bác...”

“Có gì đâu. Bố em mang ơn anh còn chẳng hết. Bố thương em lắm, em mà có chuyện gì chắc ông không sống nổi.”

“Anh cũng vậy,” chàng trai vô thức thì thầm.

“Sao cơ? Ai quen biết gì anh mà mạnh mẽ thế? Còn chưa chắc bố em có phải người anh cần tìm không.” Cô nàng háng giọng trêu đùa.

Cậu trai thế nhưng lại đỏ mặt, chọc Lucy cười không ngớt.

“Em đùa thôi. Nhớ đến nhé. Em phải đi đây, nhớ việc có khi bố cấm cửa em mất. Tạm biệt anh!”

“Tạm biệt,” chàng trai vẫy mũ, thất thần nhìn bóng dáng rạng ngời dần mất hút trong gió bụi mịt mù.

Chàng trai trẻ Jefferson Hope như người mất hồn quay lại điểm tập kết. Anh vừa cùng đồng đội băng dãy Nevada, khai khẩn không ít quặng vàng, đang định ghé Utah kiếm thêm ít vốn rồi lại tiếp tục hành trình nhưng cuộc gặp gỡ ngắn ngủi vừa rồi đã thay đổi toàn bộ dự định. Thiếu nữ đẹp xinh như gió núi Sierra đã thổi bùng ngọn lửa mưu cầu hạnh phúc lứa đôi mà bấy lâu nay anh cố công dập tắt. Giờ phút này đây, dù là mỏ vàng hay núi bạc cũng không đủ sức lôi kéo Jefferson. Anh rõ hơn ai hết xúc cảm này không phải rung động nhất thời của đám thanh niên bông bột mà là tình cảm chín chắn của người đàn ông trưởng thành muốn xây dựng một mái nhà ấm yên. Anh tự nhủ với lòng sẽ không để vượt mất cơ hội ngàn năm có một.

Ngay tối đó cậu chàng ghé thăm hai bố con rồi thường xuyên lui tới, đến nỗi xóm giềng cũng quen mặt. Bố John cả chục năm nay quần quật với ruộng đồng, giáo hội Mormon lại sinh hoạt khép kín nên rất thèm được nghe về thế giới bên ngoài mà những tin tức đó, Jefferson không hề thiếu. Cậu trai trẻ say sưa kể đủ chuyện trên trời dưới đất hồi còn chân ướt chân ráo theo người ta tới California đào vàng khiến bố con nhà Ferrier và những giáo dân lân cận thích thú không thôi. Suốt những tháng ngày rong ruổi triền miên, Jefferson lăn lộn đủ kiểu, lúc liều mạng đi trinh sát, lúc chật vật đặt bẫy thú hoang, khi thì hùng hục đào vàng rồi lại tắt tả trông nom bày gia súc. Mấy ông bác già không tiếc lời tán dương còn Lucy chỉ ngồi một góc lặng thinh nhưng đôi gò má đỏ hây hây và ánh mắt lấp lánh tràn đầy sùng bái đã nói hộ tiếng lòng cô gái trẻ. Bố John vô tư không nhìn ra nhưng đôi trẻ đã sớm ‘tình trong như đã’.

Một đêm nọ, Jefferson phi nước kiệu tới nhà Ferrier. Lucy sững sốt ra mở cổng.

“Anh phải đi một chuyến,” chàng trai bịn rịn nắm lấy tay người thương. “Lần này chưa dẫn em theo được. Em... Em đợi anh về nhé?”

“Khi nào anh mới về?” cô gái thoáng ngượng ngùng.

“Chắc cũng vài tháng. Anh nhất định sẽ kiếm thật nhiều tiền! Sẽ không ai dám chia cách chúng ta.”

“Bố anh có đồng ý không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Thì... đành vậy,” thiếu nữ then thưng tựa vào ngực người yêu.

Jefferson hôn lên má cô. “Em như vậy anh không đi nổi mất. Tới giờ rồi, mọi người đang đợi. Chỉ hai tháng thôi, nhất định phải chờ anh đấy!”

Chàng trai trẻ ôm ghì thiếu nữ rồi tiếc nuối buông tay, phóng ào lên lưng ngựa, sợ rằng chỉ một khắc chần chừ sẽ không còn lòng dạ nào cất bước. Lucy nhìn theo mãi đến khi bóng dáng thân thương mất hút trong đêm trường. Rồi cô trở vào nhà, nụ cười hạnh phúc vương vấn mãi trên môi.

CHƯƠNG III. Ngả bài

Jefferson Hope đã đi được ba tuần. John Ferrier vừa mừng vừa lo vì ngày về của chàng trai trẻ cũng là ngày ông phải tiễn con gái rệu rã bước sang trang mới của cuộc đời. Càng ngắm gương mặt rạng rỡ, ngập tràn hạnh phúc của con, trái tim người làm cha càng không ngừng sục sôi ý định tày trời. Ông bố thà chết chứ không đời nào chịu gả Lucy cho mấy tên Mormon cuồng giáo, chẳng khác nào bông hoa nhài cắm vào bãi phân trâu. Nhưng bố John chỉ biết nuốt căm tức vào lòng, xung quanh toàn tai vách mạch rừng, sơ sẩy một tí thể nào cũng ló chuyện.

Lớn đến mức những bậc trưởng bối trọng vọng cũng chỉ lén lút rỉ rả, chưa một ai dám cả gan chống đối. Những nạn nhân từng kêu gào van xin công lý nay lại trở thành kẻ thủ ác đi khắp nơi gieo rắc kinh hoàng. Cả toàn án Tây Ban Nha

thời trung cổ, tòa dị giáo Vehm-gericht rồi các hội kín ở Ý đều phải ngả mũ chào thua trước độ bạo tàn của thế lực hắc ám đang một tay che lấp bầu trời Utah.

Tiếng ác ngày một lan xa, cộng thêm vô số lời đồn thổi khiến không ít giáo dân kích động. Từng có người lớn giọng thách thức nhưng ngay hôm sau đã đi đâu biệt tích biệt tăm. Những vụ việc tương tự cứ liên tiếp diễn ra, dân chúng kinh hãi không một lời hó hê, nhất cử nhất động đều không dám coi thường như đang sống giữa hang hùm miệng hổ.

Ban đầu chỉ là hình thức răn đe vài giáo dân chưa ngoan đạo hoặc có ý định ly khai nhưng dần dà lại biến tướng thành bắt nạt bắt nã. Số là giáo hội vốn dương thịnh âm suy, lại thêm chủ trương một chồng nhiều vợ, chẳng biết từ bao giờ dấy lên tin đồn hàng loạt đàn ông đi ngang vùng bị giết hại dã man trong khi nhiều giáo hữu liên tục nạp thê thiếp mới không phải người trong tộc, mà mặt mũi ai cũng sầu khổ, kinh hoàng. Thiên hạ bắt đầu đồn đoán có một toán người vũ trang hầm hố, đeo mặt nạ bí bưng, hành tung lén lút đang tụ tập phía sau đồi, tự lập hội ‘Những thiên thần báo oán’.

Đám ác bá ngày càng hoành hành nhưng tuyệt không ai biết danh tính chúng. Mọi người bắt đầu nghi kỵ lẫn nhau, cả giáo chủ lẫn các huynh trưởng cũng không thoát khỏi đàm tiếu.

Một sáng nọ, bố John đang chuẩn bị ra đồng thì nghe tiếng đập cửa. vén rèm thấy bóng dáng giáo chủ Brigham Young, ông bất giác lằm bằm ‘Thôi chết’ rồi phập phồng ra mở cửa. Vị ‘Sứ giả của đức Chúa Trời’ trưng ra vẻ mặt hắc ám bất cần, không thềm chào hỏi mà đi thẳng vào phòng khách.

“Ngày xưa huynh đệ ta đã ra tay cứu mang cha con ông, không tiếc chia sẻ đồ ăn thức uống, hộ tống tới tận đây rồi ban thưởng đất đai hậu hĩnh. Không có chúng ta, mạng ông chưa chắc còn, huống chi phát đạt thế này.”

“Giáo chủ nói không sai, tôi mang ơn Ngài và giáo hội suốt đời.”

“Ta chưa bao giờ bắt ai trả ơn, chỉ yêu cầu một điều duy nhất: ngoan đạo. Vậy mà nhà ngươi làm ta thất vọng quá đấy.”

“Ngài cứ nói thẳng. Tôi nộp thiếu sưu à? Hay quên đi lễ?”

“Vợ ông đâu? Bảo họ ra đây diện kiến ta.”

“Tôi... Đúng, tôi chưa thú thê. Phụ nữ trong đạo chẳng được mấy người, nên ưu tiên bậc huynh trưởng. Tôi có con gái chăm sóc rồi.”

“Ông nhắc ta mới nhớ. Con bé cũng đến tuổi rồi nhỉ? Đã nhắm được mối nào chưa?”

Bố John thâm rửa xả.

“Có người đồn con bé đang qua lại với một đứa thường dân. Chắc họ nhìn nhầm rồi. Thân hữu Ferrier đức cao vọng trọng chả nhẽ không thuộc nổi điều răn thứ mười ba? Phũ sa không chảy ra ruộng ngoài, lấy chồng ngoại đạo là trọng tội đấy.”

John Ferrier lặng thinh, hai nắm tay vô thức siết chặt.

“Đến lúc tỏ lòng trung rồi huynh đệ. Con bé mới xuân xanh, ta không nỡ ép nó lấy bậc cha chú. Ông thấy con trai Stangerson thế nào? Thằng út nhà Drebber nữa? Đứa nào cũng giàu sụ.”

“Lucy còn nhỏ lắm. Ngài cho nó ở với tôi thêm thời gian nữa được không?”

“Vậy một tháng nhé? Bảo con bé nghĩ kỹ vào.”

Hắn ta hùng hổ rời đi, không quên gằn giọng cảnh cáo. “Nếu muốn ném mùi sống không bằng chết thì hãy nghĩ tới chuyện làm phản. Rồi các ngươi sẽ ước được mục xương từ mười hai năm trước cho xong.”

Bố John không thềm tiển, cứ ngồi đó thù người, đầu óc rối rắm chẳng biết làm sao cho phải. Lucy cầm chặt tay ông, không giấu nổi bàng hoàng.

“Con không cố ý nghe lén, ông ta nói to quá. Làm sao đây bố?”

“Đừng sợ,” ông vuốt ve suôi tóc mây. “Ta biết con thương Jefferson.”

Lucy nấc lên một tiếng, siết tay cha càng chặt.

“Thằng bé xứng với con hơn hết thầy mấy đứa ở đây. Ngày mai có nhóm người đi Nevada, bố sẽ thu xếp báo cho Jefferson biết. Nếu nó thực dạ thương con, nhận được tin sẽ tức tốc trở về.”

“Con tin anh ấy. Con chỉ lo cho bố thôi. Ai dám chống lại lệnh của Giáo chủ đều phải...”

“Mình đã làm gì đâu nào? Còn cả tháng để chuẩn bị. Đây tới đó, kiểu gì cũng trốn được thôi.”

“Trốn ấy ạ?”

“Chỉ còn cách đó.”

“Còn cái nhà này, cả nông trại nữa, bố tính sao?”

“Bán lỗ bán tháo được đồng nào hay đồng nấy, còn lại bỏ hết. Nói thật với con, ta chán nơi này lắm rồi. Giáo hội, ái hữu gì kia chứ? Rặt một đám man di.”

“Bọn họ không để chúng ta đi dễ dàng đâu bố.”

“Cứ đợi Jefferson về đã. Đừng khóc nữa, ăn uống ngủ nghỉ nhiều vào, kéo nó lại cần nhằn ông già này bạc đãi vợ nó. Có bố và Jefferson rồi, con không cần phải lo.”

John Ferrier vỗ ngực cam đoan nhưng đêm vừa buông đã hấp tấp đóng then,

chặn cửa. Lucy còn thấy ông hí hoáy lên nòng khẩu súng săn lâu nay không dùng tới rồi cẩn thận treo nó ngay đầu giường.

CHƯƠNG IV. Lằn ranh sinh tử

Tờ mờ sáng hôm sau bố John đã thu xếp ra trấn nhờ người thân tín đưa thư đến Jefferson. Vừa khấp khởi về đến nhà đã thấy hai con ngựa lạ đứng nhón nhờ trước cửa, ông vội chạy vào phòng khách thì chạm trán hai gã xác láo đang trừng mắt nhìn mình: một tên mặt xệ, da dẻ tái xanh đang ngao nghễ gác chân lên lò sưởi, một tên bị thịt tay đứt túi quần, mồm ngheo ngao huýt sáo như hạng lưu manh.

“Xin được ra mắt bố vợ,” gã vẫn ngồi ườn trên ghế không thềm nhúc nhích. “Tôi là Joseph Stangerson, còn cậu này là con trai huynh trưởng Drebber. Bố tôi từng cho cha con ông ăn nhờ ở đậu suốt dọc đường tới Utah, còn nhớ không?”

John Ferrier lạnh lùng gật đầu.

“Hôm nay bọn tôi tới chào tiểu thư Lucy một tiếng. Chọn ai là quyền của em ấy. Không giấu gì bố, cậu em Drebber đây đã cưới bảy bà, tôi mới có bốn, phải ưu tiên tôi đây nhé.”

“Nói thế mà nghe được à?” thiếu gia nhà Drebber gào lên. “Bốn hay bảy thì sao chứ? Ông cụ vừa bàn giao hết thầy công xưởng cho tôi. Tôi giàu hơn ông là cái chắc.”

“Năm mơ! Ông già nhà tôi sắp chết. Cậu nghĩ coi, của cải sẽ về tay ai? Tôi còn được phong huynh trưởng nữa đây, đệ đệ Drebber thân mến.”

“Vậy cứ để cô Lucy chọn,” Drebber quả quyết, không quên soi cửa sổ chỉnh lại tóc tai.

John Ferrier kiểm chế lắm mới không xông tới xán cho hai thằng mất dạy mấy bạt tai trời giáng.

“Hai đứa bây nghe cho kỹ đây! Con gái tao không cho phép, một ngón chân tụi bây cũng đừng hòng nhón vô cái nhà này. Cút!”

Hai đại thiếu gia trừng mắt nhìn ‘nhạc phụ’ như muốn nói: Được chúng tôi để mắt tới là phúc ba đời của bố con ông rồi.

“Muốn ra bằng cửa chính hay cửa sổ?” bố John hét lớn.

Bộ dạng hùng hổ của ông dọa hai chàng rě hựt chạy mất mật. Bố John đâu dễ bỏ qua, dí theo tới sát cửa.

“Lão già chết tiệt! Dám chống lại lời răn của Giáo chủ. Ông sẽ hối hận tới hết kiếp cho xem!” Stangerson hăm dọa.

“Chúa sẽ hiển linh trừng phạt tám đời nhà ông!” Drebber độc mồm.

“Biết chừng nào ông ta mới hiển linh, để tao thay trời hành đạo!” Ông bố không nhịn nổi nữa, nhào lên cầu thang định lấy súng bắn vài phát cho hả dạ, may có Lucy xông tới can ngăn. Hai tên oắt con nhân cơ hội thúc ngựa chạy trốn chết.

“Quân mất dạy!” Bố John quệt vệt mồ hôi trên trán. “Có thằng rě lưu manh như tụi nó, bố thà chết còn hơn.”

“Anh Jefferson sẽ về nhanh thôi bố,” Lucy an ủi.

“Ừ, bố trông nó quá. Không biết bọn chúng sắp giở trò gì đây.”

Bố John không hề lo bò trắng răng. Xưa nay không ai chống đối giáo hội mà còn lành lặn sống sót. Lỗi vật vãnh đã bị xử phạt thẳng tay, hướng chỉ cha con ông dám thẳng thừng đui đánh con trai đại huynh trưởng. Dù giàu có nhất vùng hay đức cao vọng trọng cũng khó lòng thoát khỏi kiếp nạn này. Áng chừng thanh đao sắc lẹm đã treo sẵn trên đầu ông, sẵn sàng trút xuống bất cứ lúc nào. Người cha già cố giấu âu lo nhưng tất nhiên không qua nổi mắt đứa con gái do một tay ông nuôi nấng.

Sáng ra vừa tỉnh giấc, John Ferrier hốt hoảng sờ trúng một mảnh giấy cắm phập trên chân của ông, chỉ cách buồng tim một lớp bông mỏng dính. Trên giấy chỉ ghi vồn vẹn dòng chữ: ‘Nhà ngươi còn 29 ngày.’

Rõ ràng cửa nẻo đã gia cố chắc chắn, đám người hầu còn rải ra canh chừng. Tính đến sáng nay, hai mươi chín ngày chính xác là thời hạn mà giáo chủ Young ép ông giao con gái ra. Kẻ địch hành tung bất định, phải đối phó thế nào đây? Đã mò tới tận giường mà không bị ai phát hiện, việc kết liễu ông xem ra dễ như trở bàn tay.

Hôm sau, hai cha con đang cầm cúi ăn sáng thì Lucy tình cờ ngược lên rồi hét toáng: một thanh củi dát mỏng khắc số 28 cắm phập giữa trần nhà. Bố John không giải thích nhiều, chỉ lẳng lặng trang bị thêm súng ống, suốt đêm thức trắng canh chừng. Rõ ràng không có lấy một động tĩnh, vậy mà sáng hôm sau số 27 đã sơn chinh ình trước cửa.

Ngày qua ngày, những con số đếm lùi oan nghiệt cứ đều đặn xuất hiện khắp trên tường, sàn nhà rồi thì hàng rào, cửa cổng. Bố John thật sự bất lực, bao nhiêu hi vọng dồn hết vào chàng rể tương lai không biết đang phiêu bạt ở phương trời nào.

20

15

10

5

Jefferson vẫn bật vô âm tín.

4

3

John Ferrier vật vã buông xuôi. Bên ngoài núi đồi trùng điệp, ông lại không rõ đường đi nước bước. Thân tín của Giáo chủ phong tỏa hết mọi ngõ đường, không có giấy thông hành từ giáo hội thì một con kiến cũng dừng hồng lợt qua.

2

Ông bố ngồi trầm ngâm trong đêm tối. Ngày mai đã là hạn chót rồi. Lucy của ông phải làm sao đây?

‘Cạch.’

Gì thế? Bố John hoàn hồn, rón rén lần ra phía cửa. Lại có tiếng ‘lạch cạch’. Định hành quyết lúc nửa đêm sao? John Ferrier chịu không nổi nữa. Muốn chém muốn giết thì cứ đường đường chính chính mà làm, định dọa ai cơ chứ?

Ông nổi điên phá khóa, đập tung cửa chính.

Bốn bề lặng ngắt như tờ. Không hề có ai bén mảng. Thở phào nhẹ nhõm nhưng bố John vẫn cảnh giác nhìn trước ngó sau, định quay vào thì vô tình giẫm trúng người đàn ông nằm sóng soài dưới đất. Ông hốt hoảng tự bịt miệng để không hét toáng, chưa kịp phản ứng gì thì người đó đã trườn như rắn vào trong nhà rồi đóng sầm cửa lại. Dưới lớp hóa trang nông dân khắc khổ không ai khác ngoài chàng rể quý Jefferson Hope.

“Trời đất ơi! Cháu dọa chết bác rồi!”

“Cháu ăn nốt nhé? Hai ngày nay không có gì bỏ bụng.” Cậu trai ngầu nghiêng thức ăn thừa mứa trên bàn. “Lucy khỏe chứ ạ?”

“Ừ, ta giấu không để nó biết chuyện hạn định 30 ngày.”

“Đúng đấy ạ. Bọn chúng vây tứ phía, cháu hết cách nên phải bò vào. Cháu vẫn chưa lượm nghề, bác nhỉ?”

Nhìn thanh niên gan dạ nhưng thật thà trước mặt, John Ferrier rung rung nước mắt. “Giỏi! Đúng là lửa thử vàng, hồ phụ sinh hồ tử. Cảm ơn cháu.”

“Bác quá lời rồi. Nếu không vì Lucy, chưa chắc cháu dám liều mạng thế này.”

“Giờ tính sao đây?”

“Tôi nay phải hành động. Cháu đã cột hai con ngựa và một con lừa ngoài hẻm Đại Bàng. Bác gom được tiền chưa?”

“Khoảng bảy nghìn. Đủ không cháu?”

“Quá tốt. Cháu cũng để dành được từng ấy. Chúng ta phải băng núi tới Carson. Bác đánh thức Lucy đi.”

Đã quen xuôi ngược bao nhiêu năm nay, Jefferson tranh thủ góp nhặt đồ ăn thức uống nhét đầy ba, bốn túi phòng khi bất trắc. Lucy vừa xuống cầu thang đã trông thấy bóng dáng người thương, đôi trẻ ôm ghì lấy nhau nước nức nở hồi lâu rồi lật đật gói ghém hành lý.

“Trước sau đều đã bị phong tỏa, chỉ còn cách trèo cửa sổ ra vườn rồi chạy xuống đường cái. Có ngựa rồi thì lập tức vượt núi mới kịp hừng đông.”

“Lỡ bọn chúng đuổi tới thì sao?” bố John lo lắng hỏi.

Jefferson nạp thêm đạn vào khẩu súng trường, hung tợn nở nụ cười. “Thì đành bắt vài tên làm con tin.”

John Ferrier đưa mắt nhìn quanh cơ ngơi một tay mình gây dựng suốt mười hai năm nay. Tiếc nuối chứ, nhiều là chẳng khác nhưng hạnh phúc của Lucy quan trọng hơn gấp trăm ngàn lần. Ông cẩn thận vác bị tiền vàng, Jefferson bận rộn với mấy túi lương thực, Lucy cũng đã soạn đủ tư trang. Cả ba rón rén trèo qua cửa sổ rồi khom lưng khuyu gối nhích từng bước về phía cánh đồng. Đường lớn đã ngay trước mắt, đột nhiên Jefferson túm lấy hai cha con rồi bỏ nhào vào một bụi cây.

Bao nhiêu năm săn bắn đã tôi luyện cho Jefferson thính giác nhạy bén như mèo rừng. Ba người vừa nấp kỹ liền nghe tiếng cú đêm từ đâu vọng đến, vài giây sau lại rú một tràng nữa như đang đáp lời. Rồi hai bóng người thình lình vụt ra, ngay khe rào ban nãy ba người định băng tới, hú thêm một tiếng điếc tai.

“Tối mai, đúng nửa đêm,” là giọng của kẻ cầm quyền. “Cú kêu ba tiếng.”

“Có cần báo với huynh trưởng Drebber không ạ?”

“Ừm. Báo hẳn truyền cho những người kia. Chín còn bảy!”

“Bảy còn năm!” Thống nhất xong mật hiệu, hai tên nhanh chóng tản ra hai ngã. Ba cha con bật dậy chạy thực mạng, Lucy bắt đầu đuổi sức nên Jefferson xóc lên công cho nhanh.

“Cố lên! Nhanh nữa mới kịp! Trễ một giây là chết chắc!”

Ra được đường cái, cả ba tăng tốc muốn hết hơi. Jefferson dẫn đầu rẽ vào con đường mòn băng tắt qua hẻm núi Đại Bàng. Lucy quyết định cười lừa, bố John ôm bị tiền vàng phóng lên lưng ngựa, Jefferson tiếp tục làm hoa tiêu phi nước đại lên sườn dốc.

Đường đi cực kỳ nguy hiểm, không có kinh nghiệm chắc chắn bỏ mạng như chơi. Một bên là vách núi dựng thẳng tắp cao hơn ba trăm thước nứt ngang nứt dọc, dưới chân lại lởm chởm sỏi đá to tướng không có lấy một đoạn phẳng phiu. Nhưng cả ba con người đều ngập tràn nhiệt huyết vì họ rõ hơn ai hết, mỗi bước tiến là một bước chạm đến tương lai và bỏ thật xa những kẻ giang manh, man rợ.

Chưa kịp vui mừng thì Lucy đột ngột hét lên. Một bóng người hắc ám đứng sừng sững giữa mỏm đá ngay trên đầu họ. “Ai đấy?”

“Bọn tôi đi Nevada,” Jefferson ghì chặt khẩu súng trường.

“Ai xuất lệnh?” hắn hỏi cộc lốc.

“Giáo chủ thánh giáo Mormon,” bố John gằn giọng.

“Chín còn bảy,” tên lính canh hô mật hiệu.

“Bảy còn năm,” Jefferson Hope đáp ngon lành.

“Thông qua. Chúa ban phước cho các ngươi.”

Đường rộng thênh thang, ngựa thỏa sức phi nước đại, không còn phải trốn chui trốn nhủi. Bóng dáng im lìm như tượng của tên lính gác ngày càng xa khuất. Đất Thánh man di đã bỏ lại sau lưng, trước mắt chỉ còn tương lai tự do tự tại.

CHƯƠNG V. Những thiên thần báo oán

Ba con người khốn khổ vật lộn trong đêm trường, không dám chớp mắt lấy một giây. Núi đồi ngày càng hiểm trở, đoạn nào cũng giống đoạn nào, suýt bị lạc những ba, bốn bận. May mà Jefferson khá quen đường đi nước bước, rốt cuộc cũng trụ được đến tờ mờ sáng.

Bốn bề là núi tuyết trùng trùng điệp điệp, trải dài đến tận chân trời. Những sườn dốc dựng đứng vây bủa con đường mòn, ngược lên liền thấy mây rặng thông già réo vang phần phật. Nhóm người vừa kịp phóng qua, một tảng đá to tướng liền nứt ra rồi rớt ầm xuống, dọa cả người và ngựa giật bắn cả mình.

Mặt trời nhú cao sau đỉnh núi hệt như chiếc đèn lồng trong mây lễ hội phương Đông. Thiên nhiên hùng tráng đã sưởi ấm những trái tim còn đang run rẩy vì sợ hãi. Ba người quyết định dừng chân bên dòng suối nhỏ để lót dạ. Jefferson biết hai bố con đã mệt nhọc nhưng tình thế vẫn còn vô cùng nguy hiểm, tuyệt đối không thể chủ quan. “Giờ này chắc bọn chúng đã phát hiện và phái người đuổi theo. Chậm là chết. Cố gắng đến Carson rồi bố con mình tha hồ nghỉ ngơi.”

Ba người lại vội vã lên đường. Ngựa chạy một mạch hơn năm mươi cây số đến tối mịt mới dám dừng chân. Mấy cha con nép vào một tảng đá chộp mắt cảm hơi nhưng vừa tờ mờ sáng đã lật đật thu gom hành trang tiếp tục lần trốn. Suốt quãng đường không có lấy một bóng dáng khả nghi, Jefferson dần buông lỏng. Xem ra họ đã thoát khỏi nanh vuốt của những con quỷ khoác lột thiên thần.

Trưa ngày thứ hai, lương thực dự trữ bắt đầu vơi bớt. Jefferson đưa bố con Lucy tránh vào một khe núi rồi nhanh nhẹn nhóm lửa xua bớt cái lạnh cắt thịt cắt da. Chàng trai buộc ngựa thật chặt, hôn tạm biệt Lucy rồi hăm hở vác súng đi săn. Rong ruổi suốt mấy tiếng đồng hồ không thấy tăm hơi con mồi nào, anh chàng chán nản định bỏ về thì cặp sừng to tướng lù lù trước mắt. Ngó thấy con thú hoang đứng lơ ngơ không chút dè chừng, Jefferson liền khuy người nhắm thật kỹ rồi nã đạn giòn tan. Con linh dương tội nghiệp lao đảo vài bước rồi sảy chân ngã phịch xuống. Giờ mà mang cả đồng này về chắc hết hơi, chàng thợ săn bèn xẻo lấy tảng thịt ngon nhất hăm hở vác lên vai. Rủi thay, do ban nãy quá nóng lòng, Jefferson đi lạc lúc nào không biết. Trời càng lúc càng tối nhưng mò mẫm mãi vẫn chưa thấy lối về, đoạn nào trông cũng y hệt nhau, anh lại chưa bao giờ đi sâu vào khu vực này. Dù sắp gục đến nơi nhưng cứ nghĩ đến bố con Lucy đang nóng lòng chờ đợi, cậu trai trẻ lại hốt hải bước tiếp.

Rốt cuộc cũng tìm được đúng đường, Jefferson chụm tay thành cái loa nhỏ hô một tiếng báo bình an nhưng vài phút sau vẫn chưa nghe đáp lại. Chàng trai hô thêm tiếng nữa nhưng bốn bề chỉ vọng lại thanh âm của chính mình. Tim đập thình thịch như gõ trống, Jefferson vút phịch tảng thịt tươi rồi phóng như bay về khe núi khuất sau vách đá.

Bụi than dưới đất vẫn còn ấm nhưng cả người lẫn ngựa đều không thấy tăm hơi. Chung quanh lặng ngắt như tờ, không hề có dấu vết kháng cự hay xô xát. Anh vừa đi vài tiếng, rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì?

Đầu óc anh hỗn loạn, phải tỳ vào súng mới không ngã gục xuống đồng củi khô. Nhưng Jefferson không phải loại ủy mị chỉ biết than thân trách phận, anh tự tát tỉnh mình rồi hí hục nhóm lửa hồng tìm chút manh mối. Trên đất vẫn lờ mờ vết hằn của vó ngựa cùng nhiều dấu giày nam kích cỡ khác nhau phi ngược về

hướng thành phố. Là lũ Mormon à? Anh đang cầu trời cho hai bố con bình an vô sự thì thấy tháp thoáng đằng xa một ụ đất đỏ bầm. Không sai, là một ngôi mộ vừa mới đắp, bên trên cắm một cọc gỗ khắc nham nhờ dòng chữ ‘JOHN FERRIER - Từ trần ngày 4 tháng 8 năm 1860’.

Jefferson điên dại chạy vòng quanh nhưng may thay không còn mộ phần nào nữa. Vậy là bọn chúng đã bắt Lucy rồi! Nghĩ đến cảnh tượng thiếu nữ yêu kiều như đóa hoa mà anh hết mực yêu thương bị ép gả cho mấy tên cuồng giáo, Jefferson muốn tự tay đào cái hố cạnh mộ bác John rồi nhảy luôn xuống cho xong.

Nhưng chàng trai gan góc một lần nữa không chịu đầu hàng nghịch cảnh. Anh đã tìm được mục tiêu mới cho quãng đời còn lại của mình: trả thù. Gom góp hết thảy kiên cường và oán hận, anh thề với trời đất, với vong linh của bố John sẽ tự tay kết liễu đám súc vật kia. Người thanh niên lầm lũi nhặt về tảng thịt, hì hục nhóm lửa rồi cắm đầu nhai ngấu nghiến. Mặc cho thân thể kiệt quệ kêu gào, anh xông xáo nện từng bước nặng nề xuống đoạn đường báo oán.

Suốt năm ngày trèo đèo lội suối, chân căng anh sưng tấy cả lên. Mỗi đêm anh chỉ chợp mắt vài tiếng ngắn ngủi, trời còn chưa rạng đã vội vã lên đường. Sáng ngày thứ sáu đã về tới hẻm núi Đại Bàng định mệnh. Bao nhiêu sức lực gần như cạn kiệt, Jefferson mệt nhoài tựa vào khẩu súng trường, căng mắt nhìn xuống làng mạc dưới chân. Người ta treo đèn kết hoa dọc các nẻo đường, chắc đang tổ chức hội hè gì đấy. Đột nhiên có tiếng vó ngựa phi thẳng đến chỗ anh, là một giáo dân tên Cowper, từng giao thương với anh vài bận. Jefferson lập tức túm cổ người ta hỏi thăm tin tức của Lucy.

“Còn nhớ tôi không? Jefferson Hope đây.”

Cũng không trách người kia được, chàng trai lịch sự, bảnh bao hôm nào giờ đây nhem nhuốc, rách rưới như gã ăn xin, mặt mày thì dữ tợn như muốn băm vằm cả thế giới. Mãi một lúc Cowper mới nhận ra, liền hốt hoảng gào lên.

“Cậu còn dám mò về, muốn chết sao? Có lệnh truy nã cậu kìa! Khi không lôi kéo nhà Ferrier bỏ trốn làm gì? Mau chạy đi. Có người trông thấy là chết cả lũ.”

“Kệ xác bọn chúng! Cho tôi hỏi mấy câu thôi. Làm ơn đi Cowper. Nể tình chúng ta quen biết lâu nay.”

“Thật là! Hỏi nhanh đi, tai mắt khắp nơi đấy.”

“Lucy sao rồi?”

“Hôm qua đã thành hôn với Drebber. Bình tĩnh Jefferson! Jefferson!!”

Chàng trai gục xuống tại chỗ, mãi một lúc sau mới gằn từng tiếng.

“Thành hôn rồi?”

“Mới tới qua. Âm ỉ lắm. Thằng Stangerson bảo chính nó giết chết bác John nên Lucy phải gả cho nó. Thằng Drebber liền lôi gia phả ra kể công, cuối cùng Giáo chủ phán nó thắng. Mà có cưới thằng nào, Lucy cũng xong đời. Trông cô ấy như cái xác không hồn, chắc không cảm cự lâu đâu. Này, cậu định đi đâu đấy?”

“Mặc tôi.” Hai con người Jefferson như bùng cháy. Anh chớp lấy súng chạy thẳng vào rừng.

Cowper đoán không sai. Chúng kiến phụ thân bị hạ sát ngay trước mắt, lại còn bị ép cưới một gã súc sinh, đóa hoa Utah ngày càng héo úa. Chưa đầy một tháng, nàng đã đau đớn trút hơi thở cuối cùng. Gã chồng khốn kiếp chỉ nhằm nhe khối tài sản kếch xù của ông bố vợ hiển nhiên không rơi một giọt nước mắt, chỉ có bốn bà thiếp xót thương cho phần số ngắn ngủi của nàng. Trước hôm mai táng, họ thức suốt đêm để tiễn đưa cô. Họ đang thù người bên đồng lửa, dùng một cái cửa chính bị đập bay, một kẻ bậm trợn từ đâu xông thẳng vào, lê bước tới cạnh thi thể lạnh ngắt của Lucy, âu yếm hôn lên trán cô rồi thận trọng cầm lấy đôi tay ngà ngọc, tháo phăng chiếc nhẫn cưới lấp lánh ánh vàng, gầm từng tiếng rồi luyến tiếc bỏ đi. “Đừng hòng chôn chung thứ này với em ấy.” Chóng vánh đến mức không ai hiểu mô tê gì.

Suốt mấy tháng trời Jefferson nấu mình trong những khe núi, sống lang bạt như thú hoang, không giây phút nào nguôi ngoai ý định báo thù. Dân chúng trong vùng bắt đầu kháo nhau về một gã ‘người rừng’ đang rình rập quanh thành phố. Một đêm nọ, Stangerson đang ngồi trong nhà thì bị suýt đạn, suýt nữa đã về chầu Chúa. Vài ngày sau lại đến lượt Drebber suýt bị đá tảng nện trúng đầu. Hai gã điên tiết lửa người vào núi bắt bớ nhưng lần nào cũng phải về tay không. Kể từ đó, chúng đi đến đâu cũng có cận vệ hộ tống, vũ trang nhà cửa kiên cố như pháo đài. Bằng đi một thời gian không có động tĩnh, chúng yên chí bảo nhau: tên điên đó chắc đã nguôi ngoai rồi.

Nằm mơ!

Chưa một giây phút nào Jefferson quên được hai bố con Lucy nhưng anh rõ hơn ai hết, với thân xác kiệt quệ này, cố đấm ăn xôi không phải là thượng sách. Giờ mà anh lăn ra chết, mối thù nhà Ferrier ai sẽ trả hộ đây? Trò chơi vẫn còn dài lắm. Anh cố gắng vực dậy tinh thần rồi về lại Nevada tĩnh dưỡng và gom góp tiền bạc.

Jefferson vốn định ở lại một năm nhưng người tính không bằng trời tính, lúc anh rời Nevada đã là năm năm sau. Nhưng ký ức về những ngày xưa cũ một chút cũng không phai mờ, thù hận vẫn tràn căng trong lồng ngực hết như cái đêm anh quỳ trước mộ bố John. Anh đã sớm thay tên đổi họ, sẵn sàng về lại thành phố quỷ dữ để báo oán. Hóa ra mấy tháng trước, vài gã thanh niên đã hợp sức lật đổ giáo chủ rồi ly khai khỏi Utah, hai trong số đó là Stangerson và Drebber. Nghe đâu tên Drebber gom được một mớ tiền vàng nên sống sung túc lắm còn gã Stangerson lại rơi vào cảnh thất thế sa cơ.

Nếu là người khác, dai dẳng bao nhiêu năm như vậy, hẳn đã muốn gác lại hận thù nhưng Jefferson Hope tuyệt đối không bỏ cuộc. Cầm trong tay mớ tiền ít ỏi, anh rong ruổi khắp nước Mỹ để truy dấu kẻ thù. Năm dài tháng rộng, mái đầu xanh đã ngả hoa râm nhưng hờn căm một chút cũng không sút mẻ. Rốt cuộc ông trời cũng cảm động cho anh cơ hội đối mặt với cựu thù. Trong một lần xuôi ngược, Jefferson tình cờ bắt gặp hai tên khốn nạn đang nhón nhơ trong một cửa tiệm ở Cleveland, bang Ohio. Anh khấp khởi chạy về phòng trọ tính toán đường đi nước bước nhưng đáng tiếc, lúc này Drebber đã sớm nhận ra. Hắn đợi anh đi

khuất mới đánh động Stangerson - lúc này đã hạ mình làm trợ lý - giăng một mẻ lưới tóm gọn con người khôn khổ. Tối hôm đó, kẻ lang thang Jefferson Hope không một mảnh giấy tùy thân bị cảnh sát gô cổ về đồn. Lúc anh được thả đã là mấy tuần sau, hai thằng khôn đã trốn sang châu Âu biệt tích.

Jefferson còng trào sôi căm phẫn, quần quật làm thuê chắt mót từng đồng, một thời gian ngắn đã sang được Âu châu. Anh vừa nai lưng kiếm sống vừa theo dõi tung tích bọn mặt hạng. St. Petersburg không thấy thì chạy tới Paris, rồi lại lặn lội sang tận Copenhagen, Đan Mạch. Rốt cuộc cũng tìm được chúng trong bốn triệu người tấp nập giữa thành London.

CHƯƠNG VI. Dòng hồi tưởng của bác sĩ Watson

Phạm nhân điên cuồng giãy giụa nhưng không cố ý làm hại bất kỳ ai. Biết mình là cá đã nằm trên thớt, anh ta chỉ mỉm cười chua chát, còn áy náy sợ chúng tôi bị thương. “Giờ về đồn ă? Xe tôi đỗ bên dưới. Các ngài tháo bớt giùm, tôi tự xuống cho tiện. Nặng lắm, vác không nổi đâu.”

Gregson và Lestrade còn đang ái ngại nhìn nhau thì Sherlock Holmes đã nhanh chóng nói lỏng cái khăn quấn quanh chân can phạm. Người đàn ông loạng choạng đứng dậy, vịn mình vài cái như đang ở nhà. Tôi lăm bằm ông bạn này ăn gì mà vạm vỡ quá, mình đồng da sắt chứ chẳng chơi. Nước da nâu giòn càng tô đậm nét quyết đoán và cương trực hiếm thấy.

“Ngài đây không làm cảnh trưởng thì phí quá,” anh ta nhìn Holmes khâm phục. “Phá án như thần.”

“Hai vị theo xe luôn đi,” Holmes quay sang hai viên cảnh sát ‘thứ thiệt’.

“Để tôi đánh xe cho,” Lestrade xung phong.

“Tốt. Thanh tra Gregson ngồi sau với tôi. Bác sĩ đã theo thì nên theo cho trót.”

Tôi gật đầu lia lịa.

Phạm nhân không hề có ý định đào tẩu, còn thông thả dẫn đường. Lestrade phi một mạch về thẳng Scotland Yard. Điều tra viên mặt lạnh như tiền hỏi tên tuổi và thông tin sơ bộ của hai vụ án rồi máy móc ghi ghi chép chép. “Phiên sơ thẩm sẽ xử trong tuần này. Ông có gì muốn nói không? Ông có quyền giữ im lặng vì mỗi lời ông nói ra đều có thể trở thành bằng chứng chống lại ông trước tòa.”

“Tôi muốn khai toàn bộ. Ngay bây giờ.” Phạm nhân khẩn thiết đề nghị.

“Ông có quyền giữ im lặng tới lúc ra tòa,” vẫn là giọng điệu đều đều rập khuôn.

“Không kịp mất. Đừng lo, tôi không tự sát chạy tội đâu. Ngài là Bác sĩ đúng không?” Anh ta nghiêm túc nhìn tôi.

“Đúng thế.”

“Vậy phiên ngài rồi,” người đàn ông mỉm cười, bắt lấy tay tôi đặt lên lồng ngực anh ta.

Tim đập dồn dập như gõ trống. Lớp da thịt phủ ngoài như muốn nứt toác bởi sức công phá dữ dội của đầu máy bên trong. Văn phòng tĩnh lặng càng làm tiếng rền vọng vang thình thịch.

“Anh bị phình động mạch chủ à?” tôi kinh ngạc hỏi.

“Vâng,” anh ta bình thản đáp. “Bác sĩ bảo gượng được vài ngày nữa thôi. Tôi phát bệnh lâu rồi, hồi còn bươn chải ở Utah. Mấy năm nay bắt đầu trở nặng. Đại sự đã thành, giờ có chết tôi cũng không hối tiếc. Chỉ sợ người đời không rõ sự tình lại nguyên rửa tôi là thằng sát nhân máu lạnh, oan ức lắm.”

Ba vị quan chức nhà nước chụm đầu hội ý rồi quay sang xác nhận với tôi.

“Thật sự nguy hiểm đến tính mạng sao Bác sĩ?”

“Tôi chắc chắn.”

“Trong trường hợp này, để đảm bảo việc thực thi công lý, chúng tôi sẽ tiến hành lấy lời khai,” điều tra viên nói như đọc bài. “Ông được phép khai. Tôi có nhiệm vụ phải ghi chép lại.”

“Cảm phiền cho tôi ngồi xuống. Vật lộn này giờ tim tôi mệt quá. Người sắp chết chỉ nói lời ngay. Tôi cam đoan từng câu từng chữ tôi sắp nói sau đây hoàn toàn là sự thật. Tôi chấp nhận mọi mức án ban ra.”

Jefferson Hope tựa lưng vào ghế, bắt đầu kể rõ ngọn nguồn bằng chất giọng điềm tĩnh lạ lùng, như thể anh ta chỉ là người thứ ba thuật lại một mẩu chuyện thường nhật mình tình cờ trông thấy. Thanh tra Lestrade hí hoáy ghi không sót một chữ, còn tử tế cho tôi mượn để nghiên cứu thêm.

“Tôi biết nhà nước không can dự mấy chuyện thù ghét cá nhân nhưng nếu xét theo luật pháp, hai tên đó vẫn phạm trọng tội: cố sát bố con nhà Ferrier. Nợ máu phải trả bằng máu nhưng bao nhiêu năm rồi, lại không có nhân chứng vật chứng, tòa nào nhận xử đây? Chỉ một mình tôi biết rõ nhất từ đầu đến cuối. Tôi quyết định tự phong mình là quan tòa, bồi thẩm đoàn và người hành quyết hai con quỷ dữ đó. Nếu các ngài có lương tâm, thử đặt mình vào vị trí của tôi, chắc hẳn các ngài cũng sẽ làm vậy.

“Hai mươi năm trước, tôi và cô con gái nhà Ferrier đã yêu nhau và dự định kết hôn. Nhưng đến phút cuối cô ấy lại bị ép gả cho tên Drebber rồi phần uất quá mà chết. Trước đêm an táng, tôi đã tháo chiếc nhẫn cưới kinh tởm khỏi tay nàng và thề sẽ dí thẳng nó vào mặt tên khốn kia trước lúc hấn lìa đời. Tôi đã mang theo nó băng qua hai châu lục mới bắt được hai đứa súc sinh. Chính tay tôi đã kết liễu chúng. Thù đã rửa xong, sống chết với tôi không còn quan trọng nữa.

“Bọn chúng rất giàu còn tôi lại nghèo kiết xác, theo đến tận đây thật chẳng dễ dàng gì. Tới được London, túi tôi không còn một cắc. Rong ruổi lâu nay, tôi lên ngựa xuống xe còn nhiều hơn đi bộ, bèn tới hãng vận tải xin một chân phu. Không dư dả được bao nhiêu nhưng chắt chiu tằn tiện cũng đủ sống qua ngày.

Khổ cái đường phố bên này chẳng chít quá, tôi phải đánh dấu sẵn trên bản đồ mấy nhà ga, bến tàu rồi khách sạn nổi tiếng, lúc nào cũng mang theo kè kè.

“Tôi tìm khá lâu mới ra chỗ trọ của hai tên kia. Mấy năm nay tôi cố tình nuôi râu để bọn chúng không nhận ra. Ngày nào tôi cũng bám theo, chờ thời cơ thích hợp để xuống tay nên chỉ chờ được vài khách lúc sáng sớm và tối muộn. Ông chủ hay cần nhân nhưng tôi không quan tâm.

“Hai tên này thận trọng lắm, đi đâu cũng kè kè, suốt hai tuần bám đuôi chưa lần nào tôi thấy chúng tách ra. Thăng Drebber là con sâu rọu nhưng Stangerson lại rất cảnh giác. Tôi có linh tính thời cơ sắp đến rồi, chỉ sợ trái tim này đợi không nổi nữa.

“Đêm mùng 3, tôi chở khách lên khu Camberwell thì trông thấy chúng khuôn hành lý ra xe. Bọn chúng mà rời Anh là lớn chuyện. Tôi đuổi đến ga Euston thì nghe bảo vệ thông báo tàu đi Liverpool vừa mới khởi hành, phải chờ vài tiếng nữa mới có chuyến khác. Stangerson bực dọc ra mặt còn Drebber hí hửng lắm. Tôi liếc mạng tiến thêm vài bước để nghe cho rõ thì gã Drebber bảo có việc cần làm, dặn tên đồng bọn thuê tạm chỗ nào đợi hắn. Stangerson khẳng khẳng đòi đi theo thì thăng khốn kia nổi điên, chửi rủa om sòm ‘Mày chỉ là thằng đầy tớ. Muốn chết hay sao mà dám bảo tao phải thế này thế nọ’. Stangerson tức tối nhưng không dám cãi, chỉ hạ giọng hẹn tay chủ nếu lỡ tàu thì gặp nhau ở khách sạn Halliday. Drebber quả quyết sẽ về trước mười một giờ rồi quay lưng đi mất.

“Thời cơ đã tới! Một chọi hai tôi kham không nổi chứ một đấu một thì dư sức. Trước giờ tôi chưa hề giấu giếm ý định trả thù. Bọn chúng phải biết vì sao mình đáng chết và ai là người ban chết cho chúng. Chứ giết khơi khơi thì còn nghĩa lý gì? Trời cao có mắt, mấy tuần trước cậu bảo an khu Lauriston Gardens đánh rơi chùm chìa khóa trên xe tôi. Tôi liền mang đi sao một bộ phòng khi dùng đến. Ai ngờ có dịp dùng thật nhưng nghĩ mãi không ra phải dụ Drebber tới đó kiểu gì.

“Hắn ta la cà quán xá hơn nửa giờ rồi bắt xe vòng về khu Camberwell. Tôi sinh nghi nhưng vẫn bám theo sát nút, đổ cách nhà trọ Charpentier khoảng trăm thước. Làm ơn cho tôi cốc nước, khô cổ quá rồi.”

Tôi thuận tay đưa qua, phạm nhân một hơi nốc cạn.

“Cám ơn Bác sĩ. Chưa đến nửa giờ đã có tiếng xô xát rồi Drebber và một cậu trẻ tuổi tông cửa xông ra. Cậu ta nắm cổ áo thằng khốn đó tẩn một trận rồi nhổ vào mặt hắn. ‘Thằng chó! Xem mày còn dám trêu ghẹo gái nhà lành nữa không?’ Cậu ta định phang thêm mấy gậy nhưng Drebber đã kịp tẩu thoát. Hắn bỏ nhào tới góc đường, không thèm nhìn đến mặt tôi đã nhảy phốc lên xe rồi hét ‘Khách sạn Halliday’.”

“Hắn yên vị rồi mà tim tôi vẫn đập thình thịch. Tôi cố ý giảm tốc để câu giờ, đang định tấp bừa vào đoạn nào vắng vẻ thì hắn thình lình hỏi quanh đây có quán rượu nào không. Trước khi vào còn dặn tôi phải đợi. Nhậu chán chê đến khi quán người ta đóng cửa hắn mới lảo đảo bước ra, say đến không biết trời đất. Trò hay chính thức bắt đầu.

“Xuống tay ngay lúc đó là tiện nhất nhưng đời nào tôi để hắn chết dễ dàng như vậy. Hồi còn ở Mỹ, tôi từng dọn vệ sinh trong khu thí nghiệm của một trường đại học. Có lần giáo sư giảng về alkaloid gì đấy, ông ta bảo một lượng cực nhỏ là đủ chết người. Tôi cố nhớ vị trí cái lọ, đợi mọi người về hết liền chạy tới trộm một ít, đủ bơm đầy hai viên con nhộng. Tôi còn chuẩn bị hai viên y hệt nhưng không có độc rồi chia đều bốn viên vào hai cái hộp nhỏ, lúc nào cũng mang theo bên mình. Khi đối mặt với kẻ thù, tôi sẽ ép mỗi đứa uống một viên.

“Gần một giờ sáng trời bắt đầu mưa. Nếu các ngài ước ao điều gì suốt hai mươi mấy năm ròng, dùng một phút nắm được nó trong tay thì sẽ hiểu tâm trạng tôi lúc đó. Tôi muốn hét thật to cho hả dạ! Lucy và bố John cũng về chung vui, còn ngồi cạnh tôi suốt dọc đường xuống phố Brixton.

“Xung quanh vắng tanh không một bóng người, chỉ có tiếng mưa rơi đồm độp. Thằng Drebber ngủ say như chết, tôi lay mãi nó mới lè mề ngồi dậy.

“Chắc nó tưởng đã tới khách sạn nên loạng choạng đi vào. Mấy lần suýt ngã, tôi phải theo kè một bên. Bố con Lucy vẫn đi trước dẫn đường.

“‘Tôi thui vậy,’ nó lè nhè.

“‘Sáng ngay đây,’ tôi chậm rãi đốt nến. ‘Enoch Drebber, mở to con mắt ra xem tao là ai?’

“Thằng khốn mơ màng vài giây rồi bừng tỉnh, mặt cắt không còn giọt máu. Nó hoảng loạn lùi sát mép tường, tay chân run bần bật. Tôi tựa vào cửa cười ngặt nghẽo, sẵn khoải không cách nào tả được. Thì ra cảm giác trả được thù lại sung sướng cực độ thế này, tôi nghe kể lâu rồi, giờ mới chân chính nếm trải.

“‘Chó đẻ! Tao để mày sống từ Utah tới tận St. Petersburg. Giờ thì chạy đằng trời.’ Nó quẩn quéo hết cả lên, như thể tôi là thằng mất trí. Không sai, tim tôi lúc đó nện thình thịch như búa tạ, thần kinh cũng căng đét như dây đàn, phải phun một chập máu mũi mới hạ nhiệt bớt.

“‘Mày có nghĩ cho Lucy không hả?’ tôi gào lên rồi nhào tới chốt cửa, hươu chìa khóa trước mặt hẳn để trên người. ‘Quả báo tới muộn nên mày nghĩ không có chứ gì?’ Thằng khốn đó định mở miệng xin tha nhưng nó biết quá rõ câu trả lời nên im bặt.

“‘Mày... mày dám mưu sát tao sao?’ Chết tới nơi mà còn lớn lối.

“‘Mưu sát? Ai rảnh mà đi mưu sát một con chó đại? Mày đâu phải con người? Có con người nào mới giết xong bố đã bức cười con gái người ta? Súc sinh!’

“‘Tao đâu có giết cha con ông,’ nó chối bay biến.

“‘Mày không cầm súng cầm dao nhưng chính mày đã hủy hoại cuộc đời em ấy,’ tôi hét từng tiếng rồi ném hộp thuốc vào mặt nó. ‘Một viên có độc, một viên không. Tự chọn rồi uống ngay đi. Lập tức! Để tao xem ông trời có mắt không?’

“Thằng mất dạy đó quỳ sụp xuống xin tha mạng. Tôi không nhiều lời kẻ dao sát cổ, nó vừa uống vừa khóc ròng. Tôi cũng nuốt viên còn lại. Bốn mắt trừng nhau vài phút, tôi đang tự hỏi thật sự trên đời có công lý không thì thằng chó kia bắt đầu quần quai. Suốt đời này tôi cũng không quên được khuôn mặt vằn vẹo đó. Tôi ngửa cổ cười ha hả, rút trong túi ra chiếc nhẫn cưới của Lucy dí ngay mặt

nó. Giáo sư nói không sai, chất độc phát tán nhanh cực kỳ. Mặt nó rúm ró cả lại, toàn thân quần quai, co giật liên hồi. Nó hét một tiếng thảm thiết rồi ngã vật xuống sàn. Tôi đập ngửa nó ra kiểm tra. Tim ngừng đập. Nó chết rồi!

“Máu mũi tuôn như suối nhưng tôi chẳng quan tâm. Vui quá nên tôi nảy ra ý tưởng chơi khăm cảnh sát, quệt ít máu viết chữ *Rache* lên tường. Hồi ở New York có một ông người Đức bị giết, hung thủ để lại mỗi chữ *Rache*. Rùm beng lắm. Tôi nghĩ cảnh sát Mỹ đã bó tay thì Scotland Yard cũng phải cho chìm xuống. Xong xuôi hết, tôi khắp khởi đánh xe đi. Được một quãng thì vô thức lần tay vào túi tìm chiếc nhẫn. Không thấy! Dù không phải tôi tặng nhưng nó là vật duy nhất của Lucy. Tôi liều mạng chạy ngược về hiện trường thì đã muộn, cảnh sát đã phát hiện ra. Tôi phải giả say qua mặt anh ta rồi lủi mất.

“Enoch Drebber xong đời thì tới lượt Stangerson. Tôi đỡ trước khách sạn Halliday cả ngày nhưng cá không cắn câu. Thằng đó gian manh lắm, Drebber không tới chắc hẳn sinh nghi rồi. Tưởng trốn biệt trong đó thì tôi bó tay chắc? Tôi đi một vòng liền dò ra số phòng của nó, mé ngoài có cửa sổ, ngay dưới chân tường còn bày sẵn một cái thang. Sáng sớm hôm sau tôi trèo vào tuyên án tử. Tôi kể tường tận thằng Drebber đã chết thế nào rồi đưa hộp thuốc cho nó chọn. Ai ngờ nó nhào tới định bóp cổ tôi, tôi buộc phải đâm một dao để tự vệ. Mà dù nó chịu an phận uống thuốc như Drebber, kết cục vẫn phải chết thôi. Ông trời có mắt mà.

“Đại sự đã thành, tôi định đánh xe thêm thời gian nữa, dành dụm đủ tiền sẽ về lại quê hương. Đang loay hoay lau dọn thì một thằng nhỏ chạy tới báo có khách đợi rước ở số 221B, phố Baker. Tôi thăm dò một vòng không thấy khả nghi nên mới vào, ngờ đâu bị ngài đây còng tay tại chỗ. Tôi khai xong rồi. Các ngài kết án thế nào thì tùy, riêng tôi vẫn tin rằng mình là người thực thi công lý chứ không phải quân sát nhân máu lạnh.”

Câu chuyện quá mức kịch tính, lại thêm biểu cảm của người kể cực kỳ nhập tâm, chúng tôi chăm chú lắng nghe từ đầu đến cuối. Hung thủ đã khai xong mà cả nhóm vẫn miên man, chẳng ai thèm nhúc nhích. Nếu không có tiếng bút chì sột soạt của Lestrade, e bọn tôi sẽ thù người tới nửa đêm.

“Tôi muốn hỏi một câu,” Sherlock Holmes rớt cuộc cũng lên tiếng. “Gã đồng phạm thay anh tới lấy chiếc nhẫn là ai?”

Phạm nhân nghịch ngợm nháy mắt. “Xin lỗi nhé, tôi không thể để bạn mình bị liên lụy. Lúc đọc tin nhắn của ngài, tôi linh tính có âm mưu đằng sau nhưng vẫn muốn liều một chuyến. Cậu ấy xung phong đi thay. Được việc đấy chứ?”

“Không tồi.”

Điều tra viên lại trình trọng tuyên bố. “Tôi đã lấy xong lời khai. Thứ Năm tuần này xử phiên sơ thẩm. Tất cả các ngài sẽ phải ra tòa trình diện. Từ giờ đến đó, hung thủ sẽ bị tạm giam.” Nói rồi anh ta máy móc lắc chuông, hai viên cai ngục lập tức xuất hiện đưa Jefferson Hope vào buồng giam. Tôi và Holmes cũng lục tục đón xe về lại phố Baker.

CHƯƠNG CUỐI.

Phiên tòa sáng thứ Năm bị hoãn vô thời hạn. Vị Thẩm phán Tối thượng của tòa án lương tâm đã tuyên phán quyết cuối cùng cho Jefferson. Ngay trong đêm bị bắt về đồn, bệnh tình của anh ta đã âm thầm tái phát, mãi sáng hôm sau cai ngục mới phát hiện. Người tù nằm ngửa trên sàn, khỏe môi hằn nguyên nụ cười mãn nguyện vì đã hoàn thành mục tiêu lớn lao nhất đời mình.

“Gregson và Lestrade sẽ tức chết cho xem,” Holmes châm biếm. “Không ra tòa thì khoe với ai được?”

“Hai người đó đâu có công cán gì,” tôi thắc mắc.

“Công cán hay không không quan trọng,” giọng cậu ta chua chát. “Quan trọng là phải biết dùng mảnh khỏe khiến người ta sái cổ mà tin. Thôi kệ, phá được án là tốt rồi. Bỏ qua vụ này chắc tôi tiếc lắm. Tuy chẳng có gì phức tạp nhưng khá hữu ích cho công việc sau này.”

“Chẳng có gì phức tạp?” tôi sững sốt.

“Chứ sao?” Holmes lại cười khẩy. “Anh cũng thấy mà, tôi chỉ cần ba ngày và ít phép suy luận cơ bản đã bắt được hung thủ, không cần nhờ vả bất cứ ai.”

“Cũng phải.”

“Tôi đã nói từ đầu, mấy tình tiết ly kỳ đó chẳng có gì ghê gớm cả, còn giúp tôi phá án nhanh hơn. Gặp mấy vụ kiểu này, cứ tư duy ngược là ra hết, vừa đơn giản lại hiệu quả nhưng mọi người thường bỏ qua. Tôi cá trong năm mươi người biết phép quy nạp, chắc mỗi một người dùng được phép diễn dịch.”

“Dừng! Cậu cười thì tôi chịu chứ phép quy nạp rồi diễn dịch, rồi tư duy xuôi ngược là cái gì nữa vậy? Lùng bùng hết lỗ tai.”

“Nhìn mặt anh là hiểu. Thế này nhé, bình thường khi nghe người khác liệt kê một loạt tình tiết, ta sẽ xâu chuỗi lại tất cả rồi đưa đến kết luận cuối cùng - đó là phép tư duy thuận hay ‘quy nạp’. Còn ‘diễn dịch’ là nghe trước kết quả rồi dùng tư duy logic của mình suy ngược lại nguyên nhân ban đầu. Từng bước, từng bước một. Rất ít người có được khả năng đó.”

“Ra vậy.”

“Vụ này cũng thế, chúng ta chỉ được biết kết quả cuối cùng khi án mạng đã diễn ra. Tôi đã suy ngược như sau:

“Bước đầu tiên - giám định hiện trường. Tôi đi bộ tới căn nhà đó, không lập trước bất cứ giả thiết nào. Tôi kiểm tra đoạn đường tỉ mỉ và cũng từng giải thích với anh bằng chứng cho thấy chiếc xe xuất hiện trong thời gian gây án. Rất dễ nhận biết nó là xe kéo thuê vì khoảng cách giữa hai bánh hẹp hơn hẳn xe nhà.

“Tiếp theo, tôi cố tình đi thật chậm quanh vườn. Chắc anh chỉ thấy dấu giày nào cũng giống hệt nhau nhưng tôi liếc qua liền phân biệt ngay tức khắc. Giám định dấu chân là căn cốt của ngành pháp chứng, tôi từng mất không ít thời gian nghiên cứu nhưng cảnh sát lúc nào cũng ngó lơ. Bên dưới dấu giày của bọn họ vẫn còn hai vết khác, chứng minh có hai người từng đến đó trước khi hiện

trường bị phong tỏa. Một người rất cao lớn - sải chân rất dài, một người ăn vận thời thượng - nhìn kiêu dáng để giày là biết.

“Vào bên trong càng thấy rõ hơn. Người phục sức sang trọng đang nằm dưới sàn. Nếu vụ này là án mạng, gã cao lớn kia chắc chắn là hung thủ. Trên người nạn nhân không có vết thương nhưng nét mặt rất hoảng loạn, chắc đã bị tra tấn tinh thần. Hơn nữa nếu đột tử hoặc bị suy tim, cơ thể người chết sẽ không rúm ró đến vậy. Tôi bèn ngửi môi anh ta thì phát hiện mùi chua, rõ ràng đã bị đầu độc, đúng hơn là bị ép uống thuốc độc. Một khi loại trừ tất cả khả năng không hợp lý, phương án cuối cùng chắc chắn là sự thật. Mà thủ đoạn này không hề hiếm, từng có mấy vụ tương tự ở Odessa và Montpellier.

“Bước thứ hai - động cơ gây án. Ví tiền và tư trang của nạn nhân vẫn y nguyên, hiển nhiên không phải cướp giết. Chỉ còn hai khả năng: thù hằn băng đảng hoặc có dính dáng tới phụ nữ. Bọn sát thủ chuyên nghiệp thường xuống tay nhanh gọn rồi lập tức tẩu thoát nhưng tên hung thủ này lại thành thoi đi tới đi lui. Rồi Lestrade phát hiện chữ *Rache* trên tường và quan trọng nhất là chiếc nhẫn cưới, tôi chắc chắn là phương án thứ hai - hận tình. Kẻ giết người hắn đã dùng chiếc nhẫn để dẫn văt nạn nhân về một người phụ nữ đã khuất hoặc vắng mặt. Còn nhớ tôi từng hỏi Gregson về bức điện gửi cảnh sát Cleveland không?

“Tôi tiếp tục rà soát căn phòng, chốt lại chiều cao của nạn nhân, thu thập thêm mẫu xỉ gà Trichinopoly và chỉ tiết móng tay dài. Không có dấu hiệu xô xát, máu trên sàn là do hung thủ phấn khích quá mà sung huyết. Vết máu rỉ song song với dấu chân của hắn. Tên này hắn phải có vấn đề nghiêm trọng về tim mạch, vóc người lực lưỡng, mặt mũi đỏ au.

“Vừa rời khỏi hiện trường, tôi đánh điện ngay cho sở cảnh sát Cleveland hỏi về đời tư của Enoch Drebbler. Họ bảo Drebbler từng đệ đơn thưa một gã tình địch cũ tên Jefferson Hope âm mưu ám sát hắn, còn cho biết người đó đã xuất cảnh sang châu Âu. Tất cả manh mối đã có đủ, chỉ việc giăng lưới tóm cổ thủ phạm thôi.

“Tôi nhớ anh từng hỏi nếu họ thuê xe, tính cả bác phu là có tận ba người ở hiện trường. Sai bét! Người đánh xe và hung thủ là một. Dấu móng cho thấy lúc án

mạng diễn ra, con ngựa bị thả lang bên ngoài. Bác tài còn chạy đi đâu được chứ? Chỉ có thể đang giằng co với nạn nhân trong phòng. Hung thủ có to gan cách mấy cũng không dám giết người khi bên ngoài có kẻ thứ ba. Hơn nữa nếu hành nghề đánh xe, hẳn có thể dễ dàng theo dõi bất kỳ ai mà không bị nghi ngờ. Vậy là tôi có được danh tính của can phạm: Jefferson Hope, phu xe, nội thành London.

“Gây án xong sợ bị nghi ngờ, tên đó sẽ không dám đột ngột bỏ việc. Hẳn cũng không phải người ở đây, chẳng cần thay tên đổi họ làm gì. Tôi đã cử Tổ trọng án phó Baker rà hết các bãi xe trong thành phố, kết quả anh cũng thấy rồi. Vụ Stangerson thì ngoài dự kiến nên không thể ngăn chặn. Nhưng nhờ vậy tôi mới xác minh được mấy viên thuốc. Toàn bộ chuỗi suy luận là thế, mọi mắc xích đều tron tru.”

“Thần kỳ!” tôi tròn mắt thán phục. “Cậu mới là người có công lớn nhất trong vụ này. Phải đăng báo cho cả nước biết mới được. Cậu bận thì để tôi viết giúp cho!”

“Anh thích làm gì thì làm,” Holmes tỏ vẻ không quan tâm. “Nhìn này!” Cậu ta lại quăng bộp cho tôi tờ báo.

Tờ Tiếng vọng ngày nay đã kịp đăng tin.

“Công chúng vừa bỏ lỡ một kỳ án rung động nhất thế kỷ - vụ thảm sát hai công dân Mỹ Enoch Drebber và Joseph Stangerson. Đáng tiếc là kẻ giết người đã đột tử trước phiên sơ thẩm. Cảnh sát không công bố bản án chi tiết nhưng một nguồn tin thân cận cho hay động cơ chính là mâu thuẫn tình cảm. Hai nạn nhân thời trẻ theo đạo Mormon, hung thủ cũng xuất thân từ Utah. Vụ án là chiến tích lẫy lừng, chứng minh năng lực điều tra thần kỳ của đội ngũ chấp pháp nước nhà, cũng là lời cảnh báo đanh thép đến các ngoại kiều đang sinh sống ở Anh - hãy bỏ hết thù oán lại quê hương trước khi nhập cảnh, bằng không sẽ phải trả giá đắt. Không còn nghi ngờ gì nữa, công đầu thuộc về hai vị thanh tra tài năng bậc nhất sở cảnh sát Scotland Yard - ngài Lestrade và ngài Gregson. Hung thủ đã bị bắt tại một nhà dân. Người này tên Sherlock Holmes, đang hành nghề thám tử tự do, từng vài lần hỗ trợ phá án. Tin chắc rằng được sự diu dắt của những vị

tiền bối lòng danh, anh ta sẽ sớm ngày tiến bộ. Sắp tới, hai vị thanh tra sẽ được trao bằng khen vì đã xuất sắc phá án và không ngừng cống hiến để bảo vệ trị an thủ đô.”

“Tôi đã nói mà,” Sherlock Holmes cười ngặt nghẽo. “Toàn bộ công sức của chúng ta trong kỳ án Huyết Thảm đã nằm gọn trên tám bằng khen của đôi bạn đó!”

“Điều thật! Cứ để đấy, tôi sẽ sớm vạch mặt hai người bọn họ. Còn cậu lo tận hưởng niềm vui chiến thắng đi. Người xưa đã nói còn gì:

‘Ông trời có mắt có tai
Tài ta ta biết, việc ta ta làm.’”

HẾT.